

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 6 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Ban hành theo Quyết định số 1376/QĐ-ĐHHĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Tên chương trình:

LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN VĂN – TIẾNG VIỆT THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU

Tiếng Việt: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – tiếng Việt

Tiếng Anh: Theory and Teaching Methodology of Language and Vietnamese

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn

Mã số: 8 14 01 11

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

01. TRIẾT HỌC

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: Triết học		Mã học phần
Tên tiếng Anh: Philosophy		8THXH1
Học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức chung ; <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành		
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 04		
Số tiết lý thuyết: 42	Số tiết thảo luận/bài tập: 36	
Số tiết thực hành: 0	Số tiết tự học: 180	
Số tiết các hoạt động khác: Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)		
Học phần tiên quyết	Không	

Học phần kế tiếp:	
Bộ môn quản lý học phần	Lý luận Mác – Lênin

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	TS. Mai Thị Quý	Phòng A.103. A6, cơ sở chính, Đại học Hồng Đức	0912 603 834	Phó trưởng khoa
2	TS. Lê Thị Thắm	Phòng A.102. A6, cơ sở chính, Đại học Hồng Đức	0917 304 898	Trưởng bộ môn
3	Ths. Nguyễn Phan Vũ	Phòng A.102. A6, cơ sở chính, Đại học Hồng Đức	0904 600 768	Phó TBM
4	TS. Đới Thị Thêu	Phòng A.102. A6, cơ sở chính, Đại học Hồng Đức	0946 302 888	Giảng viên

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm 8 chương. Chương 1: Giới thiệu tổng quan về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng và sự hình thành, phát triển của các trường phái triết học trong lịch sử. Chương 2: Khái quát quan điểm bản thể luận trong lịch sử triết học, khẳng định tính đúng đắn, khoa học quan điểm bản thể luận của triết học Mác – Lênin. Chương 3, 4, 5, 6, 7, 8 trình bày hệ thống triết học Mác – Lênin về CNDVBC và CNDVLS, ý nghĩa phương pháp luận và sự vận dụng trong quá trình đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

Năng lực cần đạt được: Học viên có năng lực tư duy trừu tượng, hình thành được hệ giá trị của thế giới quan duy vật, có phương pháp luận khoa học khi phân tích, đánh giá các hiện tượng trong đời sống xã hội; có nhận thức đúng đắn về cơ sở lý luận chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; có khả năng vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận triết học Mác - Lênin để giải quyết vấn đề trong hoạt động thực tiễn của xã hội và bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
CLO1	Khái lược kiến thức triết học Mác – Lênin ở bậc đại học; mở rộng, nâng cao kiến thức về các nền triết học từ thời cổ đại đến hiện đại; hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước trong quá trình lãnh đạo cách mạng và thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.	PLO4: Học viên có hiểu biết sâu sắc về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng, hệ thống các nguyên lý, quy luật, phạm trù của triết học Mác – Lênin. Khái quát hóa được những đặc điểm cơ bản của các nền triết học thế giới từ cổ đại đến hiện đại.
<i>Kỹ năng</i>		
CLO2	Học viên vận dụng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng để tiếp cận, giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo; nhận thức cơ sở lý luận của chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.	<p>PLO5: Học viên có năng lực tư duy trừu tượng, có khả năng khái quát hóa, hệ thống hóa tri thức triết học; vận dụng được kiến thức đã học vào việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.</p> <p>PLO6: Học viên nhận thức được cơ sở lý luận chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; nhận thức đúng được vai trò của triết học trong đời sống xã hội, đặc biệt là trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.</p>
<i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i>		
CLO3	Học viên có thái độ khách quan, phương pháp làm việc khoa học trong	PLO8: Hình thành được thái độ tự học, tự nghiên cứu; có phương pháp làm việc khoa học; có tinh thần trách nhiệm, khách quan

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
	nghiên cứu và học tập; có lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng; có lý tưởng sống đúng đắn theo định hướng của Đảng CSVN.	trong công việc. PLO9: Có phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng, chính trị vững vàng; có niềm tin vào công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Ma trận tích hợp giữa CDR của học phần và CDR của chương trình đào tạo:

<i>PLO</i>	<i>PLO1</i>	<i>PLO2</i>	<i>PLO3</i>	<i>PLO4</i>	<i>PLO5</i>	<i>PLO6</i>	<i>PLO7</i>	<i>PLO8</i>	<i>PLO9</i>	<i>PLO10</i>
<i>CLO</i>										
1				✓	✓					
2						✓				
3								✓	✓	

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra của học phần và CDR của CTĐT

5. Tài liệu dạy học

<i>Giáo trình/tài liệu tham khảo chính</i> (01-02 giáo trình/tài liệu)	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), <i>Giáo trình Triết học</i> (dành cho Cao học khối Khoa học xã hội và nhân văn), Nxb. Đại học sư phạm Hà Nội.
<i>Tài liệu tham khảo</i> (không quá 04 tài liệu)	1. Nguyễn Hữu Vui (1997), <i>Lịch sử triết học</i> , Nxb. CTQG, Hà Nội.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Điểm chuyên cần (20%)				
1	Tham gia lên lớp	Học viên đi học	CLO1	20%

		đầy đủ theo quy định; chủ động chuẩn bị bài; tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	CLO2,3	
2	Tham gia thảo luận	Rubric TL (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
3			CLO3	
			CLO4	
	CLO5			
Đánh giá thường xuyên (30%)				
1	Viết tiểu luận	Rubric tiểu luận (đánh giá tiểu luận)	CLO 2,3,4,5	30%
Thi cuối kì (50%)				
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần và tiến độ

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt	Khá	Đạt	Không đạt	
Mức độ thực hiện	50%	10 – 8.5	8.4 - 7.0	6.9 – 5.0	4.9 - 0	
		5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến $<$ 2.5	

kế hoạch nghiên cứu chuyên đề		Tham dự 95 - 100% số giờ lý thuyết	Tham dự 90 - 94% số giờ lý thuyết	Tham dự 80 - 89% số giờ lý thuyết	Tham dự < 80% số giờ lý thuyết	
Mức độ tích cực tham dự các hoạt động học tập chuyên đề	50%	5.0 đến ≥ 4.25	3.5 đến < 4.25	3.5 đến ≥ 2.5	0 đến < 2.5	
		- Chủ động tích cực thực hiện đáp ứng $\geq 85\%$ nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động, tích cực thực hiện đáp ứng $\geq 70\%$ nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động thực hiện đáp ứng $\geq 50\%$ nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	- Thực hiện đáp ứng < 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	
Tổng điểm:						

Rubric 2: Đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Bám sát vấn đề thảo luận và nêu ý kiến rất xác đáng	Nêu ý kiến khá xác đáng về vấn đề thảo luận	Một vài điểm trong ý kiến về vấn đề TL chưa xác đáng	Ý kiến lan man không bám vào chủ đề thảo luận.	
	30%	3.0 đến ≥ 2.5	2.0 đến ≤ 2.5	1.5 đến ≤ 2.0	0 đến $\leq 1,25$	

		Nhận xét, đánh giá thỏa đáng về các ý kiến khác, sử dụng lí lẽ, bằng chứng phù hợp để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá thỏa đáng về các ý kiến khác, đưa ra được 1 vài căn cứ khá thuyết phục để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá hời hợt về các ý kiến khác, nhiều lí lẽ, bằng chứng chưa thỏa đáng.	Nhận xét đánh giá không thỏa đáng về các ý kiến khác, thiếu lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	
Phương tiện hỗ trợ	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Sử dụng động tác hình thể và phương tiện phi ngôn ngữ, điều chỉnh nội dung, giọng điệu rất phù hợp với không khí thảo luận.	Sử dụng động tác hình thể, điều chỉnh nội dung, giọng điệu tương đối phù hợp với không khí thảo luận.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, nội dung dài ít phù hợp với không khí thảo luận.	Nội dung, giọng điệu không phù hợp với không khí thảo luận, nhiều lỗi diễn đạt.	
Thái độ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Hướng vào người cùng thảo luận để trao đổi ý kiến, có tinh thần cầu thị, biết lắng nghe và phản hồi tích cực.	Tôn trọng, lắng nghe người cùng thảo luận nhưng chưa tích cực phản hồi ý kiến.	Thiếu tinh thần cầu thị khi trao đổi ý kiến với người cùng thảo luận	Không tập trung lắng nghe, không trao đổi ý kiến.	
Tổng điểm:						

Rubric 3: Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt yêu cầu 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Nội dung đầy đủ, ngắn gọn, logic; Nhấn mạnh những điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ, ngắn gọn, logic. Nêu được 1 vài điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ nhưng dài và thiếu logic.	Nội dung sơ sài, lan man không đúng trọng tâm.	
	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Sử dụng nhiều ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Sử dụng 1 vài ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Nêu ví dụ khá lan man không làm rõ được quan điểm của bạn.	Không sử dụng ví dụ để giải thích quan điểm của bạn.	
Phương tiện hỗ trợ	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Ngôn ngữ, hình thể giọng nói truyền cảm, chuẩn mực; Sử dụng biểu, bảng/clip/ hình ảnh rất phù hợp.	Ngôn ngữ, giọng nói rõ ràng; Sử dụng biểu, bảng/clip/hình ảnh tương đối phù hợp.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, lạm dụng quá nhiều slide trình chiếu.	Nói không rõ ràng, nhiều lỗi diễn đạt, slide đơn điệu.	
Thái độ	20%	2.0 đến \geq	1.25 đến 1.5	1.0 đến \leq	0 đến $<$	

		<i>1.5</i>		<i>1.25</i>	<i>1.0</i>	
		Tạo lập được mối quan hệ thân thiện với người nghe; Tự tin, tương tác với người nghe	Tự tin, tương tác với người nghe	Thiếu tự tin, ít tương tác với người nghe	Không tự tin, không tương tác với người nghe	
Tổng điểm:						

Rubric 5: Đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 - 0	
Nội dung bài kiểm tra viết	40%	<i>4.0 đến ≥ 3.25</i>	<i>2.75 đến ≤ 3.25</i>	<i>2.5 đến ≥ 2.0</i>	<i>0 đến < 2.0</i>	
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, phân tích rõ ràng, sâu sắc nội dung kiến thức. Có những ý kiến đánh giá độc lập, sáng tạo và có sức thuyết phục.	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, phân tích được tương đối rõ ràng, đầy đủ kiến thức cơ bản, bước đầu có những luận giải sáng tạo riêng.	Kiến thức thực tế và lý thuyết cơ bản, nắm chưa vững 1 vài nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra, bước đầu có phân tích.	Rất thiếu kiến thức thực tế và lý thuyết; không trình bày được hoặc trình bày sơ sài, không đúng kiến thức cơ bản.	
	40%	<i>4.0 đến ≥ 3.25</i>	<i>2.75 đến ≤ 3.25</i>	<i>2.5 đến ≥ 2.0</i>	<i>0 đến < 2.0</i>	

		Mô tả/điểm giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; lập luận có sức thuyết phục cao, thể hiện tư duy lôgic, sáng tạo gắn được lý luận với thực tiễn. đưa ra được những ý kiến đánh giá, nhận độc đáo và chuẩn xác.	Mô tả/điểm giải/phân tích, tổng hợp/đánh giá thông tin, dữ liệu; biết dựa vào những vấn đề lý thuyết để liên hệ vào thực tiễn. Phân liên hệ, vận dụng rõ ràng, lôgic và đã bước đầu có tính sáng tạo.	Mô tả/điểm giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; nội dung liên hệ đã đúng với trọng tâm nhưng chưa sâu, tính lôgic giữa lý thuyết với vận dụng còn chưa cao.	Mô tả/điểm giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; không liên hệ được hoặc liên hệ không đúng trọng tâm theo yêu cầu hoặc liên hệ sơ sài, đối phó, chung chung.	
Hình thức bài kiểm tra viết	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Bố cục hợp lí, trình bày rõ ràng đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày rõ ràng, đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày chưa rõ ràng; mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.	Bố cục không hợp lí, trình bày lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
Sáng tạo	10%	$1.0 \text{ đến } 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \leq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Nhiều lập luận, phân tích mới mẻ, độc đáo.	Một số lập luận, phân tích mới tạo được dấu ấn	Một số lập luận, phân tích khác lạ không bị phụ thuộc	Một số lập luận, phân tích không hoàn toàn mới	

			riêng.	vào cái đã có.	nhưng không bị trùng lặp với cái đã có.	
Tổng điểm:						

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tổng
	Lý thuyết, bài tập	Thực hành	Thảo luận nhóm	Tự học, Tự NC	
<p>Chương 1. KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC</p> <p>1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch.</p> <p>3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội</p> <p>4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam</p>	4		4	12	28
<p>Chương 2. BẢN THỂ LUẬN</p> <p>1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây</p> <p>2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin</p> <p>3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p>	5		4	15	29
<p>Chương 3. PHÉP BIỆN CHỨNG</p> <p>1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử</p> <p>2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật 3. Những nguyên tắc phương</p>	8		6	24	38

pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn					
<p>Chương 4</p> <p>NHẬN THỨC LUẬN</p> <p>1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức</p> <p>2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội</p> <p>4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p>	4		4	12	20
<p>Chương 5. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại</p> <p>2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p>	8		6	24	38
<p>Chương 6. TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ</p> <p>1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học</p> <p>2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội</p> <p>3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay</p>	4		4	12	20
<p>Chương 7. Ý THỨC XÃ HỘI</p> <p>1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội</p> <p>2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</p> <p>3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay</p>	4		4	12	20
<p>Chương 8. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI</p>	5		4	15	29

1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử					
2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người					
3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh					
4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay					
	42	36		180	258

8. Quy định đối với học viên:

Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

Phòng học có đầy đủ các phương tiện bảng, máy chiếu projector để phục vụ các hoạt động dạy học. Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1

Người cập nhật

Ngày tháng năm

Cập nhật ĐCCTHP lần 2

Người cập nhật

Ngày tháng năm

Ngày tháng năm

Duyệt

(Khoa)

Trưởng bộ môn

(Kí tên)

Ngày tháng năm

Giảng viên

(Kí tên)

**TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC**

02. TIẾNG ANH**Thông tin chung về học phần**

Tên học phần:		Mã học phần 8TA001
Tên tiếng Việt: Tiếng Anh Tên tiếng Anh: English		
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
<input type="checkbox"/> Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng <input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành		
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ:	03	
Số tiết lý thuyết: 27	Số tiết thảo luận: 18	
Số tiết thực hành: 18	Số tiết tự học: 135	
Số tiết các hoạt động khác:		
Học phần tiên quyết:	Đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc Đại học (bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo <i>Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT</i>)	
Học phần kế tiếp:		
Bộ môn quản lý học phần	NN-VH&PPGD Tiếng Anh	

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	Tiến sĩ Nguyễn Thanh Minh	Khoa Ngoại ngữ, trường ĐH Hồng Đức, 565 Quang Trung, TP Thanh Hóa	0936086678 nguyenthanhminh@hdu.edu.vn	Phụ trách
2	Tiến sĩ Nguyễn Thị Quyết	Khoa Ngoại ngữ, trường ĐH Hồng Đức, 565 Quang Trung, TP Thanh Hóa	0988121899 nguyenthiquyet@hdu.edu.vn	Tham gia
3	Tiến sĩ Trịnh	Khoa Ngoại ngữ,	0865317289	Tham

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
	Thị Thơm	trường ĐH Hồng Đức, 565 Quang Trung, TP Thanh Hóa	trinhthithom@hdu.edu.vn	gia
4	Vũ Thị Loan	Khoa Ngoại ngữ, trường ĐH Hồng Đức, 565 Quang Trung, TP Thanh Hóa	0914839255 vuthiloan@hdu.edu.vn	Tham gia

3. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về ngữ pháp ở trình độ trung cấp như kiến thức về thì, so sánh, câu điều kiện, động từ tình thái, câu trần thuật, câu hỏi đuôi, mệnh đề quan hệ, đảo ngữ trong tiếng anh; kiến thức về từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ điểm quen thuộc cũng như các lĩnh vực chuyên môn; các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp; các kỹ năng làm bài thi Tiếng Anh theo định hướng bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

Năng lực đạt được: Học xong học phần này, học viên có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trù tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần (CLOx)	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)
Kiến thức		
CLO1	Nhận biết vốn từ vựng ở trình độ B2	PLO2
CLO2	Hệ thống hóa cấu trúc ngữ pháp trình độ B2	PLO2

Chuẩn đầu ra học phần (CLO_x)	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)
CLO3	Xác định và vận dụng các kỹ thuật nghe hiểu: nghe hiểu từ khóa, nghe hiểu và nhận biết được các thông tin chính trong hội thoại và các thông tin trình bày trên đài, tivi	PLO2
CLO4	Xác định và vận dụng các cách thức giao tiếp trong khi nói: người học biết cách giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc, có thể trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa, hiểu cách tham gia đàm thoại, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin cá nhân.	PLO2
CLO5	Xác định và vận dụng các chiến thuật đọc hiểu: khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đưa ra suy luận	PLO2
CLO6	Xác định và vận dụng các kỹ thuật Viết những dạng văn bản như văn miêu tả, thư cá nhân, văn kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử, hiểu và nhớ cách thức ghi truyền đạt thông tin, ý kiến về những chủ đề cụ thể.	PLO2
Kỹ năng		
CLO7	Sử dụng vốn từ vựng nằm trong phạm vi quy định của trình độ B2	PLO2
CLO8	Sử dụng cấu trúc ngữ pháp nằm trong phạm vi quy định của trình độ B2	PLO2
CLO9	Vận dụng kiến thức đã học để nghe hiểu và hoàn thành các bài tập Nghe hiểu ở trình độ B2	PLO2
CLO10	Vận dụng kiến thức đã học để giao tiếp, trình bày bài Nói ở trình độ B2	PLO2
CLO11	Vận dụng kiến thức đã học để đọc hiểu và hoàn	PLO2

Chuẩn đầu ra học phần (CLO_x)	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)
	thành các bài tập Đọc hiểu ở trình độ B2	
CLO12	Vận dụng kiến thức đã học để viết và hoàn thành các bài tập Viết ở trình độ B2	PLO2
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO13	Tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động kiểm tra đánh giá	PLO9
CLO14	Đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình	PLO7
CLO15	Phản biện với giáo viên và các người học khác	PLO8
CLO16	Có kỹ năng tổ chức các hoạt động tự học	PL09
CLO17	Thể hiện được khả năng làm việc độc lập, khả năng quản lý thời gian	PLO7

5. Tài liệu dạy học

<i>Giáo trình/tài liệu tham khảo chính</i>	1. Jan Bell and Amanda Thomas (2005) <i>Gold First</i> , Pearsons
<i>Tài liệu tham khảo</i>	1. Malcolm Man and Steve Taylor Knowles (2006) <i>Destination B2: Grammar and Vocabulary</i> , Macmillan Education 2. Nguyễn Thị Quyết (2019), Ngữ pháp căn bản Tiếng Anh trình độ A, NXB Thanh Hoá, Thanh Hoá. 3. Nguyễn Thị Quyết (2019), Ngữ pháp căn bản Tiếng Anh trình độ B, NXB Thanh Hoá, Thanh Hoá.

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	Viết	Rubric	CLO1	30%
			CLO2	

			CLO5	
			CLO6	
2	Thuyết trình	Rubric	CLO4	
			CLO7	
			CLO8	
			CLO14	
3	Vấn đáp	Rubric	CLO3	
			CLO4	
			CLO7	
			CLO8	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết	Rubric	CLO7	20%
			CLO8	
			CLO11	
			CLO12	
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric	CLO7, CLO8, CLO11, CLO12	50%
Thang điểm				10

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1: - Bài 1 (GT): Bands and fands

- Bài 1 (TLTK): Grammar: Present simple vs present continuous

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức và dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
Course introduction Course orientation	1	Lý thuyết			

<p>- Các kĩ năng: + Reading, Listening, Writing and Speaking - Read the article “Are music tribes a thing of the past” (p.8) - Listen to “My music” (p.12) - Write an informal email - Interview - Kiến thức ngôn ngữ: + Grammar Present simple vs present continuous (p.53) + Vocabulary: Verbs + infinitive (Vocabulary bank p.158) - Luyện thi (Exam practice): HLBB1 + Reading part 6 (p8-9) + Writing part 2 (p.16) + Listening part 3(p.12) + Speaking part 1 (p.7)</p>	3	<p>Lý thuyết Bài tập Thảo luận</p> <p>Lý thuyết</p> <p>Thực hành</p>	<p>CLO3-CLO6</p> <p>CLO1 CLO2</p> <p>CLO7-CLO12</p>	<p>Gold first</p> <p>Destination B2</p> <p>Gold first</p>	<p>Độc sách trang 53, 158 (GT)</p>
---	---	--	--	---	------------------------------------

Nội dung 2: - Bài 2 (GT): Relative values

- Bài 17 (TLTK); -ing form infinitive

+ Speaking part 4(p.58)					
-------------------------	--	--	--	--	--

Nội dung 7: - Bài 7 (GT): A home from home

- Bài 13 (TLTK): Grammar: Modal verbs

- Kiểm tra giữa kì

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức và dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
- Các kĩ năng: + Reading, Listening, Writing and Speaking - Read a novel extract “Brooklyn” (p.69) - Listen to “Shangri-la (p.74) - Write an essay (including a range of structures (p.76) - Speaking: long turn (stating preferences and speculating (p.71) - Kiến thức ngôn ngữ: + Grammar: Modal verbs (p.78) - Kiểm tra giữa kì	2	Bài tập Thảo luận	CLO3-CLO6	Gold first	Đọc sách trang 78 (GT)
	2	Lý thuyết Kiểm tra đánh giá	CLO1 CLO2 CLO13	Destination B2 Gold first	

Nội dung 8: - Bài 8 (GT): Moving on

- Bài 21 (TLTK): Grammar: Reported speech

- Bài 28 (TLTK): Vocabulary: Work and Business

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức và dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị

					bị
<p>- Các kĩ năng: + Reading, Listening, Writing and Speaking - Read the article “To the end of the Earth” (p.82) - Listen to “Future professions” (p.78) - Write a letter of application (p.86) - Speaking: collaborative task and discussion (agreeing and disagreeing (p.80) - Kiến thức ngôn ngữ: + Grammar: Reported speech (p.130) + Vocabulary: Work and Business (p. 172) - Luyện thi (Exam practice): + Reading part 7 (p.82) + Writing part 2 (p.86) + Listening part 3(p.78) + Speaking part 3&4 (p.80)</p>	5	<p>Bài tập Thảo luận</p> <p>Lý thuyết</p> <p>Thực hành</p>	<p>CLO3-CLO6</p> <p>CLO1 CLO2</p> <p>CLO7-CLO12</p>	<p>Gold first</p> <p>Destination B2</p> <p>Gold first</p>	<p>Độc sách trang 130,172 (GT)</p>

Nội dung 9: - Bài 9 (GT): Lucky break?

- Bài 9 (TLTK): Grammar: Conditionals (first, second, third)

- Bài 4 (TLTK): Vocabulary: Hobbies, sport and games

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức và dạy	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV
----------------	---------	--------------------------	-----------------	--------------------	------------

		học			chuẩn bị
<p>- Các kĩ năng:</p> <p>+ Reading, Listening, Writing and Speaking</p> <p>- Read the article “Usain Bolt: fast and loose” (p.88)</p> <p>- Listen to “Luck in sport” (p.92)</p> <p>- Write an essay (structuring a paragraph) (p.96)</p> <p>- Speaking: discussion (compensation strategies) (p.90)</p> <p>- Kiến thức ngôn ngữ:</p> <p>+ Grammar: Conditionals (first, second, third) (p.54)</p> <p>+ Vocabulary: Hobbies, sport and games (p.24)</p> <p>- Luyện thi (Exam practice):</p> <p>+ Reading part 6 (p.88)</p> <p>+ Writing part 1 (p.96)</p> <p>+ Listening part 4(p.92)</p> <p>+ Speaking part 4 (p.90)</p>	5	Bài tập Thảo luận	CLO3-CLO6	Gold first	Đọc sách trang 54,24 (GT)
		Lý thuyết	CLO1 CLO2	Destination B2	
		Thực hành	CLO7-CLO12	Gold first	

Nội dung 10: - Bài 10 (GT): Virtual friends

- Bài 9 (TLTK): Grammar: Conditionals (inverted/unless, incase, as/so long as, provided that)

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức và dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>- Các kĩ năng: + Reading, Listening, Writing and Speaking - Read the article “Virtual people, real friend” (p.103) - Listen to “My closest friend” (p.99) - Write an article (using a range of vocabulary) (p.106) - Speaking: collaborative task (turn-taking (p.105) - Kiến thức ngôn ngữ: + Grammar: Conditionals (inverted/unless, incase, as/so long as, provided that) (p.54) - Luyện thi (Exam practice): + Reading part 5 (p.103) + Writing part 2 (p.106) + Listening part 3</p>	4	<p>Bài tập Thảo luận</p> <p>Lý thuyết</p> <p>Thực hành</p>	<p>CLO3-CLO6</p> <p>CLO1 CLO2</p> <p>CLO7-CLO12</p>	<p>Gold first</p> <p>Destination B2</p> <p>Gold first</p>	<p>Đọc trang 54 (TLTK)</p> <p>A2</p> <p>B1, B2, B6, B11, B14, B19</p>

(p.99) + Speaking part 3(p.105)					
---------------------------------------	--	--	--	--	--

Nội dung 11:

- Bài 11 (GT): Living on the edge
- Bài 9 (TLTK): Grammar: Conditionals (mixed)

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức và dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>- Các kĩ năng: + Reading, Listening, Writing and Speaking - Read the article “The Kid who climbed Everest” (p.110) - Listen to “Risk-taking” (p.114) - Write a review (expressing personal opinions (p.118) - Speaking: long –turn (responding to your partner’s photographs) (p.117)</p> <p>- Kiến thức ngôn ngữ: + Grammar: Conditionals (mixed) (p.54) - Luyện thi (Exam practice): + Reading part 6</p>	4	<p>Bài tập Thảo luận</p> <p>Lý thuyết</p> <p>Thực hành</p>	<p>CLO3-CLO6</p> <p>CLO1 CLO2</p> <p>CLO7-CLO12</p>	<p>Gold first</p> <p>Destination B2</p> <p>Gold first</p>	<p>Đọc sách trang 54 (TLTK)</p>

(p.110) + Writing part 2 (p.118) + Listening part 2 (p.114) + Speaking part 2 (p.117)					
---	--	--	--	--	--

Nội dung 12:

- Bài 12 (GT): Crime science

- Bài 13 (TLTK): Grammar: Modal verbs (obligation, prohibition, and necessity)

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức và dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
- Các kỹ năng: + Reading, Listening, Writing and Speaking - Read the novel extract "One good turn" (p.124) - Listen to "Prison hotels" (p.120) - Write a report (making recommendations) (p.128) - Speaking: discussion (assessment) (p.123) - Kiến thức ngôn ngữ: + Grammar: Modal verbs (obligation, prohibition, and necessity) (p.78)	4	Bài tập Thảo luận Lý thuyết	CLO3-CLO6 CLO1 CLO2 CLO7-CLO12	Gold first Destination B2 Gold first	Đọc TLTK trang 78

<p>- Luyện thi (Exam practice): + Reading part 5 (p.124) + Writing part 2 (p.128) + Listening part 2 (p.120) + Speaking part 4(p.123)</p>		Thực hành			
--	--	-----------	--	--	--

Nội dung 13:

- Bài 13 (GT): Who are you again?

- Bài 13 (TLTK): Grammar: Modal verbs (Abilities)

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức và dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>- Các kĩ năng: + Reading, Listening, Writing and Speaking - Read the article "Identity crisis" (p.130) - Listen to short extract (p.136) - Write an informal letter (p. 138) - Speaking: long-turn (p.133) - Kiến thức ngôn ngữ: + Grammar: Modal verbs (abilities) (p.78) - Luyện thi (Exam practice):</p>	4	<p>Bài tập Thảo luận</p> <p>Lý thuyết</p> <p>Thực hành</p>	<p>CLO3-CLO6</p> <p>CLO1 CLO2</p> <p>CLO7-CLO12</p>	<p>Gold first</p> <p>Destination B2</p> <p>Gold first</p>	<p>Đọc TLTK trang 78</p>

+ Reading part 7 (p.130)					
+ Writing part 2 (p.138)					
+ Listening part 1 (p.136)					
+ Speaking part 2 (p.133)					

Nội dung 14: - Bài 14 (GT): Say what you mean

- Bài 6 (TLTK): Vocabulary: Science and technology

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức và dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>- Các kĩ năng:</p> <p>+ Reading, Listening, Writing and Speaking</p> <p>- Read the article "Inside a dog's world" (p.144)</p> <p>- Listen to "Communicating" (p.140)</p> <p>- Write an essay (proofreading) (p. 148)</p> <p>- Speaking: interview and long-turn (p.143)</p> <p>- Kiến thức ngôn ngữ:</p> <p>+ Vocabulary: Science and technology (p.36)</p> <p>- Luyện thi (Exam practice):</p>	5	<p>Bài tập</p> <p>Thảo luận</p> <p>Lý thuyết</p> <p>Thực hành</p>	<p>CLO3-CLO6</p> <p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO7-CLO12</p>	<p>Gold first</p> <p>Destination B2</p> <p>Gold first</p>	<p>Đọc TLTK trang 36</p>

+ Reading part 5 (p.144)					
+ Writing part 1 (p.1481)					
+ Listening part 3 (p.140)					
+ Speaking part 1& 2 (p.143)					

8. Quy định đối với học viên: Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như: làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến xây dựng bài,.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của học phần
- Tham gia thi, kiểm tra, đánh giá đầy đủ
- Không sao chép bài của người khác

9. Các yêu cầu khác của giảng viên

- Tự học ở nhà có sự hướng dẫn của giáo viên

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1

Người cập nhật

Ngày tháng năm

Cập nhật ĐCCTHP lần 2

Người cập nhật

Ngày tháng năm

Ngày tháng 7 năm 2022

Duyệt

(Khoa)

Trưởng bộ môn

(Kí tên)

Giảng viên

(Kí tên)



Nguyễn Thanh Minh

03. LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

Thông tin chung về học phần

Tên tiếng Việt: Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại		Mã học phần 1NV101
Tên tiếng Anh: Theorys and methods of modern literature research		
Học phần:	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/>	
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức chung; <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành		
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 3		
Số tiết lý thuyết: 27		Số tiết thảo luận: 18
Số tiết thực hành: 18		Số tiết tự học: 135
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết: không		
Học phần kế tiếp:		
Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn		

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	TS. Vũ Thanh Hà	Khoa KHXH, trường ĐH Hồng Đức	0912114360 vuthanhha@hdu.edu.vn	Phụ trách
2	TS. Nguyễn Thị Hạnh	Khoa KHXH, trường ĐH Hồng Đức	0904083308 Nguyenthihanh@hdu.edu.vn	Tham gia

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết và các phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại. Học phần bao gồm các phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp tiểu sử, Trường phái văn hóa – lịch sử, Huyền thoại học, Tiến hóa luận văn học, Trường phái lịch sử – tinh thần, Chủ nghĩa hình thức Nga, Lý thuyết phê bình mới, Lý thuyết

phân tích văn hóa, Phê bình tưởng tượng, Chủ nghĩa hiện sinh, Xã hội học cấu trúc, Tự sự học, Thi pháp học cấu trúc, Chủ nghĩa hậu cấu trúc, Mỹ học tiếp nhận.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CDR của học phần và CDR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
CLO1	Xác định được khái niệm phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp tiểu sử, Trường phái văn hóa – lịch sử, Huyền thoại học, Tiến hóa luận văn học, Trường phái lịch sử – tinh thần, Chủ nghĩa hình thức Nga, Lý thuyết phê bình mới, Lý thuyết phân tích văn hóa, Phê bình tưởng tượng, Chủ nghĩa hiện sinh, Xã hội học cấu trúc, Tự sự học, Thi pháp học cấu trúc, Chủ nghĩa hậu cấu trúc, Mỹ học tiếp nhận;	PLO3, PLO4, PLO5, PLO6
CLO2	Hệ thống, phân loại và nắm bắt được các phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp tiểu sử, Trường phái văn hóa – lịch sử, Huyền thoại học, Tiến hóa luận văn học, Trường phái lịch sử – tinh thần, Chủ nghĩa hình thức Nga, Lý thuyết phê bình mới, Lý thuyết phân tích văn hóa, Phê bình tưởng tượng, Chủ nghĩa hiện sinh, Xã hội học cấu trúc, Tự sự học, Thi pháp học cấu trúc, Chủ nghĩa hậu cấu trúc, Mỹ học tiếp nhận vào trong quá trình nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở trường THPT.	PLO3, PLO6, PLO7, PLO8
<i>Kỹ năng</i>		
CLO3	Người học chiếm lĩnh, nghiên cứu, phê bình, giảng dạy văn học dưới góc độ của những lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại.	PLO3, PLO4, PLO5, PLO9
<i>Mức tự chủ và chịu trách nhiệm</i>		
CLO4	Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề đặt ra trong nghiên cứu và giảng	PLO9, PLO10

	dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông.	
--	--	--

***Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT**

CLO \ PLO	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
1	✓	✓	✓	✓				
2	✓			✓	✓	✓		
3	✓	✓	✓				✓	
4							✓	✓

5. Tài liệu dạy học

Giáo trình / Tài liệu tham khảo chính	[1]. Nhiều tác giả (2019), <i>Các lý thuyết và phương pháp văn học</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.
Tài liệu tham khảo	1. R. Wellek, A Warren (2009), <i>Lý luận văn học</i> , NXB Văn học, Hà Nội. 2. Đỗ Đức Hiểu (2000), <i>Thi pháp hiện đại</i> , NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
2	Thảo luận/Thuyết trình	Rubric 2/ Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
Kiểm tra thường xuyên				30%
	Viết	Rubric 5	CLO2, CLO3	
Thi cuối kỳ				50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
Thang điểm				10

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1, Tuần 1. Những vấn đề chung

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
Những yêu cầu của thực tế nghiên cứu văn học; Giới thuyết về các lý thuyết và phương pháp	7	Lý thuyết	CLO1, CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2]	Nghiên cứu tài liệu
Thảo luận về ý kiến cho rằng cần thiết phải có những phương pháp nghiên cứu mới	5	Thảo luận / BT	CLO1, CLO2-3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu tài liệu - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.
Thông nhất cách gọi (dịch) tên các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu	4	Thực hành	CLO2, CLO3	Đọc thêm các tài liệu khác trên các trang Website	Nghiên cứu tài liệu - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.
Tìm hiểu và nghiên cứu tư liệu liên quan các khái niệm trên	30	Tự học	CLO3-4		Nghiên cứu tài liệu
		KT - ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 2, Tuần 2. Các phương pháp nghiên cứu

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
-----------------------	----------------	------------------------------	------------------------	---------------------------	----------------------------

		học			
<p>2.1. Khái niệm phương pháp tiểu sử</p> <p>2.2. Sainte Beuve và phương pháp tiểu sử học</p> <p>2.3. Tác giả Jakov Grimm và phương pháp huyền thoại học</p> <p>2.4. Huyền thoại đạo đức</p> <p>2.5. Về những nghiên cứu của C.G. Jung</p> <p>2.6. Quan hệ của tâm lý học phân tích đối với sáng tạo văn học nghệ thuật</p> <p>2.7. Những lý thuyết văn học của Eliot</p> <p>2.8. Truyền thống và tài năng cá nhân</p>	7	Lí thuyết	CLO1-2	<p>Đọc tài liệu số [1], [2]; tìm hiểu thêm tài liệu số [3]</p>	<p>- Chuẩn bị nội dung thảo luận</p> <p>- Làm bài tập theo yêu cầu của GV</p>
Nghiên cứu nội dung của các phương pháp nghiên cứu	4	Thực hành	CLO2, CLO3	<p>Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]</p>	<p>- Chuẩn bị nội dung thực hành</p> <p>- Làm bài tập theo yêu cầu của GV.</p>
Có những phương pháp nghiên cứu nào kể trên đã được ứng dụng ở Việt Nam	5	Thảo luận / BT	CLO2, CLO3	<p>Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]</p>	Thực hiện nhiệm vụ GV yêu cầu
Tìm hiểu về các tác giả và nội dung chính của các phương pháp kể trên	35	Tự học	CLO1, CLO4	<p>Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số</p>	Nghiên cứu tài liệu

				[2], [3] và sgk hiện nay và chương trình mới	
Viết bài giới thiệu về 01 tác giả hoặc phương pháp nghiên cứu		KT - ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 3, Tuần 3. Các trường phái nghiên cứu

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
3.1. Cơ sở hình thành 3.2. Những nội dung cơ bản của nghiên cứu Văn hóa – Lịch sử 3.3. Wilhelm Dilthey và trường phái lịch sử – tinh thần 3.4. Sức mạnh của tưởng tượng thi ca và khởi nguyên của thi pháp 3.5. Quan niệm về tác phẩm văn học trong thời gian 3.6. Các yếu tố của Phê bình văn học 3.7. Nhà phê bình Northrop Frye 3.8. Giải phẫu phê bình	6	Lý thuyết	CLO1, CLO2	Đọc tài liệu số [1], [2]; tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	Nghiên cứu giáo trình
Vận dụng lí thuyết để khai thác một văn bản sử thi/thơ/tiểu thuyết/truyện ngắn cụ thể trong chương trình	5	Thực hành	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu tài liệu - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.

Phân tích điểm mạnh và hạn chế của các trường phái nghiên cứu	4	Thảo luận / BT	CLO2, CLO3	Từ thực tế giảng dạy	Trải nghiệm bản thân và đồng nghiệp - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.
Ôn tập về dạy học VHNN theo đặc trưng thể loại và định hướng hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh phổ thông	35	Tự học	CLO4	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu tài liệu
		KT - ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 4, Tuần 4. Chủ nghĩa hình thức, Chủ nghĩa hiện sinh

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
4.1. Khái niệm 4.2. Nghệ thuật như là thủ pháp 4.3. Quan điểm triết học hiện sinh của Jean Paul Sartre 4.4. Viết để làm gì?	7	Lí thuyết	CLO1, CLO2	Đọc tài liệu số [1], [2]; tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm bài tập theo yêu cầu của GV
Làm rõ khái niệm của chủ nghĩa hình thức và chủ nghĩa hiện sinh	5	Thảo luận / BT	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.
Vận dụng phương pháp nghiên cứu và	5	Thực hành	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu	Thực hiện nhiệm vụ GV

một đề tài cụ thể				thêm tài liệu số [2], [3]	yêu cầu
Tập duyệt NCKH (chọn một đề tài VHNN cụ thể)	35	Tự học	CLO4		Nghiên cứu tài liệu
Lập đề cương chi tiết cho đề tài đề xuất ở trên		KT - ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 5, Tuần 5. Xã hội học cấu trúc, Thi pháp học cấu trúc, Chủ nghĩa hậu cấu trúc

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
5.1. Tác giả Lucien Goldmann 5.2. Phương pháp cấu trúc phát sinh trong lịch sử văn học 5.3. Về tác giả Roman Jakobson 5.4. Ngôn ngữ học và thi pháp học 5.5. Chủ nghĩa cấu trúc và hậu cấu trúc 5.6. Chủ nghĩa hậu cấu trúc	7	Lí thuyết	CLO1, CLO2	Đọc tài liệu số [1], [2]; tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm bài tập theo yêu cầu của GV
Làm rõ nội dung khái niệm của chủ nghĩa cấu trúc, hậu cấu trúc	5	Thảo luận / BT	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.
Vận dụng phương	5	Thực hành	CLO2,	Đọc tài liệu số	Thực hiện

pháp nghiên cứu và một đề tài cụ thể			CLO3	[1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	nhiệm vụ GV yêu cầu
	35	Tự học	CLO4		Nghiên cứu tài liệu
		KT - ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 6, Tuần 6. Mỹ học tiếp nhận

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
61. Về tác giả Hans Robert Jauss 6.1. Lịch sử văn học như là sự khiêu khích đối với khoa học văn học	7	Lí thuyết	CLO1, CLO2	Đọc tài liệu số [1], [2]; tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm bài tập theo yêu cầu của GV
Làm rõ nội dung khái niệm của Mỹ học tiếp nhận	5	Thảo luận / BT	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.
Vận dụng phương pháp nghiên cứu và một đề tài cụ thể	5	Thực hành	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Thực hiện nhiệm vụ GV yêu cầu
Tự đọc các nội dung khái niệm, tác giả của phần này	35	Tự học	CLO4		Nghiên cứu tài liệu
Hoàn thành đề cương ôn tập của học phần		KT - ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

8. Quy định đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giáo viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

9. Các yêu cầu khác:

- Trước khi lên lớp, học viên phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và làm bài bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Trên lớp chú ý nghe giảng và tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài.
- Ở nhà, học viên tích cực tự học, tự nghiên cứu tài liệu để hoàn thành tốt môn học.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1: Ngày 5 tháng 9 năm 2018	Người cập nhật Vũ Thanh Hà
Cập nhật ĐCCTHP lần 2: Ngày 15 tháng 9 năm 2020	Người cập nhật Vũ Thanh Hà
Cập nhật ĐCCTHP lần 3: Ngày 10 tháng 08 năm 2023	Người cập nhật Vũ Thanh Hà

Ngày 10 tháng 08 năm 2022

Trưởng Khoa

P. Trưởng Bộ môn

Giảng viên

Mai Văn Tùng

Nguyễn Thị Hạnh

Vũ Thanh Hà

**TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Lê Văn Thành

04. Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt

Thông tin chung về học phần

Tên tiếng Việt: Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt		Mã học phần 1NV104
Tên tiếng Anh: Language in the communication culture of the Vietnamese people		
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức chung ; <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành		
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 3		
Số tiết lý thuyết: 27	Số tiết thảo luận: 30	
Số tiết thực hành: 6	Số tiết tự học: 135	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết: Không		
Học phần kế tiếp: Loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam		
Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn		

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	TS. Lê Thị Bình	Khoa KHXH, trường ĐH Hồng Đức	0982951292 Lethibinh@hdu.edu.vn	Phụ trách
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Hương	Khoa KHXH, trường ĐH Hồng Đức	0916042724 Linhhuonghd75@gmail.com	Tham gia

3. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản, cần yếu về Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt gồm: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp; Giao tiếp bằng ngôn ngữ; Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt; Một số đặc trưng cơ bản của văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CDR của học phần và CDR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
CLO1	Hiểu, phân tích được những vấn đề về Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp người Việt như: những kiến thức nền tảng về ngôn ngữ, văn hóa, giao tiếp; hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ; các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt; một số đặc trưng cơ bản của văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt.	PLO4
CLO2	Vận dụng được hệ thống kiến thức ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt vào phân tích, luận giải các vấn đề cụ thể, vào giảng dạy Ngữ văn và thực tiễn công việc.	PLO4
<i>Kỹ năng</i>		
CLO3	Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng tư vấn chuyên môn, thảo luận các vấn đề về ngôn ngữ văn hóa với người học, với đồng nghiệp và với những người khác.	PLO6 PLO7
<i>Mức tự chủ và chịu trách nhiệm</i>		
CLO4	Thể hiện năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường; có khả năng tự định hướng; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ Việt Nam.	PLO9

***Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT**

PLO	PLO4				PLO5		PLO6			PLO7			PLO9			
CLO	PI4	PI4	PI4	PI4	PI5	PI5	PI6	PI6	PI6	PI7	PI7	PI7	PI9	PI9	PI9	PI9
	.1	.2	.3	.4	.1	.2	.1	.2	.3	.1	.2	.3	.1	.2	.3	.4
1	✓		✓													
2			✓	✓		✓										
3							✓	✓	✓	✓	✓	✓				
4													✓	✓	✓	✓

5. Tài liệu dạy học

Giáo trình / Tài liệu tham khảo chính	[1] Hữu Đạt (2009), <i>Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt</i> , Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
Tài liệu tham khảo	[1] Đỗ Hữu Châu (2001), <i>Đại cương ngôn ngữ học</i> , Tập 2, Ngữ dụng học, Nxb Giáo dục, Hà Nội. [2] Trần Ngọc Thêm (2000), <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	20%
2	Thảo luận/Thuyết trình	Rubric 2/ Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				30%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	
Thi cuối kỳ				50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	
Thang điểm				10

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1, tuần 1. *Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp*

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
Chương 1. Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp					
1.1. Khái quát về ngôn ngữ	3	Lý thuyết	CLO1, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu giáo trình
1.2. Khái quát về văn hóa	3	Lý thuyết	CLO1, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu giáo trình
1.3. Khái quát về giao tiếp	3	Lý thuyết	CLO1, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu giáo trình
Ôn tập về đặc điểm của tiếng Việt và đặc trưng văn hóa cơ bản của người Việt	25	Tự học	CLO4		Nghiên cứu tài liệu
		KT - ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 1, tuần 2. Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp (tiếp)

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
Chương 1. Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp					
1.4. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa trong giao tiếp	5	Thảo luận / BT	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm bài tập theo yêu cầu của GV
1.5. Văn hóa giao tiếp	5	Thảo luận / BT	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.
Phân tích vai trò của giao tiếp	2	Thực hành	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Thực hiện nhiệm vụ GV yêu cầu
Ôn tập về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp	20	Tự học	CLO1, CLO3		Nghiên cứu tài liệu
		KT - ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 2, tuần 3. Giao tiếp bằng ngôn ngữ

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
Chương 2. Giao tiếp bằng ngôn ngữ					
2.1. Các hình thức giao tiếp bằng ngôn ngữ	4	Lý thuyết	CLO1, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu giáo trình
2.2. Vai trò của giao tiếp bằng ngôn ngữ	5	Lý thuyết	CLO1, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu giáo trình
Ôn tập về các hình thức giao tiếp bằng ngôn ngữ	15	Tự học	CLO4	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu tài liệu
		KT - ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 2, tuần 4. Giao tiếp bằng ngôn ngữ (tiếp)

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị

Chương 2. Giao tiếp bằng ngôn ngữ					
2/3. Khái niệm giao tiếp bằng ngôn ngữ	5	Thảo luận / BT	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm bài tập theo yêu cầu của GV
2.4. Vai trò của các hình thức giao tiếp bằng ngôn ngữ	5	Thảo luận / BT	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.
Phân tích nhân tố giao tiếp	2	Thực hành	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Thực hiện nhiệm vụ GV yêu cầu
Ôn tập về giao tiếp, hình thức giao tiếp, vai trò của giao tiếp bằng ngôn ngữ	25	Tự học	CLO4		Nghiên cứu tài liệu
		KT - ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 3, tuần 5. Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
-----------------------	----------------	----------------------------------	------------------------	---------------------------	----------------------------

Chương 3. Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt					
3.1. Các yếu tố cận lời và phi lời trong văn hóa giao tiếp của người Việt	4	Lý thuyết	CLO1, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu giáo trình
3.2. Các yếu tố cơ bản của văn hóa chi phối giao tiếp của người Việt	5	Lý thuyết	CLO1, CL03	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu giáo trình
Ôn tập về các yếu tố cận lời và phi lời trong văn hóa giao tiếp của người Việt	25	Tự học	CLO4	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu tài liệu
		KT - ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 3, tuần 6. Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt (tiếp)

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
Chương 3. Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt					
3.3. Phân biệt các yếu tố cận lời và phi lời trong giao tiếp của người Việt	5	Thảo luận / BT	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm các bài tập theo yêu cầu của GV
3.4. Phân tích các yếu tố về tuổi, địa vị xã hội trong văn hóa giao tiếp của người Việt	5	Thảo luận / BT	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm các bài tập theo yêu cầu của GV
Phân tích yếu tố giới tính chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt	2	Thực hành	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Thực hiện nhiệm vụ GV yêu cầu
Ôn tập các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt	25	Tự học	CLO4	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu tài liệu
		KT - ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

8. Quy định đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giáo viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

9. Các yêu cầu khác:

- Trước khi lên lớp, học viên phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và làm bài bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Ở trên lớp phải chú ý nghe giảng và tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài.
- Ở nhà, học viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu tài liệu để hoàn thành tốt môn học.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần:

Cập nhật ĐCCTHP lần 1 Ngày tháng năm 2020	Người cập nhật Mai Thị Hảo Yến
Cập nhật ĐCCTHP lần 2 Ngày tháng năm 2023	Người cập nhật Lê Thị Bình

Ngày tháng năm 2022

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Giảng viên

Mai Văn Tùng

Vũ Thanh Hà

Lê Thị Bình

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

04. NGÔN NGỮ VÀ VĂN HỌC

Thông tin chung về học phần

Tên tiếng Việt: Ngôn ngữ và văn học		Mã học phần 1NV105
Tên tiếng Anh: Linguistics and Literature		
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức chung ; <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành		
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 3		
Số tiết lý thuyết: 27	Số tiết thảo luận: 30	
Số tiết thực hành: 6	Số tiết tự học: 135	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết: Không		
Học phần kế tiếp: Loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam		
Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn		

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	TS. Lê Thị Bình	Khoa KHXH, trường ĐH Hồng Đức	0982951292 Lethibinh@hdu.edu.vn	Phụ trách
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Hương	Khoa KHXH, trường ĐH Hồng Đức	0916042724 Linhhuonghd75@gmail.com	Tham gia

5. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản của ngôn ngữ trong mối quan hệ với văn học. Đó là quan niệm về ngôn ngữ, về các chức năng của ngôn ngữ, về đặc tính của nghệ thuật văn chương trong hệ thống các loại hình nghệ thuật, về sự chi phối của chất liệu ngôn ngữ đối với các quá trình sáng tác và tiếp nhận văn chương cũng như đối với các tác phẩm văn chương. Lý thuyết về hoạt động giao tiếp ngôn ngữ được vận dụng vào lĩnh vực văn chương góp phần khẳng định bản chất giao tiếp của văn chương,

phân xuất những đặc điểm của giao tiếp trong văn chương. Học phần còn cung cấp cơ sở lý thuyết về tín hiệu và hệ thống tín hiệu ngôn ngữ, từ đó lý giải bản chất và đặc điểm của tín hiệu ngôn ngữ và tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương; mối quan hệ và sự chuyển hóa từ tín hiệu ngôn ngữ sang tín hiệu thẩm mỹ; nguồn gốc và phương thức xây dựng tín hiệu thẩm mỹ, tính chất của tín hiệu thẩm mỹ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức		
CLO1	Hiểu, phân tích, giải thích được những vấn đề cơ bản như chức năng làm chất liệu cho tác phẩm văn học của ngôn ngữ, đặc điểm của hoạt động giao tiếp ngôn ngữ đời thường và giao tiếp trong văn chương, đặc điểm của tín hiệu thẩm mỹ và mối quan hệ giữa tín hiệu ngôn ngữ đời thường và tín hiệu thẩm mỹ trong văn học. Từ đó thấy được mối quan hệ qua lại giữa ngôn ngữ và văn học, thấy được sự tương đồng và khác biệt giữa ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ văn chương.	PLO4
CLO2	Vận dụng được hệ thống kiến thức ngôn ngữ và văn học vào phân tích, luận giải các vấn đề cụ thể của ngôn ngữ, của văn học, vào giảng dạy Ngữ văn và thực tiễn công việc.	PLO4
Kỹ năng		
CLO3	Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về ngôn ngữ và văn học; có kỹ năng truyền đạt,	PLO6 PLO7

	kỹ năng tư vấn chuyên môn, thảo luận các vấn đề về ngôn ngữ, văn học và mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn học với người học, với đồng nghiệp và với những người khác.	
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm		
CLO4	Thể hiện năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về ngôn ngữ và văn học; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường; có khả năng tự định hướng; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn.	PLO9

***Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT**

PLO	PLO4				PLO5		PLO6			PLO7			PLO9			
	PI4 .1	PI4 .2	PI4 .3	PI4 .4	PI5 .1	PI5 .2	PI6 .1	PI6 .2	PI6 .3	PI7 .1	PI7 .2	PI7 .3	PI9 .1	PI9 .2	PI9 .3	PI9 .4
1	✓		✓													
2			✓	✓		✓										
3							✓	✓	✓	✓	✓	✓				
4													✓	✓	✓	✓

5. Tài liệu dạy học

Giáo trình / Tài liệu tham khảo chính	[1] Bùi Minh Toán (2012), <i>Ngôn ngữ với văn chương</i> , Nxb Giáo dục Việt Nam.
Tài liệu tham khảo	[1] Nguyễn Lai (1996), <i>Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học</i> , Nxb Giáo dục.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	20%
2	Thảo luận/Thuyết trình	Rubric 2/ Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				30%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	
Thi cuối kỳ				50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	
Thang điểm				10

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1, tuần 1. Ngôn ngữ - chất liệu của nghệ thuật văn chương

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
Chương 1. Ngôn ngữ - Chất liệu của nghệ thuật văn chương					
1. Quan niệm về ngôn ngữ	1	Lý thuyết	CLO1, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu giáo trình
2. Chức năng của ngôn ngữ	3	Lý thuyết	CLO1, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu giáo trình
3. Văn chương trong hệ thống các loại hình nghệ thuật	3	Lý thuyết	CLO1, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu giáo trình
Ôn tập về tính chất của tín hiệu ngôn ngữ.	20	Tự học	CLO4		Nghiên cứu tài liệu
		KT – ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 1, tuần 2. Ngôn ngữ - chất liệu của nghệ thuật văn chương (tiếp)

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
Chương 1. Ngôn ngữ - Chất liệu					

của nghệ thuật văn chương					
1. Chức năng giao tiếp của ngôn ngữ	5	Thảo luận / BT	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm bài tập theo yêu cầu của GV
3. Chức năng thẩm mỹ của ngôn ngữ	5	Thảo luận / BT	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.
Phân tích các chức năng của ngôn ngữ	2	Thực hành	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Thực hiện nhiệm vụ GV yêu cầu
Ôn tập về chức năng của ngôn ngữ	15	Tự học	CLO1, CLO3		Nghiên cứu tài liệu
		KT – ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 2, tuần 3. Giao tiếp ngôn ngữ đời thường và giao tiếp trong văn chương

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
Chương 2. Giao tiếp ngôn ngữ đời thường và giao tiếp trong văn chương					

1. Giao tiếp ngôn ngữ đời thường	5	Lý thuyết	CLO1, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu giáo trình
2. Giao tiếp trong văn chương	5	Lý thuyết	CLO1, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu giáo trình
Ôn tập về các nhân tố giao tiếp đời thường	25	Tự học	CLO4	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu tài liệu
		KT - ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 2, tuần 4. Giao tiếp ngôn ngữ đời thường và giao tiếp trong văn chương (tiếp)

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
Chương 2. Giao tiếp ngôn ngữ đời thường và giao tiếp trong văn chương					
1.Nhân tố giao tiếp đời thường	5	Thảo luận / BT	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm bài tập theo yêu cầu của GV

2.Nhân tố giao tiếp trong văn chương	5	Thảo luận / BT	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.
Phân tích nhân tố giao tiếp	2	Thực hành	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Thực hiện nhiệm vụ GV yêu cầu
Ôn tập về nhân tố giao tiếp đời thường và giao tiếp trong văn chương	25	Tự học	CLO4		Nghiên cứu tài liệu
		KT – ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 3, tuần 5. Từ tín hiệu ngôn ngữ đến tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
Chương 3. Từ tín hiệu ngôn ngữ đến tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương					
1. Tín hiệu ngôn ngữ	5	Lý thuyết	CLO1, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu giáo trình

2. Tín hiệu thâm mã	5	Lý thuyết	CLO1, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu giáo trình
Ôn tập về tính chất của tín hiệu ngôn ngữ.	25	Tự học	CLO4	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu tài liệu
		KT - ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 3, tuần 6. Từ tín hiệu ngôn ngữ đến tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương (tiếp)

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
Chương 3. Từ tín hiệu ngôn ngữ đến tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương					
1. Quan hệ giữa tín hiệu ngôn ngữ và tín hiệu thẩm mỹ	5	Thảo luận / BT	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm các bài tập theo yêu cầu của GV
2. Các phương thức xây dựng tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương	5	Thảo luận / BT	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm các bài tập theo yêu cầu của GV
Phân tích các tính chất của tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn chương	2	Thực hành	CLO2	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Thực hiện nhiệm vụ GV yêu cầu
Ôn tập về các tính chất của tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương	25	Tự học	CLO4	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu tài liệu
		KT – ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

8. Quy định đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giáo viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

9. Các yêu cầu khác:

- Trước khi lên lớp, học viên phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và làm bài bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.

- Ở trên lớp phải chú ý nghe giảng và tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài.

- Ở nhà, học viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu tài liệu để hoàn thành tốt môn học.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1	Người cập nhật
Ngày tháng năm 2018	Lê Thị Bình
Cập nhật ĐCCTHP lần 2	Người cập nhật
Ngày 15 tháng năm 2020	Lê Thị Bình
Cập nhật ĐCCTHP lần 3	Người cập nhật
Ngày 20 tháng 9 năm 2022	Lê Thị Bình

Ngày 20 tháng 9 năm 2022

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Giảng viên

Mai Văn Tùng

Vũ Thanh Hà

Lê Thị Bình

**TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

06. Loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam

Thông tin chung về học phần

Tên học phần: Loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam		Mã học phần 1NV102
Tên tiếng Việt: Loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam Tên tiếng Anh: Type of authors in Vietnamese medieval literature		
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành		
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 03		
Số tiết lý thuyết: 27	Số tiết thảo luận: 30	
Số tiết thực hành: 6	Số tiết tự học: 135	
Số tiết các hoạt động khác: Không		
Học phần tiên quyết: Không		
Học phần kế tiếp:		
Bộ môn quản lý học phần		Ngữ văn

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	TS. Nguyễn Văn Thế	Khoa KHXH, trường ĐH Hồng Đức	0912226095 nguyenvanthe@hdu.edu.vn	
2	TS. Lê Thị Nương	Khoa KHXH, trường ĐH Hồng Đức	0915568186 lethinuong@hdu.edu.vn	

3. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần: Vận dụng lý thuyết loại hình học để tìm hiểu một phương diện cơ bản của loại hình học trong nghiên cứu văn học là loại hình tác giả; triển khai nghiên cứu ứng dụng vào lịch sử văn học Việt Nam: mô tả, hệ thống hóa, phân loại đối với các loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam. Bao gồm kiểu tác giả vua chúa, tướng lĩnh;

kiểu tác giả văn học Thiên sư và kiểu tác giả văn học nhà nho. Trong đó, kiểu tác giả văn học nhà nho có số lượng đông đảo nhất, để lại nhiều nhất về số lượng tác phẩm cũng như những tác phẩm có giá trị trong văn học truyền thống.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CDR của học phần và CDR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)
CLO1	Nhận diện và hệ thống hóa được các kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam.	PLO3, PLO4
CLO2	Luận giải và đánh giá về các kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam với các loại hình tác giả trong nền văn học dân tộc.	PLO3, PLO4
CLO3	Vận dụng kiến thức lý luận và thực tiễn về loại hình tác giả văn học trung đại để nghiên cứu và giảng dạy văn học trung đại Việt Nam trong chương trình phổ thông.	PLO5 PLO6

* Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

PLO \ CLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
	1			✓	✓	
2			✓	✓		
3					✓	✓

5. Tài liệu dạy học

<i>Giáo trình/tài liệu tham khảo chính</i>	[1] Trần Đình Hượu (1999), <i>Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại</i> , Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
<i>Tài liệu tham khảo</i>	[1] Trần Ngọc Vương (1999), <i>Loại hình học tác giả văn học - Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam</i> , Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội. [2] Biện Minh Điền (2015), <i>Loại hình văn học trung đại Việt Nam</i> , Nhà xuất bản Đại học Vinh.

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Thảo luận/ Bài tập nhóm	Rubric 2,3	CLO3	30%
2	Viết/ Bài tập cá nhân	Rubric 3,5	CLO1, CLO2, CLO3	
Đánh giá chuyên cần (20%)				
1	Tham gia thảo luận, đi học đầy đủ	Rubric 1,2	CLO1, CLO2,	20%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3	50%
Thang điểm				10

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

7.1. Nội dung học phần

Chương 1. Khái quát về loại hình học và loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam [19 (8 LT, 9 TL, 2 TH)]

1.1. Khái niệm loại hình, loại hình học, loại hình tác giả văn học

1.1.1. Loại hình

1.1.2. Loại hình học

1.1.3. Loại hình tác giả văn học

1.2. Khái quát về loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam

1.2.1. Cơ sở hình thành, phát triển

1.2.2. Phân loại kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam

Chương 2. Một số kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam[25 (11 LT, 12 TL, 2 TH)]

2.1. Kiểu tác giả vua chúa, tướng lĩnh

2.1.1. Cơ sở xuất hiện

2.1.2. Đặc điểm sáng tác

2.1.3. Thành tựu sáng tác và đóng góp cho văn học

2.2. Kiểu tác giả văn học Thiền sư

2.2.1. Cơ sở xuất hiện

2.2.2. Đặc điểm sáng tác

2.2.3. Thành tựu sáng tác và đóng góp cho văn học

2.3. Kiểu tác giả văn học nhà nho

2.3.1. Cơ sở xuất hiện

2.3.2. Đặc điểm sáng tác

2.3.3. Thành tựu sáng tác và đóng góp cho văn học

Chương 3. So sánh loại hình tác giả văn học [19 (8 LT, 9 TL, 2 TH)]

3.1. So sánh các kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam

3.1.1. Kiểu tác giả vua chúa, tướng lĩnh với tác giả nhà nho

3.1.2. Kiểu tác giả Thiền sư với tác giả nhà nho

3.2. So sánh các kiểu tác giả trong nền văn học dân tộc

3.2.1. Kiểu tác giả văn học trung đại với tác giả văn học dân gian

3.2.2. Kiểu tác giả văn học trung đại với tác giả văn học hiện đại

7.2. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu học viên chuẩn bị
Chương 1. Khái quát về loại hình học và loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam [19 (8 LT, 9 TL, 2 TH)]					
1.1. Khái niệm loại hình, loại hình học, loại hình tác giả văn học	4	Lí thuyết	CLO1	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	Nghiên cứu giáo trình
1.2. Khái quát về loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam	4	Lí thuyết	CLO1	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	Nghiên cứu giáo trình
1.1. Cơ sở hình thành kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam	4	Thảo luận/BT	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu	- Chuẩn bị nội dung thảo

				thêm tài liệu số [2], [3]	luận - Làm các bài tập theo yêu cầu của GV
1.2. Đặc điểm cơ bản của kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam	5	Thảo luận/BT	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận
1.3. Phân loại kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam	2	Thực hành	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	Thực hiện nhiệm vụ GV yêu cầu.
		chuyên đề/đề án/ mô hình/dự án			
		Khác			
Ôn tập về đặc điểm của kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam	45	Tự học	CLO2, CLO3	Tìm hiểu thêm tài liệu số [4]	Nghiên cứu tài liệu
		KT - ĐG			Làm bài tập cá nhân

Nội dung 2

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu học viên chuẩn bị
-----------------------	----------------	----------------------------------	------------------------	---------------------------	----------------------------------

Chương 2. Một số kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam[25 (11 LT, 12 TL, 2 TH)]					
2.1. Kiểu tác giả vua chúa, tướng lĩnh	4	Lí thuyết	CLO1, CLO2	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	Nghiên cứu giáo trình
2.2. Kiểu tác giả văn học Thiền sư	3	Lí thuyết	CLO1, CLO2	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	Nghiên cứu giáo trình
2.3. Kiểu tác giả văn học nhà nho	4	Lí thuyết	CLO1, CLO2	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu thêm tài liệu số [2],[3]	Nghiên cứu giáo trình
1.1. Đặc điểm, thành tựu sáng tác của kiểu tác giả vua chúa, tướng lĩnh	4	Thảo luận/BT	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm các bài tập theo yêu cầu của GV
1.2. Đặc điểm, thành tựu sáng tác của kiểu tác giả văn học Thiền sư	4	Thảo luận/BT	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận
1.3. Đặc điểm, thành tựu sáng tác của kiểu tác giả văn học nhà nho	4	Thảo luận/BT	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận
Vận dụng phân tích một tác phẩm trong	2	Thực hành	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	Thực hiện nhiệm vụ GV yêu

chương trình phổ thông					câu.
		chuyên đề/đề án/ mô hình/dự án			
		Khác			
Ôn tập về các kiểu tác giả giả văn học trung đại Việt Nam	45	Tự học	CLO2, CLO3	Tìm hiểu thêm tài liệu số [4]	Nghiên cứu tài liệu
		KT - ĐG			Làm bài tập cá nhân

Nội dung 3

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu học viên chuẩn bị
Chương 3. So sánh loại hình tác giả văn học [19 (8 LT, 9 TL, 2 TH)]					
3.1. So sánh các kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam	4	Lí thuyết	CLO1	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	Nghiên cứu giáo trình
3.2. So sánh các kiểu tác giả trong nền văn học dân tộc	4	Lí thuyết	CLO1	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	Nghiên cứu giáo trình
1.1. So sánh: Kiểu tác giả vua chúa, tướng lĩnh với tác giả nhà	4	Thảo luận/BT	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu thêm tài	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm các

nho; Kiểu tác giả Thiên sư với tác giả nhà nho				liệu số [2], [3]	bài tập theo yêu cầu của GV
1.2. So sánh: Kiểu tác giả văn học trung đại với tác giả văn học dân gian; Kiểu tác giả văn học trung đại với tác giả văn học hiện đại	5	Thảo luận/BT	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận
Phân tích một tác phẩm cụ thể có sự kết hợp các kiểu tác giả văn học trung đại	2	Thực hành	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1], Tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	Thực hiện nhiệm vụ GV yêu cầu.
		chuyên đề/đề án/ mô hình/dự án			
Phân tích một tác phẩm cụ thể có sự kết hợp các kiểu tác giả văn học trung đại		Khác			
Ôn tập lại các kiểu tác giả trong nền văn học dân tộc	45	Tự học	CLO2, CLO3	Tìm hiểu thêm tài liệu số [4]	Nghiên cứu tài liệu
		KT - ĐG			Làm bài tập cá nhân

8. Quy định đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên

- Trước khi lên lớp, học viên phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và làm đầy đủ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

- Ở trên lớp, học viên phải chú ý nghe giảng và tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài.

- Ở nhà, học viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu tài liệu để hoàn thành tốt môn học.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1 <i>Ngày 1 tháng 10 năm 2022</i>	Người cập nhật Lê Thị Nương
Cập nhật ĐCCTHP lần 2 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật Lê Thị Nương

Ngày tháng 09 năm 2022

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên

Mai Văn Tùng

Vũ Thanh Hà

Lê Thị Nương

TL.HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHỤ LỤC RUBRIC VỀ CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0- 5.9	Khá 6.0- 7.9	Tốt 8.0-10
Tính chủ động,	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		Chủ động thực hiện, đáp ứng < 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt $\geq 80\%$ nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% -94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Vào lớp học đúng giờ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Vào lớp muộn > 30% số buổi	Vào lớp muộn 20-30% số buổi	Vào lớp muộn (quá 15 phút) 10% số buổi	Luôn đi học đúng giờ

2. Tiêu chí đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Tương đối đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến áp dụng căn cứ khoa học, logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0

phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ.	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ, hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
---	--	--------------------------------------	---	---	--

3. Tiêu chí đánh giá bài tập cá nhân/thực hành/tự học

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo, có dẫn chứng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng		0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Thực hiện nhiệm vụ tạo	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
	2,0	Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo.	Mới chỉ nêu được tưởng.	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ.	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

4. Tiêu chí đánh giá thuyết trình theo nhóm (SP nhóm)/Đề án, dự án/chuyên đề

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề
Hình thức, báo cáo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu.	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu.

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
					quan tâm
Trả lời câu hỏi	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%-50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Làm việc nhóm	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên

5. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

08. Văn học nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông thế giới thế kỉ XXI

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: Văn học nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông thế giới thế kỉ XXI		Mã học phần PV108
Tên tiếng Anh: School literature in the perspective of innovating elementary and secondary education in the world in the 21st century		
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng <input type="checkbox"/> Kiến thức chu <input type="checkbox"/> ;		Kiến thức cơ sở ngành
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ t <input type="checkbox"/>		Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp
Số tín chỉ: 03		
Số tiết lý thuyết: 27	Số tiết thảo luận/bài tập: 18	
Số tiết thực hành: 18	Số tiết tự học: 135 tiết	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết	Khối kiến thức cơ sở ngành	
Học phần kế tiếp:	Thực tập	
Bộ môn quản lý học phần	Ngữ văn	

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	PGS.TS Hoàng Thị Mai	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915188090	Phụ trách
2	PGS.TS Lê Thị Phụng	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915831971	CBGD2

3. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần:

Học phần cập nhật, bổ sung kiến thức khái quát về xu thế, yêu cầu cơ bản của đổi mới giáo dục phổ thông trên thế giới thế kỉ XXI; kiến thức hiện đại, nâng cao về bản chất, ý nghĩa của văn chương, vai trò, tác dụng của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh; mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống văn hóa, chính trị, kinh tế xã hội của đất nước; định hướng những vấn đề cần tập trung khai thác để giáo dục HS thông qua văn học góp phần phát triển nhân cách, cá tính HS đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018 và yêu cầu phát triển của xã hội, thời đại.

Năng lực đạt được:

Học phần phát triển năng lực phát hiện, đề xuất và thực hiện được các đề tài khảo sát, nghiên cứu về thực trạng chương trình và PPDH đọc văn trong nhà trường; đề xuất được các giải pháp khai thác khả năng của văn học trong việc giáo dục HS đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CDR của học phần và CDR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
CLO1	Trình bày được xu thế, yêu cầu cơ bản của đổi mới giáo dục phổ thông trên thế giới thế kỉ XXI, phát biểu được quan điểm riêng về vai trò của văn học nhà trường đối với việc giáo dục HS	PLO4: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về giao tiếp ngôn ngữ và tích hợp trong dạy học môn Ngữ văn.
<i>Kỹ năng</i>		
CLO2	Phân tích, lí giải được bản chất, ý nghĩa, vai trò của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh trong bối	PLO5: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
	cảnh mới	về đọc hiểu môn Ngữ văn theo chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. PLO6: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực tạo lập văn bản, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về tạo lập văn bản môn Ngữ văn.
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO3	Khảo sát, đánh giá được thực trạng dạy học văn ở nhà trường phổ thông hiện nay; mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống xã hội, đời sống của cá nhân HS	PLO9: Tổ chức và quản lý các hoạt động ứng dụng các mô hình, giải pháp mới vào nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và giảng dạy môn Ngữ văn trong nhà trường đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

Ma trận tích hợp giữa CDR của học phần và CDR của chương trình đào tạo:

PLO \ CLO	PLO									
	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010
1				✓	✓					
2						✓				
3									✓	

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra của học phần và CDR của CTĐT

5. Tài liệu dạy học

Giáo trình/tài liệu tham khảo	1. Phan Trọng Luận (2008), <i>Văn học nhà trường - nhận diện, tiếp cận, đổi mới</i> , NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
--------------------------------------	--

chính (01-02 giáo trình/tài liệu)	2. Phan Trọng Luận (2011), <i>Văn học nhà trường - những điểm nhìn</i> , NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)	1. Tzvetan Todorov (Trần Huyền Sâm, Đan Thanh dịch) (2011), <i>Văn chương lâm nguy</i> , Trung tâm nghiên cứu Quốc học và NXB Văn học. 2. Nguyễn Thanh Hùng (2021), <i>Lí luận và phương pháp dạy học văn - Cội nguồn, bản sắc, giá trị</i> , NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				30%
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3	
Thi cuối kì				
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3.	50%
Thang điểm				10

Rubric 1 Đánh giá chuyên cần và tiến độ

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Mức độ	50%	5.0 đến \geq	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến $<$ 2.5	

Thực hiện kế hoạch nghiên cứu chuyên đề		4.25				
		Tham dự 95 - 100% số giờ lý thuyết	Tham dự 90 - 94% số giờ lý thuyết	Tham dự 80 - 89% số giờ lý thuyết	Tham dự < 80% số giờ lý thuyết	
Mức độ tích cực tham dự các hoạt động học tập chuyên đề	50%	5.0 đến ≥ 4.25	3.5 đến < 4.25	3.5 đến ≥ 2.5	0 đến < 2.5	
		- Chủ động tích cực thực hiện đáp ứng $\geq 85\%$ nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động, tích cực thực hiện đáp ứng $\geq 70\%$ nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động thực hiện đáp ứng $\geq 50\%$ nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	- Thực hiện đáp ứng < 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	
Tổng điểm:						

Rubric 2 Đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Bám sát vấn đề thảo luận và nêu ý kiến rất xác đáng	Nêu ý kiến khá xác đáng về vấn đề thảo luận	Một vài điểm trong ý kiến về vấn đề TL chưa xác đáng	Ý kiến lan man không bám vào chủ đề thảo luận.	
	30%	3.0 đến ≥ 2.5	2.0 đến ≤ 2.5	1.5 đến ≤ 2.0	0 đến $\leq 1,25$	

		Nhận xét, đánh giá thỏa đáng về các ý kiến khác, sử dụng lí lẽ, bằng chứng phù hợp để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá thỏa đáng về các ý kiến khác, đưa ra được 1 vài căn cứ khá thuyết phục để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá hời hợt về các ý kiến khác, nhiều lí lẽ, bằng chứng chưa thỏa đáng.	Nhận xét đánh giá không thỏa đáng về các ý kiến khác, thiếu lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	
Phương tiện hỗ trợ	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Sử dụng động tác hình thể và phương tiện phi ngôn ngữ, điều chỉnh nội dung, giọng điệu rất phù hợp với không khí thảo luận.	Sử dụng động tác hình thể, điều chỉnh nội dung, giọng điệu tương đối phù hợp với không khí thảo luận.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, nội dung dài ít phù hợp với không khí thảo luận.	Nội dung, giọng điệu không phù hợp với không khí thảo luận, nhiều lỗi diễn đạt.	
Thái độ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Hướng vào người cùng thảo luận để trao đổi ý kiến, có tinh thần cầu thị, biết lắng nghe và phản hồi tích cực.	Tôn trọng, lắng nghe người cùng thảo luận nhưng chưa tích cực phản hồi ý kiến.	Thiếu tinh thần cầu thị khi trao đổi ý kiến với người cùng thảo luận	Không tập trung lắng nghe, không trao đổi ý kiến.	
Tổng điểm:						

Rubric 3 Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt yêu cầu 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Nội dung đầy đủ, ngắn gọn, logic; Nhân mạnh những điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ, ngắn gọn, logic. Nêu được 1 vài điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ nhưng dài và thiếu logic.	Nội dung sơ sài, lan man không đúng trọng tâm.	
	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Sử dụng nhiều ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Sử dụng 1 vài ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Nêu ví dụ khá lan man không làm rõ được quan điểm của bạn.	Không sử dụng ví dụ để giải thích quan điểm của bạn.	
Phương tiện hỗ trợ	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Ngôn ngữ, hình thể giọng nói truyền cảm, chuẩn mực; Sử dụng biểu, bảng/clip/ hình ảnh rất phù hợp.	Ngôn ngữ, giọng nói rõ ràng; Sử dụng biểu, bảng/clip/hình ảnh tương đối phù hợp.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, lạm dụng quá nhiều slide trình chiếu.	Nói không rõ ràng, nhiều lỗi diễn đạt, slide đơn điệu.	
Thái độ	20%	2.0 đến \geq	1.25 đến 1.5	1.0 đến \leq	0 đến $<$	

		<i>1.5</i>		<i>1.25</i>	<i>1.0</i>	
		Tạo lập được mối quan hệ thân thiện với người nghe; Tự tin, tương tác với người nghe	Tự tin, tương tác với người nghe	Thiếu tự tin, ít tương tác với người nghe	Không tự tin, không tương tác với người nghe	
Tổng điểm:						

Rubric 5 Đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 - 0	
Nội dung bài kiểm tra viết	40%	<i>4.0 đến ≥ 3.25</i>	<i>2.75 đến ≤ 3.25</i>	<i>2.5 đến ≥ 2.0</i>	<i>0 đến < 2.0</i>	
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm khá vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết cơ bản, nắm chưa vững 1 vài nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Rất thiếu kiến thức thực tế và lý thuyết; không nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	
	40%	<i>4.0 đến ≥ 3.25</i>	<i>2.75 đến ≤ 3.25</i>	<i>2.5 đến ≥ 2.0</i>	<i>0 đến < 2.0</i>	
		Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/đánh giá	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá	

		thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết tất cả vấn đề một cách KH.	thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 2/3 vấn đề đảm bảo tính KH.	thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 1/2 vấn đề đảm bảo tính KH.	thông tin, dữ liệu; giải pháp đưa ra không giải quyết được vấn đề.	
Hình thức bài kiểm tra viết	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Bố cục hợp lí, trình bày rõ ràng đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày rõ ràng, đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày chưa rõ ràng; mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.	Bố cục không hợp lí, trình bày lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
Sáng tạo	10%	$1.0 \text{ đến } 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \leq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Nhiều kiến giải mới mẻ, độc đáo.	Một số kiến giải mới tạo được dấu ấn riêng.	Một vài kiến giải khác lạ không bị phụ thuộc vào cái đã có.	Kiến giải không hoàn toàn mới nhưng không bị trùng lặp với cái đã có.	
Tổng điểm:						

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1, Tuần 1: Bối cảnh giáo dục phổ thông thế giới thế kỉ XXI và đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam [13 tiết (LT7,TH3,TL3)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
1.2. Sự phát triển của khoa học công nghệ		Lí thuyết	CLO1: Trình bày được xu thế, yêu	GT1, GT2	Sự phát triển của khoa

<p>và đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam</p> <p>1.2. Bốn trụ cột của giáo dục thế giới thế kỉ XXI và đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam</p> <p>1.3. Lí thuyết về đa dạng trí thông minh và đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam</p> <p>1.4. Môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam trước bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông trên thế giới</p>			<p>câu cơ bản của đổi mới giáo dục phổ thông trên thế giới thế kỉ XXI, phát biểu được quan điểm riêng về vai trò của văn học nhà trường đối với việc giáo dục HS</p>		<p>học công nghệ và tác động của quá trình này tới giáo dục</p>
<p>Vị thế của môn Ngữ văn thay đổi như thế nào trong bối cảnh giáo dục hiện nay</p>	3	Thảo luận/BT	<p>CLO3: Khảo sát, đánh giá được thực trạng dạy học văn ở nhà trường phổ thông hiện nay; mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống xã hội, đời sống của cá nhân HS</p>		<p>Thuyết trình Hoặc trình bày bằng bảng tổng hợp</p>
<p>Đánh giá vai trò của văn học trong nhà trường trong việc phát</p>	3	Thực hành	<p>CLO2: Phân tích, lí giải được bản chất, ý nghĩa, vai</p>	<p>GT1 GT2</p>	<p>Thuyết trình</p>

triển năng lực người học			trò của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh trong bối cảnh mới		
Giới thiệu lí thuyết về đa dạng trí thông minh		Tự học	CLO2: Phân tích, lí giải được bản chất, ý nghĩa, vai trò của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh trong bối cảnh mới	Internet	Thuyết trình hoặc Poster
Phân tích đặc trưng của bối cảnh giáo dục phổ thông thế giới thế kỉ XXI	07'	KT – ĐG		GT1 GT2 TLTK2	Thuyết trình

Nội dung 2, Tuần 2: Đặc trưng, bản chất và con đường tác động của văn chương đối với bạn đọc – học sinh [13 tiết (LT7, TH3, TL3)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
1.1. Bối cảnh văn hóa, xã hội hiện nay 1.2. Bản chất, ý nghĩa của văn chương 1.3. Đặc điểm tác động của văn	13	Lí thuyết	CLO2: Phân tích, lí giải được bản chất, ý nghĩa, vai trò của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh trong bối cảnh mới;	GT1 GT2	Chỉ ra tác động của văn chương tới người đọc.

<p>chương đối với người đọc</p> <p>1.3.1. Con đường tác động</p> <p>1.3.2. Cơ chế chuyển hóa</p> <p>1.3.3. Cường độ tác động của văn chương</p>					
So sánh vị thế của môn ngữ văn trong bối cảnh giáo dục ở các giai đoạn khác nhau	6	Thảo luận/BT	CLO3: Khảo sát, đánh giá được thực trạng dạy học văn ở nhà trường phổ thông hiện nay; mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống xã hội, đời sống của cá nhân HS	GT1 GT2	Bảng so sánh
Đánh giá hiệu quả tác động của 1 văn bản văn học tới người đọc	6	Thực hành	CLO2: Phân tích, lí giải được bản chất, ý nghĩa, vai trò của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh trong bối cảnh mới	GT1 GT2	Thuyết trình
Phân tích vị thế của môn ngữ văn trong bối cảnh công nghệ phát triển nhanh và mạnh như hiện nay		Tự học		TLTK 2	Thuyết trình

Nêu cách dạy học ngữ văn phát huy vị thế của môn học		KT - ĐG	CLO3: Khảo sát, đánh giá được thực trạng dạy học văn ở nhà trường phổ thông hiện nay; mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống xã hội, đời sống của cá nhân HS	GT1 GT2	Thuyết trình
--	--	---------	---	------------	--------------

Nội dung 3, Tuần 3: Mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học nhà trường với đời sống xã hội và đời sống của cá nhân học sinh

[17 tiết (LT7,TH5,TL5)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
2.1. Khái niệm văn học và văn học trong nhà trường 2.1.1. Khái niệm văn học 2.1.2. Khái niệm văn học trong nhà trường 2.2. Tác phẩm văn học và tác phẩm văn học trong nhà trường 2.3. Mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống xã hội 2.3.1. Mối quan hệ và	7	Lí thuyết	CLO2: Phân tích, lí giải được bản chất, ý nghĩa, vai trò của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh trong bối cảnh mới	GT2 TLTK 2	Đánh giá mối quan hệ giữa văn học và nhà trường trong bối cảnh giáo dục hiện nay

<p>khoảng cách giữa nội dung CT, SGK phần Văn và đời sống xã hội</p> <p>2.3.2. Mối quan hệ và khoảng cách giữa nội dung CT, SGK phần Văn và tâm lí, hứng thú của HS</p> <p>2.3.3. Mối quan hệ và khoảng cách giữa PPDH của giáo viên và nhu cầu khám phá sáng tạo của HS</p> <p>2.3.4. Mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học nhà trường và quan niệm của xã hội về vai trò, vị trí của môn Ngữ văn</p> <p>2.4. Tính phức tạp của môn Ngữ văn và lao động dạy Văn trong nhà trường</p>					
<p>Mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống xã hội thay đổi như thế nào trong bối cảnh giáo dục hiện nay</p>	5	Thảo luận/BT	CLO3: Khảo sát, đánh giá được thực trạng dạy học văn ở nhà trường phổ thông hiện nay; mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống xã hội, đời sống của	GT2 TLTK 2	Thuyết trình

			cá nhân HS		
Chỉ ra vai trò của văn học trong nhà trường với đời sống hiện nay qua việc phân tích, đánh giá một văn bản văn học	5	Thực hành	CLO2: Phân tích, lí giải được bản chất, ý nghĩa, vai trò của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh trong bối cảnh mới	GT2 TLTK 2	Thuyết trình
Viết báo cáo nghiên cứu về 1 vấn đề có sử dụng trích dẫn, cước chú và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.		Tự học	CLO3: Khảo sát, đánh giá được thực trạng dạy học văn ở nhà trường phổ thông hiện nay; mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống xã hội, đời sống của cá nhân HS		Thuyết trình
Viết báo cáo đánh giá thực trạng đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn ở 1 trường trung học.		KT - ĐG			Thuyết trình

Nội dung 4, Tuần 4: Sức mạnh và sứ mạng của văn học nhà trường trong bối cảnh đất nước hiện nay [20 tiết (LT10,TH5,TL5)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
3.1. Tiềm năng và vị thế của Việt Nam hiện nay 3.2. Giáo dục HS những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam thông qua văn học 3.3. Giáo dục HS nhận thức những điểm yếu của lớp trẻ và con người Việt Nam thông qua văn học 3.4. Phát triển trí tuệ xúc cảm (EQ) cho HS qua dạy học Văn 3.5. Phát triển chỉ số vượt khó (AQ) cho HS qua dạy học Văn 3.6. Phát triển kỹ năng tư duy cho HS qua dạy học Văn 3.6.1. Phát triển kỹ năng tư duy phê phán cho HS qua dạy học Văn 3.6.2. Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo cho HS qua dạy học Văn	10	Lí thuyết	CLO2: Phân tích, lí giải được bản chất, ý nghĩa, vai trò của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh trong bối cảnh mới	GT2 TLTK2	Chỉ ra sức mạnh của văn học nhà trường trong bối cảnh đất nước hiện nay
Thực tế dạy học	5	Thảo	CLO3: Khảo sát,	GT2	Thuyết trình

phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học Ngữ văn		luận/BT	đánh giá được thực trạng dạy học văn ở nhà trường phổ thông hiện nay; mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống xã hội, đời sống của cá nhân HS	TLTK2	
Đánh giá vai trò của văn học đối với đời sống của cá nhân học sinh thông qua việc phân tích một văn bản văn học	5	Thực hành	CLO2: Phân tích, lí giải được bản chất, ý nghĩa, vai trò của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh trong bối cảnh mới	GT2 TLTK2	Nêu biện pháp dạy học viết VB thông tin theo tiến trình, đảm bảo đặc trưng kiểu, loại VB.
Viết báo cáo về quan điểm của GV và HS về khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống xã hội, đời sống của cá nhân HS.		Tự học	CLO3: Khảo sát, đánh giá được thực trạng dạy học văn ở nhà trường phổ thông hiện nay; mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống xã hội, đời sống của cá nhân HS		Thuyết trình
Đề xuất cách thức rút		KT -			Thuyết trình

ngắn khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống xã hội, đời sống của cá nhân học sinh.		ĐG			
--	--	----	--	--	--

8. Quy định đối với học viên:

Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

Phòng học có đầy đủ các phương tiện bảng, máy chiếu projector để phục vụ các hoạt động dạy học. Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật
Cập nhật ĐCCTHP lần 2 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật

Duyệt
(*Khoa*)

Trưởng bộ môn
(*Kí tên*)

Ngày tháng 8 năm 2022
Giảng viên
(*Kí tên*)

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC

10. Lí thuyết tiếp nhận văn học và việc dạy học tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: Lí thuyết tiếp nhận văn học và việc dạy học tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông		Mã học phần 1PV210
Tên tiếng Anh: The theory of literary reception and the teaching of literary in secondary schools		
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng <input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> ; Kiến thức cơ sở ngành		
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 04		
Số tiết lý thuyết: 36	Số tiết thảo luận/bài tập: 26	
Số tiết thực hành: 22	Số tiết tự học: 135 tiết	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết	Khối kiến thức cơ sở ngành	
Học phần kế tiếp:	Thực tập	
Bộ môn quản lý học phần	Ngữ văn	

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	PGS.TS Hoàng Thị Mai	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915188090	Phụ trách
2	PGS.TS Lê Thị Phụng	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915831971	CBGD2

3. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần:

Học phần khái quát, nâng cao những kiến thức chuyên sâu, có hệ thống về lí thuyết tiếp nhận văn học và việc vận dụng vào dạy học đọc văn trong nhà trường bao

gồm: các khuynh hướng lí thuyết tiếp nhận văn học; quan điểm, những thành tựu và hạn chế của các lí thuyết tiếp nhận văn học, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc; gợi mở quan điểm, nguyên tắc vận dụng lí thuyết tiếp nhận vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông và góp phần bổ sung, hoàn thiện lí thuyết về phương pháp dạy học Ngữ văn.

Năng lực đạt được:

Học phân phát triển năng lực thực hành vận dụng các tiền đề của lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc bổ sung cho lí thuyết dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông; phát hiện, đề xuất được các mô hình, giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp nhận văn học của bạn đọc - học sinh từ gợi ý của lí thuyết tiếp nhận.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
CLO1	Mô tả, khái quát được các khuynh hướng lí thuyết tiếp nhận văn học hiện đại; phân tích, đánh giá được ưu, nhược điểm của mỗi trường phái lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học	PLO4: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về giao tiếp ngôn ngữ và tích hợp trong dạy học môn Ngữ văn.
<i>Kỹ năng</i>		
CLO2	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	PLO5: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy đọc phát triển năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về đọc hiểu môn Ngữ văn theo chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. PLO6: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
		các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực tạo lập văn bản, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về tạo lập văn bản môn Ngữ văn.
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO3	Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS.	PLO9: Tổ chức và quản lý các hoạt động ứng dụng các mô hình, giải pháp mới vào nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và giảng dạy môn Ngữ văn trong nhà trường đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

Ma trận tích hợp giữa CDR của học phần và CDR của chương trình đào tạo:

PLO \ CLO	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010
1				✓	✓					
2						✓				
3									✓	

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra của học phần và CDR của CTĐT

5. Tài liệu dạy học

Giáo trình/tài liệu tham khảo chính (01-02 giáo trình/tài liệu)	1. Antoine Compagnon (2006), <i>Bản mệnh của lí thuyết - Văn chương và cảm nghĩ thông thường</i> , NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)	1. Phan Trọng Luận (2003), <i>Văn chương, bạn đọc sáng tạo</i> , NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội. 2. Charles R. Cooper (1989), <i>Researching response to literature and the teaching of literature: points of departure</i> , Ablex Publishing Corporation.

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				30%
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3	
Thi cuối kì				50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3.	
Thang điểm				10

Rubric 1 Đánh giá chuyên cần và tiến độ

Tiêu chí	Trọng	Mức chất lượng				Điểm đánh
		Tốt	Khá	Đạt	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 - 7.0	6.9 – 5.0	4.9 - 0	

	số					giá
Mức độ thực hiện kế hoạch nghiên cứu chuyên đề	50%	$5.0 \text{ đến } \geq 4.25$	$3.5 \text{ đến } < 4.25$	$3.5 \text{ đến } \geq 2.5$	$0 \text{ đến } < 2.5$	
		Tham dự 95 - 100% số giờ lý thuyết	Tham dự 90 - 94% số giờ lý thuyết	Tham dự 80 - 89% số giờ lý thuyết	Tham dự < 80% số giờ lý thuyết	
Mức độ tích cực tham dự các hoạt động học tập chuyên đề	50%	$5.0 \text{ đến } \geq 4.25$	$3.5 \text{ đến } < 4.25$	$3.5 \text{ đến } \geq 2.5$	$0 \text{ đến } < 2.5$	
		- Chủ động tích cực thực hiện đáp ứng $\geq 85\%$ nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động, tích cực thực hiện đáp ứng $\geq 70\%$ nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động thực hiện đáp ứng $\geq 50\%$ nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	- Thực hiện đáp ứng < 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	
Tổng điểm:						

Rubric 2 Đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	
		Bám sát vấn đề thảo luận và nêu ý kiến rất xác đáng	Nêu ý kiến khá xác đáng về vấn đề thảo	Một vài điểm trong ý kiến về vấn đề TL	Ý kiến lan man không bám vào chủ	

			luận	chưa xác đáng	đề thảo luận.	
	30%	$3.0 \text{ đến } \geq 2.5$	$2.0 \text{ đến } \leq 2.5$	$1.5 \text{ đến } \leq 2.0$	$0 \text{ đến } \leq 1,25$	
		Nhận xét, đánh giá thỏa đáng về các ý kiến khác, sử dụng lí lẽ, bằng chứng phù hợp để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá thỏa đáng về các ý kiến khác, đưa ra được 1 vài căn cứ khá thuyết phục để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá hời hợt về các ý kiến khác, nhiều lí lẽ, bằng chứng chưa thỏa đáng.	Nhận xét đánh giá không thỏa đáng về các ý kiến khác, thiếu lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	
Phương tiện hỗ trợ	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Sử dụng động tác hình thể và phương tiện phi ngôn ngữ, điều chỉnh nội dung, giọng điệu rất phù hợp với không khí thảo luận.	Sử dụng động tác hình thể, điều chỉnh nội dung, giọng điệu tương đối phù hợp với không khí thảo luận.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, nội dung dài ít phù hợp với không khí thảo luận.	Nội dung, giọng điệu không phù hợp với không khí thảo luận, nhiều lỗi diễn đạt.	
Thái độ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Hướng vào người cùng thảo luận để trao đổi ý kiến, có tinh thần cầu thị, biết lắng nghe và phản hồi tích cực.	Tôn trọng, lắng nghe người cùng thảo luận nhưng chưa tích cực phản hồi ý kiến.	Thiếu tinh thần cầu thị khi trao đổi ý kiến với người cùng thảo luận	Không tập trung lắng nghe, không trao đổi ý kiến.	

Tổng điểm:	
-------------------	--

Rubric 3 Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt yêu cầu 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Nội dung đầy đủ, ngắn gọn, logic; Nhấn mạnh những điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ, ngắn gọn, logic. Nêu được 1 vài điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ nhưng dài và thiếu logic.	Nội dung sơ sài, lan man không đúng trọng tâm.	
	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Sử dụng nhiều ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Sử dụng 1 vài ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Nêu ví dụ khá lan man không làm rõ được quan điểm của bạn.	Không sử dụng ví dụ để giải thích quan điểm của bạn.	
Phương tiện hỗ trợ	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Ngôn ngữ, hình thể giọng nói truyền cảm, chuẩn mực; Sử dụng biểu, bảng/clip/hình	Ngôn ngữ, giọng nói rõ ràng; Sử dụng biểu, bảng/clip/hình	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, lạm dụng quá	Nói không rõ ràng, nhiều lỗi diễn đạt, slide đơn	

		bảng/clip/ hình ảnh rất phù hợp.	ảnh tương đối phù hợp.	nhiều slide trình chiếu.	điều.	
Thái độ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Tạo lập được mối quan hệ thân thiện với người nghe; Tự tin, tương tác với người nghe	Tự tin, tương tác với người nghe	Thiếu tự tin, ít tương tác với người nghe	Không tự tin, không tương tác với người nghe	
Tổng điểm:						

Rubric 5 Đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 - 0	
Nội dung bài kiểm tra viết	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm khá vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết cơ bản, nắm chưa vững 1 vài nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Rất thiếu kiến thức thực tế và lý thuyết; không nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	
	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	

		Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết tất cả vấn đề một cách KH.	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 2/3 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 1/2 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; giải pháp đưa ra không giải quyết được vấn đề.	
Hình thức bài kiểm tra viết	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Bố cục hợp lí, trình bày rõ ràng đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày rõ ràng, đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày chưa rõ ràng; mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.	Bố cục không hợp lí, trình bày lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
Sáng tạo	10%	$1.0 \text{ đến } 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \leq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Nhiều kiến giải mới mẻ, độc đáo.	Một số kiến giải mới tạo được dấu ấn riêng.	Một vài kiến giải khác lạ không bị phụ thuộc vào cái đã có.	Kiến giải không hoàn toàn mới nhưng không bị trùng lặp với cái đã có.	
Tổng điểm:						

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1, Tuần 1: Chương 1: Tổng quan [4 tiết (LT2, TH0, TL2)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
----------------	---------	------------------------------	--------------------	-----------------------	------------------------

<p>1.1. Ba yếu tố căn bản của văn học</p> <p>1.2. Vai trò, vị trí của hoạt động tiếp nhận văn học</p> <p>1.3. Khái niệm tiếp nhận văn học</p>	2	Lí thuyết	CLO1: Mô tả, khái quát được các khuynh hướng lí thuyết tiếp nhận văn học hiện đại; phân tích, đánh giá được ưu, nhược điểm của mỗi trường phái lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học	GT1, GT2	Chỉ ra và phân tích 3 yếu tố căn bản của văn học
<p>Vận dụng các câu hỏi nghiên cứu căn bản của lí thuyết văn học trong việc nghiên cứu 1 văn bản văn học.</p>	2	Thực hành	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát,	GT1 GT2	Bảng so sánh

			đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông trung học		
Giới thiệu lí thuyết về đa dạng trí thông minh		Tự học	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	Internet	Thuyết trình hoặc Poster
Đặc trưng của hoạt động tiếp nhận văn học	07'	KT – ĐG		GT1 GT2 TLTK2	Thuyết trình

Nội dung 2, Tuần 2: Khuynh hướng tiếp nhận lịch sử - phát sinh – Những thành tựu và hạn chế [15 tiết (LT9, TH2, TL4)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
-----------------------	----------------	----------------------------------	------------------------	---------------------------	----------------------------

<p>2.1.Tổng quan 2.2.Một số lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học 2.2.1.Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của Chủ nghĩa thực chứng 2.2.2.Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của Phân tâm học</p>	9	Lí thuyết	<p>CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông</p>	GT1 GT2	Tổng quan một số lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học
<p>So sánh phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của chủ nghĩa thực chứng và Phân tâm học</p>	2	Thảo luận/BT	<p>CLO3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của</p>	GT1 GT2	Thuyết trình

			người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS.		
Vận dụng lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của Phân tâm học để đánh giá 1 văn bản văn học	4	Thực hành	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	GT1 GT2	Trình bày kết quả đọc bằng sơ đồ trình chiếu trên máy chiếu.

Đọc và giới thiệu về 1 VB dưới lí thuyết của chủ nghĩa thực chứng.		Tự học		TLTK2	Thuyết trình
Nêu cách vận dụng các lí thuyết tiếp nhận trong việc giải mã văn bản văn học và trong giảng dạy văn bản theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS		KT – ĐG	CL O3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng	GT1 GT2	Thuyết trình

			tao của HS.		
--	--	--	----------------	--	--

Nội dung 3, Tuần 3: Khuyh hướng tiếp nhận Bản thể luận – Những thành tựu và hạn chế [15 tiết (LT9,TH3,TL3)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
3.1.Tổng quan 3.2.Một số lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học 3.2.1.Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của Chủ nghĩa hình thức Nga 3.2.2.Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu của Phê bình mới 3.2.3.Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của Cấu trúc luận, Kí hiệu học	9	Lí thuyết	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	GT2 TLTK2	Tổng quan một số lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học
So sánh Cách thức vận dụng phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của Kí hiệu học và Cấu trúc luận.	3	Thảo luận/BT	CLO3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận	GT2 TLTK2	Bảng so sánh

			của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS.		
Vận dụng lí thuyết kí hiệu học trong đọc hiểu một văn bản văn học	3	Thực hành	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	GT2 TLTK2	Thuyết trình
Viết báo cáo nghiên cứu về Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu của Phê bình mới		Tự học	CLO3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS		Thuyết trình

Đề xuất tiêu chí đánh giá năng lực đọc VB		KT – ĐG			Thuyết trình
---	--	---------	--	--	--------------

Nội dung 4, Tuần 4: Khuyh hướng tiếp nhận lịch sử - chức năng – Những thành tựu và hạn chế [30 tiết (LT10,TH10,TL10)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
4.1. Tổng quan 4.2.Lí thuyết tiếp nhận của người đọc 4.2.1.Lịch sử hình thành và phát triển 4.2.2. Các câu hỏi cơ bản của lí thuyết tiếp nhận của người đọc 4.2.3. Quan niệm mới của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về Lịch sử văn học 4.2.4. Quan niệm của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về vai trò, vị thế của người sáng tạo – nhà văn 4.2.5. Quan niệm của lí thuyết tiếp	10	Lí thuyết	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	GT2 TLTK 2	Tổng quan lí thuyết tiếp nhận của người đọc

<p>nhận của người đọc về vai trò, vị thế của văn bản văn chương</p> <p>4.2.6. Quan niệm của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về vai trò, vị thế của người đọc</p> <p>4.2.7. Quan niệm của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về hành động đọc và cơ chế đọc</p> <p>4.2.8. Quan niệm của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về nghĩa và ý nghĩa của văn bản văn chương</p> <p>4.2.9. Quan niệm của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về tính khách quan và chủ quan trong tiếp nhận văn bản văn chương</p>					
<p>Các quan điểm khác nhau về nghĩa và ý nghĩa của văn bản</p>	10	Thảo luận/BT	CLO3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận	GT2 TLTK 2	Thuyết trình

			của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS.		
Vận dụng lí thuyết tiếp nhận trong đọc hiểu 1 văn bản văn học	10	Thực hành	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông;	GT2 TLTK 2	Thuyết trình
Viết báo cáo nghiên cứu về lịch sử hình thành và phát triển lí thuyết tiếp nhận		Tự học	CLO3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS.		Thuyết trình
Đề xuất		KT - ĐG			Thuyết trình

cách thức vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc nâng cao hiệu quả đọc văn của HS ở nhà trường phổ thông.					
---	--	--	--	--	--

Nội dung 5, Tuần 5: Khuyh hướng tiếp nhận lịch sử - chức năng – Những thành tựu và hạn chế [30 tiết (LT10,TH10,TL10)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>45.1. Tiếp cận đồng bộ trong xác định đặc trưng, mục tiêu chương trình, chuẩn đầu ra môn Ngữ văn</p> <p>5.1.1. Tác phẩm văn chương là một đối tượng nhận thức đặc thù</p> <p>5.1.2. Tiếp nhận văn chương là một hoạt động nhận thức thẩm mỹ đặc thù</p> <p>5.1.3. HS là một chủ thể tiếp nhận đặc thù</p> <p>5.1.4. HS là một chủ thể tiếp nhận đặc thù</p> <p>5.1.5. Môn Ngữ văn</p>	10	Lí thuyết	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	GT2 TLTK 2	Xác định đặc trưng, mục tiêu chương trình, chuẩn đầu ra môn Ngữ văn

<p>trong trong nhà trường phổ thông là một môn học đặc thù, đa chức năng</p> <p>5.2. Tiếp cận đồng bộ trong việc đọc hiểu và dạy đọc hiểu tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông</p> <p>5.2.1. Quan điểm, nguyên tắc tiếp cận đồng bộ tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông</p> <p>5.2.2. Quan điểm, nguyên tắc tiếp cận đồng bộ trong dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả đọc văn của HS ở nhà trường phổ thông</p>					
<p>Các quan điểm khác nhau về vai trò của HS trong quá trình tiếp nhận văn bản</p>	10	Thảo luận/BT	CLO3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực	GT2 TLTK 2	Thuyết trình

			đọc độc lập, sáng tạo của HS.		
Vận dụng Quan điểm, nguyên tắc tiếp cận đồng bộ tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông trong đọc hiểu 1 văn bản văn học	10	Thực hành	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông;	GT2 TLTK 2	Thuyết trình
Viết báo cáo nghiên cứu về vấn đề tiếp cận đồng bộ trong việc đọc hiểu và dạy đọc hiểu tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông.		Tự học	CLO3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS.		Thuyết trình
Đề xuất cách thức tiếp cận đồng bộ trong dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả đọc văn của HS ở nhà trường phổ thông		KT - ĐG			Thuyết trình

8. Quy định đối với học viên:

Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

Phòng học có đầy đủ các phương tiện bảng, máy chiếu projector để phục vụ các hoạt động dạy học. Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1

Người cập nhật

Ngày tháng năm

Cập nhật ĐCCTHP lần 2

Người cập nhật

Ngày tháng năm

Duyệt

(Khoa)

Trưởng bộ môn

(Kí tên)

Ngày tháng 8 năm 2022

Giảng viên

(Kí tên)

**TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC**

12. Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn**Thông tin chung về học phần**

Tên học phần:		Mã học phần	
Tên tiếng Việt: Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn		NV207	
Tên tiếng Anh: Students' ability to create texts in teaching Philology			
Học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn			
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành			
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp			
Số tín chỉ: 04			
Số tiết lý thuyết: 36		Số tiết thảo luận: 24	
Số tiết thực hành: 24		Số tiết tự học: 180	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>			
Học phần tiên quyết:		Không	
Học phần kế tiếp:		Không	
Bộ môn quản lý học phần		Ngữ văn	

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	PGS.TS Lê Thị Phụng	Khoa KHXH	0915831971	Phụ trách
2	TS Phạm Thị Anh	Khoa GDMN	0914336316	Tham gia

3. Mô tả tóm tắt học phần

Tóm tắt các nội dung chính của học phần

Học phần mở rộng, nâng cao kiến thức về năng lực tạo lập văn bản (cấu trúc, thành tố, các chỉ số hành vi) và các phương pháp, biện pháp dạy học Ngữ văn phát triển các thành tố trong cấu trúc năng lực tạo lập văn bản của học sinh. Đặc biệt học phần nghiên

cứu sâu hơn những nội dung về dạy học phát triển kỹ năng viết các kiểu, loại văn bản đáp ứng yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông.

Học phần phát triển năng lực nghiên cứu ứng dụng và kiểm nghiệm được tính phù hợp, tính hiệu quả của các vấn đề lí luận dạy tạo lập văn bản cho HS trung học, phát triển năng lực tạo lập văn bản của HS trong dạy học môn Ngữ văn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần (CLOx)	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)
<i>Kiến thức</i>		
CLO1	Xác định được các nội dung dạy tạo lập văn bản và giải thích, đưa ra được ví dụ về mối quan hệ giữa dạy viết với văn bản dạy đọc hiểu và văn bản dạy nói và nghe trong Chương trình, sách giáo khoa GDPT môn Ngữ văn 2018	PLO7
CLO2	Giải thích khái niệm và đưa ra được ví dụ về cấu trúc, các thành tố và chỉ số hành vi của năng lực tạo lập văn bản của HS trung học trong dạy học Ngữ văn.	PLO5
<i>Kỹ năng</i>		
CLO3	Vận dụng hiệu quả các biện pháp phát triển năng lực tạo lập văn bản của HS trung học vào thực tiễn thiết kế và tổ chức các giờ học tạo lập văn bản trong môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực.	PLO5
<i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i>		
CLO4	Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn để giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.	PLO9, PLO10

- Ma trận tích hợp giữa CĐR của học phần và CĐR của chương trình đào tạo:

PLO										
	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010
CLO										
1							✓			
2					✓					
3					✓					
4									✓	✓

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra của học phần và CDR của CTĐT

5. Tài liệu dạy học

<i>Giáo trình/tài liệu tham khảo chính</i> (01-02 giáo trình/tài liệu)	<ol style="list-style-type: none"> Đỗ Ngọc Thống tổng chủ biên (2018), <i>Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn</i>, Nxb Đại học sư phạm. Mai Thị Kiều Phương (2009), <i>Giáo trình Làm văn</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
<i>Tài liệu tham khảo</i> (không quá 04 tài liệu)	<ol style="list-style-type: none"> Mai Thị Kiều Phương (2009), <i>Giáo trình Phương pháp dạy và học kỹ năng làm văn: Lựa chọn – nghe – nói – đọc – viết</i>, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội. Nguyễn Quang Ninh (chủ biên) 2000, <i>Luyện cách lập luận trong đoạn văn nghị luận cho học sinh phổ thông</i>, Nxb ĐH Quốc gia HN.

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4	
Kiểm tra thường xuyên				30%

	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3	
Thi cuối kỳ				50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
Thang điểm				10

Rubric 1 Đánh giá chuyên cần và tiến độ

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Mức độ thực hiện kế hoạch nghiên cứu chuyên đề	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến < 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến < 2.5	
		Tham dự 95 - 100% số giờ lý thuyết	Tham dự 90 - 94% số giờ lý thuyết	Tham dự 80 - 89% số giờ lý thuyết	Tham dự < 80% số giờ lý thuyết	
Mức độ tích cực tham dự các hoạt động học tập chuyên đề	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến < 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến < 2.5	
		- Chủ động tích cực thực hiện đáp ứng \geq 85% nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động, tích cực thực hiện đáp ứng \geq 70% nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động thực hiện đáp ứng \geq 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	- Thực hiện đáp ứng < 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	
Tổng điểm:						

Rubric 2 Đánh giá thảo luận

Tiêu	Trọng	Mức chất lượng				Điểm đánh
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	

chí	số					giá
Nội dung	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	
		Bám sát vấn đề thảo luận và nêu ý kiến rất xác đáng	Nêu ý kiến khá xác đáng về vấn đề thảo luận	Một vài điểm trong ý kiến về vấn đề TL chưa xác đáng	Ý kiến lan man không bám vào chủ đề thảo luận.	
	30%	$3.0 \text{ đến } \geq 2.5$	$2.0 \text{ đến } \leq 2.5$	$1.5 \text{ đến } \leq 2.0$	$0 \text{ đến } \leq 1,25$	
		Nhận xét, đánh giá thỏa đáng về các ý kiến khác, sử dụng lí lẽ, bằng chứng phù hợp để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá thỏa đáng về các ý kiến khác, đưa ra được 1 vài căn cứ khá thuyết phục để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá hời hợt về các ý kiến khác, nhiều lí lẽ, bằng chứng chưa thỏa đáng.	Nhận xét đánh giá không thỏa đáng về các ý kiến khác, thiếu lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	
Phương tiện hỗ trợ	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Sử dụng động tác hình thể và phương tiện phi ngôn ngữ, điều chỉnh nội dung, giọng điệu rất phù hợp với không khí thảo luận.	Sử dụng động tác hình thể, điều chỉnh nội dung, giọng điệu tương đối phù hợp với không khí thảo luận.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, nội dung dài ít phù hợp với không khí thảo luận.	Nội dung, giọng điệu không phù hợp với không khí thảo luận, nhiều lỗi diễn đạt.	
Thái độ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	

		Hướng vào người cùng thảo luận để trao đổi ý kiến, có tinh thần cầu thị, biết lắng nghe và phản hồi tích cực.	Tôn trọng, lắng nghe người cùng thảo luận nhưng chưa tích cực phản hồi ý kiến.	Thiếu tinh thần cầu thị khi trao đổi ý kiến với người cùng thảo luận	Không tập trung lắng nghe, không trao đổi ý kiến.	
Tổng điểm:						

Rubric 3 Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt yêu cầu 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	<i>4.0 đến ≥ 3.25</i>	<i>2.75 đến ≤ 3.25</i>	<i>2.5 đến ≥ 2.0</i>	<i>0 đến < 2.0</i>	
		Nội dung đầy đủ, ngắn gọn, logic; Nhấn mạnh những điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ, ngắn gọn, logic. Nêu được 1 vài điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ nhưng dài và thiếu logic.	Nội dung sơ sài, lan man không đúng trọng tâm.	
	20%	<i>2.0 đến ≥ 1.5</i>	<i>1.25 đến 1.5</i>	<i>1.0 đến ≤ 1.25</i>	<i>0 đến < 1.0</i>	
		Sử dụng nhiều ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Sử dụng 1 vài ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Nêu ví dụ khá lan man không làm rõ được quan điểm của bạn.	Không sử dụng ví dụ để giải thích quan điểm của bạn.	

Phương tiện hỗ trợ	20%	<i>2.0 đến ≥ 1.5</i>	<i>1.25 đến 1.5</i>	<i>1.0 đến ≤ 1.25</i>	<i>0 đến < 1.0</i>	
		Ngôn ngữ, hình thể giọng nói truyền cảm, chuẩn mực; Sử dụng biểu, bảng/clip/ hình ảnh rất phù hợp.	Ngôn ngữ, giọng nói rõ ràng; Sử dụng biểu, bảng/clip/hình ảnh tương đối phù hợp.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, lạm dụng quá nhiều slide trình chiếu.	Nói không rõ ràng, nhiều lỗi diễn đạt, slide đơn điệu.	
Thái độ	20%	<i>2.0 đến ≥ 1.5</i>	<i>1.25 đến 1.5</i>	<i>1.0 đến ≤ 1.25</i>	<i>0 đến < 1.0</i>	
		Tạo lập được mối quan hệ thân thiện với người nghe; Tự tin, tương tác với người nghe	Tự tin, tương tác với người nghe	Thiếu tự tin, ít tương tác với người nghe	Không tự tin, không tương tác với người nghe	
Tổng điểm:						

Rubric 5 Đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 - 0	
Nội dung bài kiểm tra viết	40%	<i>4.0 đến ≥ 3.25</i>	<i>2.75 đến ≤ 3.25</i>	<i>2.5 đến ≥ 2.0</i>	<i>0 đến < 2.0</i>	
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm vững các nguyên lý	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm khá vững các nguyên lý	Kiến thức thực tế và lý thuyết cơ bản, nắm chưa vững 1 vài nguyên lý	Rất thiếu kiến thức thực tế và lý thuyết; không nắm vững các nguyên lý liên	

		liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	
	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	
		Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết tất cả vấn đề một cách KH.	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 2/3 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 1/2 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; giải pháp đưa ra không giải quyết được vấn đề.	
Hình thức bài kiểm tra viết	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Bố cục hợp lí, trình bày rõ ràng đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày rõ ràng, đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày chưa rõ ràng; mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.	Bố cục không hợp lí, trình bày lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
Sáng tạo	10%	$1.0 \text{ đến } 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \leq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Nhiều kiến giải mới mẻ, độc đáo.	Một số kiến giải mới tạo được dấu ấn riêng.	Một vài kiến giải khác lạ không bị phụ thuộc vào cái đã có.	Kiến giải không hoàn toàn mới nhưng không bị trùng lặp với cái đã có.	
Tổng điểm:						

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Năng lực tạo lập văn bản [21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>1.1. Năng lực và năng lực tạo lập văn bản của học sinh trung học</p> <p>1.1.1. Khái niệm năng lực</p> <p>1.2.2. Cấu trúc năng lực tạo lập VB</p> <p>1.2.3. Các chỉ số hành vi của năng lực tạo lập VB</p> <p>1.2. Những điểm mới về dạy học tạo lập văn bản trong CT và sách giáo khoa GDPT môn Ngữ văn 2018</p>	9	Lí thuyết	CLO1: Xác định được nội dung dạy học tạo lập VB; đưa ra được ví dụ về mối quan hệ giữa dạy viết với văn bản dạy đọc hiểu và văn bản dạy nói và nghe trong Chương trình, sách giáo khoa GDPT môn Ngữ văn 2018	1, đọc thêm CTGD PT môn Ngữ văn 2018	Đọc tài liệu tìm hiểu các nội dung học tập; - Nêu ý kiến về những vấn đề khó hoặc gây ra nhiều cách hiểu.
<p>1.2.2. Về quan điểm, mục tiêu, nội dung chương trình và sách giáo khoa</p> <p>1.2.5. Về phương pháp dạy học</p> <p>1.2.6 Về kiểm tra</p>	6	Thảo luận/BT	CLO2: Giải thích khái niệm và đưa ra được ví dụ về cấu trúc, các thành tố và chỉ số hành vi của năng lực tạo lập văn bản của HS trung học trong dạy học Ngữ văn.	1, đọc thêm CTGD PT môn Ngữ văn 2018	Đọc tài liệu tìm hiểu các nội dung học tập; - Nêu ý kiến về những vấn đề dự kiến cần thảo luận.

đánh giá					
<ul style="list-style-type: none"> - Xác lập các thành tố của năng lực tạo lập kiểu văn bản nghị luận của HS THCS, THPT - Xác định các chỉ số hành vi trong năng lực tạo lập kiểu văn bản thuyết minh của HS THPT, THCS - Xác lập các thành tố của năng lực tạo lập báo cáo nghiên cứu về 1 vấn đề của HS THPT - Xác định các chỉ số hành vi trong năng lực tạo lập báo cáo nghiên cứu về 1 vấn đề của HS THPT. 	6	Thực hành	CLO3: Vận dụng hiệu quả các biện pháp phát triển năng lực tạo lập văn bản của HS trung học vào thực tiễn thiết kế và tổ chức các giờ học tạo lập văn bản trong môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực.	1,2, đọc thêm CTGD PT môn Ngữ văn 2018	Chuẩn bị báo cáo sản phẩm thực hành trên laptop và Powerpoint/
Nghiên cứu xác lập cấu trúc năng lực tạo lập bài văn nghị luận phân tích, đánh giá 1 TPVH ở		Tự học	CLO4: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn để giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên	1,2,3,4	Trình bày sản phẩm tự học, nghiên cứu trên giấy A4 hoặc file word.

THPT. - Xác định các chỉ số hành vi trong năng lực tạo lập bài văn phân tích, đánh giá 1 TPVH ở THPT.			môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.		
Chuyên cần		KT - ĐG	Tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lí thuyết		Tích cực phát biểu ý kiến, tranh biện.

Chương 2: Các biện pháp phát triển năng lực tạo lập văn bản cho HS trung học
[21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
2.1. Nội dung dạy học tạo lập văn bản trong nhà trường trung học theo chương trình GDPT mới 2.1. Xác định mục tiêu phát triển năng lực tạo lập văn bản của học sinh TrH 2.2. Xây dựng hệ thống bài tập phát triển năng lực tạo lập văn bản của học sinh	9	Lí thuyết	CLO1: Xác định được các nội dung dạy tạo lập văn bản và giải thích, đưa ra được ví dụ về mối quan hệ giữa dạy viết với văn bản dạy đọc hiểu và văn bản dạy nói và nghe trong Chương trình, sách giáo khoa GDPT môn Ngữ văn 2018	1, đọc thêm CTGD PT môn Ngữ văn 2018	Đọc tài liệu tìm hiểu các nội dung học tập; - Nêu ý kiến về những vấn đề khó hoặc gây ra nhiều cách hiểu.

<p>TrH</p> <p>2.3. Ra đề văn phát huy sáng tạo của HS trung học</p> <p>2.4. Sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học phát triển năng lực tạo lập văn bản của HS trung học</p> <p>2.5. Đánh giá năng lực năng lực tạo lập văn bản của học sinh trung học</p>					
<p>Bài tập và đề làm văn phát huy phẩm chất, năng lực HS.</p>	6	Thảo luận/BT	<p>CLO3: Vận dụng hiệu quả các biện pháp phát triển năng lực tạo lập văn bản của HS trung học vào thực tiễn thiết kế và tổ chức các giờ học tạo lập văn bản trong môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực.</p>	<p>2,3, đọc thêm CTGD PT môn Ngữ văn 2018</p>	<p>Đọc tài liệu tìm hiểu các nội dung học tập; - Nêu ý kiến về những vấn đề dự kiến cần thảo luận.</p>
<p>Xây dựng câu hỏi; bài tập; ra đề làm văn phát huy phẩm chất, năng lực HS.</p>	6	Thực hành	<p>CLO3: Vận dụng hiệu quả các biện pháp phát triển năng lực tạo lập văn bản của HS trung học vào thực tiễn thiết kế và tổ chức các giờ học tạo lập văn bản trong môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng</p>	<p>1,2, đọc thêm CTGD PT môn Ngữ văn</p>	<p>Chuẩn bị báo cáo sản phẩm thực hành trên laptop và Powerpoint</p>

			lực.	2018	
		chuyên đề/đồ án/ mô hình/dự án			
		Khác			
Kiểm tra, hoàn thiện các câu hỏi; bài tập và đề làm văn phát huy phẩm chất, năng lực HS.		Tự học	CLO4: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn để giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.	2,3,4	Trình bày sản phẩm tự học, nghiên cứu trên giấy A4 hoặc file word.
Chuyên cần		KT - ĐG	Tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lí thuyết		Tích cực phát biểu ý kiến, tranh biện.

Chương 3: Kỹ năng viết và dạy học viết ở trường trung học theo chương trình Ngữ văn 2018 [21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
1.1. Kỹ năng viết trong năng lực tạo lập văn bản của học sinh 1.1.1. Khái niệm kỹ năng và kỹ năng viết	9	Lí thuyết	- CLO2: Giải thích khái niệm và đưa ra được ví dụ về cấu trúc, các thành tố và chỉ số hành vi của năng lực tạo lập văn bản của HS trung học trong dạy học Ngữ văn.	GT2, TLTK 2	Trình bày các kỹ năng thành tố trong năng lực tạo lập VB. Nêu được 1 số ví dụ minh họa.
1.1.2. Các kĩ					

năng viết trong năng lực tạo lập văn bản					
1.2. Định hướng rèn luyện kỹ năng viết cho HS 1.2.1. Học sinh là chủ thể tích cực của quá trình dạy viết 1.2.2. Tích hợp chặt chẽ giữa việc rèn kỹ năng viết với bài đọc hiểu và nói – nghe. 1.2.3. Dạy kỹ năng viết theo tiến trình 4 bước, đảm bảo đặc trung kiểu, loại văn bản	6	Thảo luận	CLO3: Vận dụng hiệu quả các biện pháp phát triển năng lực tạo lập văn bản của HS trung học vào thực tiễn thiết kế và tổ chức các giờ học tạo lập văn bản trong môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực.	GT1, TLTK 1,2	Trình bày được 1 số biện pháp rèn kỹ năng viết cho HS theo tiến trình, đảm bảo đặc trưng kiểu/loại VB. Trình bày được 1 số sản phẩm thực hành trên máy chiếu Projector hoặc thuyết trình.
Chuyên cần	6	Thực hành			
		KT - ĐG	Tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lí thuyết		Tích cực phát biểu ý kiến, tranh biện.

Chương 4: Dạy chiến lược, kỹ thuật viết cho học sinh [21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
4.1. Chiến lược viết	9	Lí thuyết	CLO2: Giải thích khái niệm và đưa ra được ví dụ	GT1	Phân biệt chiến lược viết và kỹ

<p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Các chiến lược viết trong năng lực tạo lập VB</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước khi viết - Trong khi viết - Sau khi viết 			<p>về cấu trúc, các thành tố và chỉ số hành vi của năng lực tạo lập văn bản của HS trung học trong dạy học Ngữ văn.</p>		<p>thuật viết. Nêu được 1 số ví dụ minh họa.</p>
<p>2.2.1. Các kĩ thuật viết theo đặc trưng kiểu bài, kiểu văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kĩ thuật viết đoạn mở bài - Kĩ thuật viết các đoạn văn - Kĩ thuật viết kết bài - Kĩ thuật kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết - Sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt - Sử dụng kết hợp các thao tác lập luận - Sử dụng kết hợp các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ 	6	Thực hành	<p>CLO4: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn để giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.</p>	GT1	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được 1 số sản phẩm thực hành. - Xây dựng tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành viết văn có kĩ thuật.
2.3. Xây dựng và		Thảo luận	CLO3: Vận dụng hiệu quả	GT1	- Xây dựng tiêu

sử dụng hồ sơ viết 2.3.1. Xây dựng hồ sơ dạy viết 2.3.2. Sử dụng hồ sơ dạy viết			các biện pháp phát triển năng lực tạo lập văn bản của HS trung học vào thực tiễn thiết kế và tổ chức các giờ học tạo lập văn bản trong môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực.		chỉ đánh giá hồ sơ viết của HS. - Đưa ra được kết quả đánh giá định tính và định lượng đối với hồ sơ viết của HS.
Viết tiểu luận		KT - ĐG	Viết báo cáo nghiên cứu về 1 vấn đề (có sử dụng trích dẫn, cước chú và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ)	CT GDPT 2018 và SGK Nv10	Bài tiểu luận

8. Quy định đối với học viên:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lí thuyết và dự các tiết thảo luận, thực hành (có sự hướng dẫn của giáo viên), hoàn thành bài tiểu luận và dự thi đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

Phòng học có đầy đủ các phương tiện bảng, máy chiếu projector để phục vụ các hoạt động dạy học. Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1

Người cập nhật

Ngày tháng năm

Ngày tháng năm

Trưởng khoa (duyet)

Ngày tháng 8 năm 2022

Trưởng bộ môn

Giảng viên

PGS.TS Mai Văn Tùng

TS Vũ Thanh Hà

PGS.TS Lê Thị Phượng

13. Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn		Mã học phần
Tên tiếng Anh: Assessing of students' ability in teaching Philology objective		1NV202
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng <input type="checkbox"/> Kiến thức chu <input type="checkbox"/> ;		Kiến thức cơ sở ngành
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 03		
Số tiết lý thuyết: 27	Số tiết thảo luận/bài tập: 18	
Số tiết thực hành: 18	Số tiết tự học: 135 tiết	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết	Khối kiến thức cơ sở ngành	
Học phần kế tiếp:	Thực tập	
Bộ môn quản lý học phần	Ngữ văn	

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	PGS.TS Lê Thị Phương	P202A5 trường đại học Hồng Đức	0915831971	Phụ trách
2	Phạm Thị Anh	Khoa GDMN	0914336136	CBGD2

3. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần:

Học phần cập nhật, mở rộng, nâng cao kiến thức về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS nói chung và kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Ngữ văn nói riêng ở trình độ đại học. Đặc biệt, học viên sẽ được học sâu về các thang đo trong đánh giá năng lực; các công cụ chủ yếu trong đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì theo tiếp cận năng lực; các nguyên tắc và quy trình xây dựng công cụ đánh giá năng lực HS.

Năng lực đạt được:

- Phân tích, lí giải được những vấn đề chung về đánh giá năng lực, các thang đo trong đánh giá năng lực và lựa chọn được thang đo phù hợp với mục tiêu và nội dung đánh giá năng lực HS trong dạy học Ngữ văn ở trường trung học; Giải thích và đưa ra được ví dụ về đánh giá năng lực học sinh trung học trong dạy học môn Ngữ văn theo các yêu cầu đánh giá phát triển năng lực.

- Phân tích, lí giải và đưa ra được các ví dụ về sử dụng các hình thức và phương thức đánh giá năng lực HS trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học phù hợp với đặc thù môn học và các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của HS trung học.

- Thiết kế, sử dụng và đánh giá được các công cụ đánh giá năng lực HS trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học theo đúng quy trình và kĩ thuật.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CDR của học phần và CDR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
CLO1	Phân tích, lí giải được những vấn đề chung về đánh giá năng lực, các thang đo trong đánh giá năng lực và lựa chọn được thang đo phù hợp với mục tiêu và nội dung đánh giá năng lực HS trong dạy học Ngữ văn ở trường trung học; Giải thích và đưa ra được ví dụ về đánh giá năng lực học sinh trung học trong dạy học môn Ngữ văn theo các yêu cầu đánh giá PISA.	PLO7: Khảo sát, phân tích, đánh giá, hệ thống hóa các thông tin, dữ liệu về thực trạng giáo dục, thực trạng dạy học, phát triển chương trình nhà trường và quản lí chất lượng dạy học môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp; phát hiện, đề xuất được những vấn đề khó khăn, phức tạp cần nghiên cứu, đổi mới để phát triển.
<i>Kỹ năng</i>		

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
CLO2	Phân tích, lý giải và đưa ra được các ví dụ về sử dụng các hình thức và phương thức đánh giá năng lực HS trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học phù hợp với đặc thù môn học và các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của HS trung học.	PLO8: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp kiểm tra đánh giá năng lực Ngữ văn của học sinh trung học trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về kiểm tra, đánh giá trong giáo dục thế kỉ XXI.
CLO3	Thiết kế, sử dụng và đánh giá được các công cụ đánh giá năng lực HS trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học theo đúng quy trình và kĩ thuật.	
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO4	Chủ động, tích cực và sáng tạo trong học tập và ứng dụng vào thực tiễn kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn.	PLO9: Tổ chức và quản lý các hoạt động ứng dụng các mô hình, giải pháp mới vào nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và giảng dạy môn Ngữ văn trong nhà trường đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

Ma trận tích hợp giữa CDR của học phần và CDR của chương trình đào tạo:

PLO \ CLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
1							✓			
2								✓		

3								✓		
4									✓	

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra của học phần và CDR của CTĐT

5. Tài liệu dạy học

Giáo trình/tài liệu tham khảo chính (01-02 giáo trình/tài liệu)	1. Sái Công Hồng (2020), <i>Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học</i> , Nxb Đại học Quốc gia 2. Đoàn Thị Thanh Huyền, Lê Minh Nguyệt, Phan Thị Hồng Xuân (2021), <i>Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh THCS trong dạy học Ngữ văn</i> , Nxb Đại học sư phạm
Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)	1. Nguyễn Thúy Hồng (2007), <i>Đổi mới đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh THPT, THCS</i> , Nxb Giáo dục 2. Nguyễn Thị Phương Hoa chủ biên – Vũ Hải Hà đồng chủ biên (2014), <i>Pisa và những vấn đề của giáo dục Việt Nam</i> , Nxb Đại học sư phạm

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-4	20%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				30%
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3, CO4	
Thi cuối kì				
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CL03, CLO4	50%
Thang điểm				10

Rubric 1 Đánh giá chuyên cần và tiến độ

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Mức độ thực hiện kế hoạch nghiên cứu chuyên đề	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến $<$ 2.5	
		Tham dự 95 - 100% số giờ lý thuyết	Tham dự 90 - 94% số giờ lý thuyết	Tham dự 80 - 89% số giờ lý thuyết	Tham dự $<$ 80% số giờ lý thuyết	
Mức độ tích cực tham dự các hoạt động học tập chuyên đề	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến $<$ 2.5	
		- Chủ động tích cực thực hiện đáp ứng \geq 85% nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động, tích cực thực hiện đáp ứng \geq 70% nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động thực hiện đáp ứng \geq 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	- Thực hiện đáp ứng $<$ 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	
Tổng điểm:						

Rubric 2 Đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến \geq 3.25	2.75 đến \leq 3.25	2.5 đến \geq 2.0	0 đến $<$ 2.0	
		Bám sát vấn đề thảo luận và nêu ý kiến rất xác đáng	Nêu ý kiến khá xác đáng về vấn đề thảo	Một vài điểm trong ý kiến về vấn đề TL	Ý kiến lan man không bám vào chủ	

			luận	chưa xác đáng	đề thảo luận.	
	30%	$3.0 \text{ đến } \geq 2.5$	$2.0 \text{ đến } \leq 2.5$	$1.5 \text{ đến } \leq 2.0$	$0 \text{ đến } \leq 1,25$	
		Nhận xét, đánh giá thỏa đáng về các ý kiến khác, sử dụng lí lẽ, bằng chứng phù hợp để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá thỏa đáng về các ý kiến khác, đưa ra được 1 vài căn cứ khá thuyết phục để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá hời hợt về các ý kiến khác, nhiều lí lẽ, bằng chứng chưa thỏa đáng.	Nhận xét đánh giá không thỏa đáng về các ý kiến khác, thiếu lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	
Phương tiện hỗ trợ	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Sử dụng động tác hình thể và phương tiện phi ngôn ngữ, điều chỉnh nội dung, giọng điệu rất phù hợp với không khí thảo luận.	Sử dụng động tác hình thể, điều chỉnh nội dung, giọng điệu tương đối phù hợp với không khí thảo luận.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, nội dung dài ít phù hợp với không khí thảo luận.	Nội dung, giọng điệu không phù hợp với không khí thảo luận, nhiều lỗi diễn đạt.	
Thái độ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Hướng vào người cùng thảo luận để trao đổi ý kiến, có tinh thần cầu thị, biết lắng nghe và phản hồi tích cực.	Tôn trọng, lắng nghe người cùng thảo luận nhưng chưa tích cực phản hồi ý kiến.	Thiếu tinh thần cầu thị khi trao đổi ý kiến với người cùng thảo luận	Không tập trung lắng nghe, không trao đổi ý kiến.	

Tổng điểm:	
-------------------	--

Rubric 3 Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt yêu cầu 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Nội dung đầy đủ, ngắn gọn, logic; Nhấn mạnh những điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ, ngắn gọn, logic. Nêu được 1 vài điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ nhưng dài và thiếu logic.	Nội dung sơ sài, lan man không đúng trọng tâm.	
	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Sử dụng nhiều ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Sử dụng 1 vài ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Nêu ví dụ khá lan man không làm rõ được quan điểm của bạn.	Không sử dụng ví dụ để giải thích quan điểm của bạn.	
Phương tiện hỗ trợ	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Ngôn ngữ, hình thể giọng nói truyền cảm, chuẩn mực; Sử dụng biểu, bảng/clip/hình	Ngôn ngữ, giọng nói rõ ràng; Sử dụng biểu, bảng/clip/hình	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, lạm dụng quá	Nói không rõ ràng, nhiều lỗi diễn đạt, slide đơn	

		bảng/clip/ hình ảnh rất phù hợp.	ảnh tương đối phù hợp.	nhiều slide trình chiếu.	điều.	
Thái độ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Tạo lập được mối quan hệ thân thiện với người nghe; Tự tin, tương tác với người nghe	Tự tin, tương tác với người nghe	Thiếu tự tin, ít tương tác với người nghe	Không tự tin, không tương tác với người nghe	
Tổng điểm:						

Rubric 5 Đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 - 0	
Nội dung bài kiểm tra viết	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm khá vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết cơ bản, nắm chưa vững 1 vài nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Rất thiếu kiến thức thực tế và lý thuyết; không nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	
	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	

		Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết tất cả vấn đề một cách KH.	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 2/3 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 1/2 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/điển giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; giải pháp đưa ra không giải quyết được vấn đề.	
Hình thức bài kiểm tra viết	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Bố cục hợp lí, trình bày rõ ràng đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày rõ ràng, đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày chưa rõ ràng; mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.	Bố cục không hợp lí, trình bày lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
Sáng tạo	10%	$1.0 \text{ đến } 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \leq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Nhiều kiến giải mới mẻ, độc đáo.	Một số kiến giải mới tạo được dấu ấn riêng.	Một vài kiến giải khác lạ không bị phụ thuộc vào cái đã có.	Kiến giải không hoàn toàn mới nhưng không bị trùng lặp với cái đã có.	
Tổng điểm:						

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1, Tuần 1: Đánh giá kết quả giáo dục học sinh theo tiếp cận năng lực

[24 tiết (LT12,TH6,TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu	Yêu cầu SV chuẩn bị
----------------	------------	----------------------	-----------------	-------------	------------------------

		dạy học		tham khảo	
<p>1.1. Khái niệm về đánh giá và đánh giá theo năng lực</p> <p>1.2. Một số thang đo trong đánh giá năng lực HS.</p> <p>1.2.1. Thang tư duy Bloom</p> <p>1.2.2. Thang đo phát triển kỹ năng của Dreyful</p> <p>1.2.3. Thang đo các cấp độ tư duy của Niemiierko</p> <p>1.2.4. Thang phân loại năng lực của Singer</p>	9	Lý thuyết	CO1: Phát triển năng lực nghiên cứu, phân tích và lý giải được những vấn đề cơ bản về đánh giá năng lực học sinh trung học: các thang đo trong đánh giá năng lực, những yêu cầu đánh giá năng lực HS theo PISA, các hình thức và phương pháp đánh giá, quy trình và kỹ thuật xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực HS trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học.	GT1, GT2	Nêu những điểm cơ bản quan trọng của 1 số công cụ đo trong đánh giá năng lực HS trong DH môn Ngữ văn.
Hãy lựa chọn 1 thang đo năng lực và giải thích lý do chọn.	6	Thảo luận/BT	CO2: Phát triển năng lực thiết kế, sử dụng và đánh giá các công cụ đánh giá năng lực HS trong dạy học Ngữ văn phù hợp với đặc thù môn học và các yêu cầu về phẩm chất, năng lực của HS trung học	GT1, GT2	Thuyết trình về 1 thang đo được lựa chọn
Thiết kế thang đo đánh giá kỹ năng viết văn bản của Dreyful và thang	6	Thực hành	CO2: Phát triển năng lực thiết kế, sử dụng và đánh giá các công cụ đánh giá năng lực HS trong dạy	GT1, GT2	Công bố thang đo và tự đánh giá sản phẩm

đo năng lực tạo lập VB của Singer			học Ngữ văn phù hợp với đặc thù môn học và các yêu cầu về phẩm chất, năng lực của HS trung học		thực hành.
Lựa chọn 1 thang đo năng lực phù hợp và giải thích lí do.		Tự học	CO3: Phát triển khả năng làm việc độc lập, tích cực vận dụng các lí thuyết về kiểm tra đánh giá trong giáo dục theo phát triển năng lực vào cải tiến, nâng cao chất lượng của hoạt động kiểm tra đánh giá năng lực học sinh, nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn trong nhà trường.	GT1, GT2	Giới thiệu thang đo được lựa chọn
Thiết kế 1 thang đo đánh giá năng lực đọc hiểu VB thơ trữ tình ở lớp 10	15'	KT - ĐG		GT1, GT2	Trình bày thang đo trên máy chiếu

Nội dung 2, Tuần 2: Đánh giá năng lực học tập môn Ngữ văn của học sinh trung học phổ thông [24 tiết (LT12,TH6,TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
2.1 Đặc thù của môn Ngữ văn 2.2 Những năng lực cần đánh giá của HS trong	12	Lí thuyết	CLO1: Phân tích, lí giải được những vấn đề chung về đánh giá năng lực, các thang đo trong đánh giá năng	GT1, GT2	- Nêu các năng lực cần đánh giá trong dạy học môn

môn Ngữ văn 2.2.1. Những năng lực chung 2.2.2. Những năng lực đặc trưng 2.3 Các hình thức, phương pháp đánh giá năng lực HS trong môn Ngữ văn 2.3.1. Đánh giá chẩn đoán 2.3.2. Đánh giá quá trình 2.3.3. Đánh giá tổng kết			lực và lựa chọn được thang đo phù hợp với mục tiêu và nội dung đánh giá năng lực HS trong dạy học Ngữ văn ở trường trung học; Giải thích và đưa ra được ví dụ về đánh giá năng lực học sinh trung học trong dạy học môn Ngữ văn theo các yêu cầu đánh giá PISA.		Ngữ văn ở THPT; - Nêu căn cứ đánh giá - Xác lập cấu trúc năng lực đọc/viết/nói/nghe.
Thảo luận về điểm mạnh và hạn chế của các hình thức, phương pháp đánh giá năng lực HS trong môn Ngữ văn.	6	Thảo luận/BT	CLO2: Phân tích, lý giải và đưa ra được các ví dụ về sử dụng các hình thức và phương pháp đánh giá năng lực HS trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học phù hợp với đặc thù môn học và các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của HS trung học.	GT1, GT2	Thuyết trình về điểm mạnh và những hạn chế.
Lập kế hoạch đánh giá năng lực viết bài văn	6	Thực hành	CLO3: Thiết kế, sử dụng và đánh giá được các công cụ	GT1, GT2	Trình bày kế hoạch đánh giá năng lực

nghị luận phân tích, đánh giá 1 TPVH ở lớp 10			đánh giá năng lực HS trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học theo đúng quy trình và kỹ thuật.		của HS
Đề xuất tiêu chí đánh giá năng lực tạo lập VB nghị luận phân tích, đánh giá 1 THVH		Tự học	CLO4: Chủ động, tích cực và sáng tạo trong học tập và ứng dụng vào thực tiễn kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn.	GT2 TLTK2	Giới thiệu bộ tiêu chí đánh giá năng lực tạo lập VB của HS THPT
Trình bày căn cứ đánh giá năng lực Ngữ văn của học sinh THPT. Nêu ví dụ minh họa		KT - ĐG		CT GDPT 2018 SGK Ngữ văn THPT	Trình bày căn cứ đánh giá năng lực có nêu được 1 số ví dụ phù hợp.

Nội dung 3, Tuần 3: Quy trình và kỹ thuật xây dựng công cụ đánh giá năng lực HS trong môn Ngữ văn [24 tiết (LT12,TH6,TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
3.1 Quy trình xây dựng bộ công cụ đánh giá Xác định mục đích Xác định chuẩn Thiết lập ma trận	12	Lí thuyết	CLO1: Phân tích, lí giải được những vấn đề chung về đánh giá năng lực, các thang đo trong đánh giá năng lực và lựa chọn được thang đo phù hợp với mục tiêu và nội dung đánh giá	GT1, GT2 TLTK 2	Giới thiệu quy trình thiết kế rubric đánh giá năng lực viết báo cáo nghiên cứu

Xây dựng công cụ Thẩm định công cụ Hoàn thiện công cụ 3.2 Các công cụ đánh giá Câu hỏi Bài tập Phiếu hỏi Hồ sơ học tập			năng lực HS trong dạy học Ngữ văn ở trường trung học; Giải thích và đưa ra được ví dụ về đánh giá năng lực học sinh trung học trong dạy học môn Ngữ văn theo các yêu cầu đánh giá PISA.		về 1 vấn đề
Đề kiểm tra 3.3 Kỹ thuật xây dựng bộ công cụ đề thi	6	Thảo luận/BT	CLO2: Phân tích, lý giải và đưa ra được các ví dụ về sử dụng các hình thức và phương thức đánh giá năng lực HS trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học phù hợp với đặc thù môn học và các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của HS trung học.		Giới thiệu kỹ thuật xây dựng câu hỏi/bài tập/hồ sơ học tập đọc – viết – nói – nghe của HS
Thực hành xây dựng câu hỏi, phiếu hỏi, bài tập, hồ sơ học tập	6	Thực hành	CLO3: Thiết kế, sử dụng và đánh giá được các công cụ đánh giá năng lực HS trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học theo đúng quy trình và kỹ thuật.	GT2 TLTK 1	Trình bày sản phẩm thực hành: câu hỏi, bài tập, hồ sơ học tập
Xây dựng rubric đánh giá năng lực viết báo cáo nghiên cứu về 1		Tự học	CLO4: Chủ động, tích cực và sáng tạo trong học tập và ứng dụng vào thực tiễn kiểm tra đánh giá năng lực	CT GDPT 2018 SGK	Trình bày trên máy chiếu HS tự đánh

vấn đề			học sinh trong dạy học Ngữ văn.	Ngữ văn GT2	giá sản phẩm thực hành
Phân biệt bảng kiểm và rubric. Đề xuất bảng kiểm và rubric đánh giá năng lực viết bài văn nghị luận về 1 vấn đề xã hội của HS THPT		KT - ĐG	CLO4: Chủ động, tích cực và sáng tạo trong học tập và ứng dụng vào thực tiễn kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn.	GT1 GT2	Thuyết trình

8. Quy định đối với học viên:

Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

Phòng học có đầy đủ các phương tiện bảng, máy chiếu projector để phục vụ các hoạt động dạy học. Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1

Người cập nhật

Ngày tháng năm

Cập nhật ĐCCTHP lần 2

Người cập nhật

Ngày tháng năm

Ngày tháng 8 năm 2022

Duyệt
(Khoa)

Trưởng bộ môn
(Kí tên)

Giảng viên
(Kí tên)

14. Câu hỏi, bài tập trong dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông**Thông tin chung về học phần**

Tên học phần: Câu hỏi, bài tập trong dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông		Mã học phần 1PV214
Tên tiếng Anh: Questions and exercises in teaching reading in secondary schools		
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức chung ; <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành		
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 04		
Số tiết lý thuyết: 36	Số tiết thảo luận/bài tập: 26	
Số tiết thực hành: 22	Số tiết tự học: 135 tiết	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết	Khối kiến thức cơ sở ngành	
Học phần kế tiếp:	Thực tập	
Bộ môn quản lý học phần	Ngữ văn	

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	PGS.TS Hoàng Thị Mai	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915188090	Phụ trách
2	PGS.TS Lê Thị Phụng	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915831971	CBGD2

3. Mô tả tóm tắt học phần*Nội dung học phần:*

Học phần nâng cao, cập nhật những kiến thức chuyên sâu, có hệ thống về vai trò, đặc trưng, bản chất của các loại câu hỏi trong dạy học đọc văn, mối quan hệ giữa câu hỏi và tư duy; các nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ để xây dựng câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc

trung thể loại văn bản và đối tượng người học; các thủ pháp xây dựng câu hỏi, tự đặt câu hỏi, tình huống có vấn đề trong dạy học văn nhằm phát huy chủ thể sáng tạo của bạn đọc - học sinh ở nhà trường phổ thông.

Năng lực đạt được:

Học phần phát triển năng lực thực hành vận dụng lí thuyết về câu hỏi và thiết kế, sử dụng câu hỏi hiệu quả trong dạy học đọc văn vào quá trình đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá kết quả đọc văn của HS ở nhà trường phổ thông; triển năng lực phát hiện và đề xuất được các mô hình, giải pháp nâng cao hiệu quả thiết kế và sử dụng câu hỏi hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dạy học đọc văn ở nhà trường phổ thông.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
CLO1	Khái quát, mô tả, phân loại và đánh giá được vai trò, đặc trưng, bản chất của các loại câu hỏi, bài tập trong dạy học đọc văn, mối quan hệ giữa câu hỏi và tư duy	PLO4: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về giao tiếp ngôn ngữ và tích hợp trong dạy học môn Ngữ văn.
<i>Kỹ năng</i>		
CLO2	Phân tích, lựa chọn, đề xuất được các nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xây dựng câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản và đối tượng người học; các thủ pháp xây dựng câu hỏi, tình huống có vấn đề trong dạy học văn.	PLO5: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về đọc hiểu môn Ngữ văn theo chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.
		PLO6: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực tạo lập văn bản, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
		cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về tạo lập văn bản môn Ngữ văn.
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO3	Thiết kế và sử dụng được các loại câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo của bạn đọc - HS.	PLO9: Tổ chức và quản lý các hoạt động ứng dụng các mô hình, giải pháp mới vào nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và giảng dạy môn Ngữ văn trong nhà trường đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

Ma trận tích hợp giữa CDR của học phần và CDR của chương trình đào tạo:

PLO \ CLO	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010
1				✓	✓					
2						✓				
3									✓	

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra của học phần và CDR của CTĐT

5. Tài liệu dạy học

Giáo trình/tài liệu tham khảo chính (01-02 giáo trình/tài liệu)	1. Richard Paul – Linda Elder (2015), <i>Cẩm nang Tư duy đặt câu hỏi bản chất</i> , NXB Tổng hợp TP HCM.
Tài liệu tham khảo	1. Nguyễn Thanh Hùng (2021), <i>Lí luận và phương pháp</i>

(không quá 04 tài liệu)	<p>dạy học văn - Cội nguồn bản sắc giá trị, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>2. Albert Rutherford (2018), <i>Models of Critical Thinking</i>, Kindle Direct Publishing.</p>
-------------------------	--

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				30%
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3	
Thi cuối kì				50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3.	
Thang điểm				10

Rubric 1 Đánh giá chuyên cần và tiến độ

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Mức độ thực hiện kế hoạch nghiên cứu chuyên đề	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến $<$ 2.5	
		Tham dự 95 - 100% số giờ lý thuyết	Tham dự 90 - 94% số giờ lý thuyết	Tham dự 80 - 89% số giờ lý thuyết	Tham dự $<$ 80% số giờ lý thuyết	

Mức độ tích cực tham dự các hoạt động học tập chuyên đề	50%	$5.0 \text{ đến } \geq 4.25$	$3.5 \text{ đến } < 4.25$	$3.5 \text{ đến } \geq 2.5$	$0 \text{ đến } < 2.5$	
		- Chủ động tích cực thực hiện đáp ứng $\geq 85\%$ nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động, tích cực thực hiện đáp ứng $\geq 70\%$ nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động thực hiện đáp ứng $\geq 50\%$ nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	- Thực hiện đáp ứng $< 50\%$ nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	
Tổng điểm:						

Rubric 2 Đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	
		Bám sát vấn đề thảo luận và nêu ý kiến rất xác đáng	Nêu ý kiến khá xác đáng về vấn đề thảo luận	Một vài điểm trong ý kiến về vấn đề TL chưa xác đáng	Ý kiến lan man không bám vào chủ đề thảo luận.	
	30%	$3.0 \text{ đến } \geq 2.5$	$2.0 \text{ đến } \leq 2.5$	$1.5 \text{ đến } \leq 2.0$	$0 \text{ đến } \leq 1,25$	
		Nhận xét, đánh giá thỏa đáng về các ý kiến khác, sử dụng lí lẽ, bằng	Nhận xét, đánh giá khá thỏa đáng về các ý kiến	Nhận xét, đánh giá khá hời hợt về các ý kiến khác,	Nhận xét đánh giá không thỏa đáng về các	

		chúng phù hợp để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	khác, đưa ra được 1 vài căn cứ khá thuyết phục để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	nhiều lí lẽ, bằng chứng chưa thỏa đáng.	ý kiến khác, thiếu lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	
Phương tiện hỗ trợ	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Sử dụng động tác hình thể và phương tiện phi ngôn ngữ, điều chỉnh nội dung, giọng điệu rất phù hợp với không khí thảo luận.	Sử dụng động tác hình thể, điều chỉnh nội dung, giọng điệu tương đối phù hợp với không khí thảo luận.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, nội dung dài ít phù hợp với không khí thảo luận.	Nội dung, giọng điệu không phù hợp với không khí thảo luận, nhiều lỗi diễn đạt.	
Thái độ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Hướng vào người cùng thảo luận để trao đổi ý kiến, có tinh thần cầu thị, biết lắng nghe và phản hồi tích cực.	Tôn trọng, lắng nghe người cùng thảo luận nhưng chưa tích cực phản hồi ý kiến.	Thiếu tinh thần cầu thị khi trao đổi ý kiến với người cùng thảo luận	Không tập trung lắng nghe, không trao đổi ý kiến.	
Tổng điểm:						

Rubric 3 Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				
		Tốt	Khá	Đạt yêu cầu	Không đạt	Điểm đánh
		10 – 8.5	8.4 - 7.0	6.9 – 5.0	4.9 - 0	

						giá
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Nội dung đầy đủ, ngắn gọn, logic; Nhấn mạnh những điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ, ngắn gọn, logic. Nêu được 1 vài điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ nhưng dài và thiếu logic.	Nội dung sơ sài, lan man không đúng trọng tâm.	
	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Sử dụng nhiều ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Sử dụng 1 vài ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Nêu ví dụ khá lan man không làm rõ được quan điểm của bạn.	Không sử dụng ví dụ để giải thích quan điểm của bạn.	
Phương tiện hỗ trợ	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Ngôn ngữ, hình thể giọng nói truyền cảm, chuẩn mực; Sử dụng biểu, bảng/clip/ hình ảnh rất phù hợp.	Ngôn ngữ, giọng nói rõ ràng; Sử dụng biểu, bảng/clip/hình ảnh tương đối phù hợp.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, lạm dụng quá nhiều slide trình chiếu.	Nói không rõ ràng, nhiều lỗi diễn đạt, slide đơn điệu.	
Thái độ	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	

		Tạo lập được mối quan hệ thân thiện với người nghe; Tự tin, tương tác với người nghe	Tự tin, tương tác với người nghe	Thiếu tự tin, ít tương tác với người nghe	Không tự tin, không tương tác với người nghe	
Tổng điểm:						

Rubric 5 Đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 - 0	
Nội dung bài kiểm tra viết	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm khá vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết cơ bản, nắm chưa vững 1 vài nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Rất thiếu kiến thức thực tế và lý thuyết; không nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	
	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	
		Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/đánh giá thông tin, dữ	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ	

		liệu; đưa ra giải pháp giải quyết tất cả vấn đề một cách KH.	liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 2/3 vấn đề đảm bảo tính KH.	liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 1/2 vấn đề đảm bảo tính KH.	liệu; giải pháp đưa ra không giải quyết được vấn đề.	
Hình thức bài kiểm tra viết	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Bố cục hợp lí, trình bày rõ ràng đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày rõ ràng, đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày chưa rõ ràng; mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.	Bố cục không hợp lí, trình bày lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
Sáng tạo	10%	$1.0 \text{ đến } 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \leq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Nhiều kiến giải mới mẻ, độc đáo.	Một số kiến giải mới tạo được dấu ấn riêng.	Một vài kiến giải khác lạ không bị phụ thuộc vào cái đã có.	Kiến giải không hoàn toàn mới nhưng không bị trùng lặp với cái đã có.	
Tổng điểm:						

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1, Tuần 1: Chương 1: Tư duy và câu hỏi trong dạy đọc văn [20 tiết (LT10, TH5, TL5)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
1.1. Đọc văn và đặc trưng của hoạt động đọc văn	10	Lí thuyết	CLO1: Khái quát, mô tả, phân loại	GT1, GT2	- Nêu các cách phân

<p>1.1.1. Khái niệm đọc văn và dạy đọc văn</p> <p>1.1.2. Đặc trưng của hoạt động đọc văn</p> <p>1.1.3. Đặc điểm của một người đọc tốt</p> <p>1.1.4. Các kĩ thuật đọc văn (Phân biệt với các kĩ thuật dạy đọc văn)</p> <p>1.1.5. Hành động đọc/Quá trình đọc văn</p> <p>1.2. Tư duy và phân loại tư duy</p> <p>1.2.1. Khái niệm tư duy</p> <p>1.2.2. Phân loại tư duy</p> <p>1.2.3. Các loại tư duy bậc cao:</p> <p>1.2.4. Thuyết đa dạng trí thông minh</p> <p>1.3. Mối quan hệ giữa câu hỏi và tư duy</p>			<p>và đánh giá được vai trò, đặc trưng, bản chất của các loại câu hỏi, bài tập trong dạy học đọc văn, mối quan hệ giữa câu hỏi và tư duy</p>		<p>loại VB.</p> <p>- Chỉ ra điểm giống và khác nhau trong các định nghĩa về câu hỏi, bài tập.</p>
<p>Các dạng câu hỏi nghiên cứu căn bản của lí thuyết văn học</p> <p>Khái quát bức tranh lí thuyết tiếp nhận văn học</p>	5	Thảo luận/BT	<p>CLO3: Thiết kế và sử dụng được các loại câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo</p>		<p>Thuyết trình</p> <p>Hoặc trình bày bằng bảng tổng hợp</p>

			của bạn đọc – HS		
Chỉ ra điểm giống và khác nhau của các dạng câu hỏi	5	Thực hành	CLO3: Thiết kế và sử dụng được các loại câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo của bạn đọc – HS	GT1 GT2	Bảng so sánh
Giới thiệu lí thuyết về đa dạng trí thông minh		Tự học	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học	Intern et	Thuyết trình hoặc Poster
Phân tích đặc trưng của hệ thống câu hỏi trong dạy học đọc hiểu văn bản	07'	KT – ĐG		GT1 GT2 TLTK 2	Thuyết trình

***Nội dung 2, Tuần 2: Các loại câu hỏi trong dạy học Văn
[34 tiết (LT16, TH9, TL9)]***

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
2.1. Khái niệm và	16	Lí	CLO2: Phân tích, lựa	GT1	Chỉ ra mức độ

<p>phân loại câu hỏi</p> <p>2.1.1. Phân loại dựa theo các cấp độ tư duy, mức độ tiếp cận đối tượng</p> <p>2.1.2. Phân loại dựa theo đặc điểm thể loại, các kiểu bài Văn học</p> <p>2.1.3. Phân loại dựa theo tiến trình dạy học</p> <p>2.1.4. Phân loại dựa theo số lượng HS thực hiện</p> <p>2.1.5. Phân loại dựa theo dạng hình thức của câu hỏi, bài tập</p> <p>2.1.6. Phân loại dựa theo chủ thể của câu hỏi</p> <p>2.2. Đặc điểm, tiêu chí của một hệ thống câu hỏi tốt trong dạy học Văn</p> <p>2.3. Nguyên tắc xây dựng câu hỏi trong dạy học Văn</p> <p>2.3.1. Nguyên tắc chung</p> <p>2.3.2. Nguyên tắc xây dựng câu hỏi, bài tập cho HS học</p>		thuyết	<p>chọn, đề xuất được các nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xây dựng câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản và đối tượng người học; các thủ pháp xây dựng câu hỏi, tình huống có vấn đề trong dạy đọc văn.</p>	GT2	tích hợp và phân hóa của các loại câu hỏi
---	--	--------	--	-----	---

hợp tác trong dạy học Văn					
<p>2.4. Các thủ pháp tạo dựng câu hỏi, tình huống có vấn đề trong dạy học Văn</p> <p>2.5. Các dạng câu hỏi, bài tập trong dạy học Văn</p> <p>2.5.1. Theo các thang bậc tư duy</p> <p>2.5.2. Theo các phạm vi kết nối đa chiều của VB</p> <p>2.5.3. Theo thể loại VB</p> <p>2.5.4. Tự đặt câu hỏi của người đọc khi đọc hiểu các thể loại văn bản.</p>	9	Thảo luận/BT	CLO3: Thiết kế và sử dụng được các loại câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo của bạn đọc - HS.	GT1 GT2	Nêu tiêu chí đánh giá câu hỏi
Thực hành đặt câu hỏi	9	Thực hành	CLO3: Thiết kế và sử dụng được các loại câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo của bạn đọc - HS.	GT1 GT2	Trình bày kết quả đọc bằng sơ đồ trình chiếu trên máy chiếu.

Xây dựng hệ thống câu hỏi trong dạy học đọc hiểu 1 VB		Tự học		TLTK 2	Thuyết trình
Nêu cách đặt câu hỏi		KT ĐG	CLO3: Thiết kế và sử dụng được các loại câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo của bạn đọc - HS.	GT1 GT2	Thuyết trình

Nội dung 3, Tuần 3: Đề thi kiểm tra, đánh giá năng lực đọc văn của học sinh ở nhà trường phổ thông [30 tiết (LT10,TH10,TL10)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
3.1. Đặc trưng của kiểm tra, đánh giá năng lực người học 3.1.1. Đánh giá quá trình 3.1.2. Đánh giá thực tiễn 3.1.3. Đánh giá sáng tạo 3.2. Chuẩn năng lực đọc văn của HS ở	10	Lí thuyết	CLO2: Phân tích, lựa chọn, đề xuất được các nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xây dựng câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản và đối tượng người học; các thủ pháp xây dựng câu hỏi, tình huống có vấn đề trong dạy đọc văn.	GT2 TLT K2	Chỉ ra mức độ yêu cầu cần đạt về quá trình đánh giá HS

<p>nhà trường phổ thông</p> <p>3.3. Đề thi kiểm tra, đánh giá năng lực đọc văn của HS</p> <p>3.3.1. Đề thi trắc nghiệm</p> <p>3.3.2. Đề thi tự luận</p> <p>3.3.3. Xây dựng ma trận đề</p> <p>3.3.4. Xây dựng kế hoạch ra đề</p> <p>3.3. Đề mở và hướng dẫn chấm đề mở trong đánh giá năng lực đọc văn của HS</p> <p>3.3.1. Đề mở trong đánh giá năng lực đọc văn</p> <p>3.3.2. Hướng dẫn chấm đề mở trong đánh giá năng lực đọc văn</p>					
<p>2.4. Đánh giá năng lực tự đặt câu hỏi trong quá trình đọc văn bản của học sinh trung học.</p>	10	Thảo luận/B T	CLO4: Khảo sát, đánh giá được thực trạng thiết kế và hiệu quả sử dụng câu hỏi, bài tập trong dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông hiện nay; phát hiện và đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, các giải pháp đổi mới phương	GT2 TLT K2	Nêu tiêu chí đánh giá năng lực tự đặt câu hỏi trong quá trình đọc văn bản của học sinh trung học.

			pháp thiết kế và sử dụng các loại câu hỏi, bài tập nhằm phát triển năng lực HS trong dạy học văn.		
Rèn kĩ năng tự đặt câu hỏi trong quá trình đọc văn bản của học sinh trung học.	6	Thực hành	CLO3: Thiết kế và sử dụng được các loại câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo của bạn đọc - HS.	GT2 TLT K2	Nêu biện pháp dạy học sinh tự đặt câu hỏi trong quá trình đọc văn bản của học sinh trung học.
Xây dựng hệ thống câu hỏi trong dạy học đọc hiểu văn bản		Tự học	CLO3: Thiết kế và sử dụng được các loại câu hỏi, bài tập phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo của bạn đọc - HS.		Thuyết trình
Đề xuất tiêu chí đánh giá hệ thống câu hỏi		KT – ĐG			Thuyết trình

8. Quy định đối với học viên:

Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

Phòng học có đầy đủ các phương tiện bảng, máy chiếu projector để phục vụ các hoạt động dạy học. Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1

Người cập nhật

Ngày tháng năm

Cập nhật ĐCCTHP lần 2

Người cập nhật

Ngày tháng năm

Ngày tháng 8 năm 2022

Duyệt

Trưởng bộ môn

Giảng viên

(Khoa)

(Kí tên)

(Kí tên)

Vũ Thanh Hà

Hoàng Thị Mai

**TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC**

15. Vận dụng lí thuyết kí hiệu học vào việc dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông**Thông tin chung về học phần**

Tên học phần: Vận dụng lí thuyết kí hiệu học vào việc dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông		Mã học phần 1.PV215
Tên tiếng Anh: Applying semiotic theory to teaching reading in secondary schools		
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng <input type="checkbox"/> Kiến thức chu <input type="checkbox"/> ; Kiến thức cơ sở ngành		
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 04		
Số tiết lý thuyết: 36	Số tiết thảo luận/bài tập: 24	
Số tiết thực hành: 24	Số tiết tự học: 135 tiết	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết	Khối kiến thức cơ sở ngành	
Học phần kế tiếp:	Thực tập	
Bộ môn quản lý học phần	Ngữ văn	

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	PGS.TS Hoàng Thị Mai	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915188090	Phụ trách
2	PGS.TS Lê Thị Phụng	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915831971	CBGD2

3. Mô tả tóm tắt học phần*Nội dung học phần:*

Học phần cập nhật, bổ sung những kiến thức mới, cơ bản, có hệ thống về lí thuyết kí hiệu học và việc vận dụng vào việc dạy đọc văn trong nhà trường bao gồm: quan điểm, những thành tựu và hạn chế của lí thuyết kí hiệu học; quan điểm, nguyên tắc, cách thức,

phương pháp vận dụng lí thuyết kí hiệu học vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông góp phần bổ sung, hoàn thiện hoá hệ thống lí thuyết về phương pháp dạy học Ngữ văn.

Năng lực đạt được:

Học phần phát triển năng lực thực hành vận dụng lí thuyết kí hiệu học văn học vào quá trình đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá kết quả đọc văn của HS ở nhà trường phổ thông; phát triển năng lực phát hiện và đề xuất được các mô hình, giải pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
CLO1	Trình bày, mô tả khái quát được lịch sử, nội dung các trường phái lí thuyết kí hiệu học trên thế giới.	PLO4: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về giao tiếp ngôn ngữ và tích hợp trong dạy học môn Ngữ văn.
<i>Kỹ năng</i>		
CLO2	Phân tích, đánh giá, lựa chọn được các luận điểm phù hợp của lí thuyết kí hiệu học, đặc biệt là kí hiệu học văn học, kí hiệu học văn hóa để vận dụng vào quá trình thực hành đọc và dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	<p>PLO5: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy đọc phát triển năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về đọc hiểu môn Ngữ văn theo chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.</p> <p>PLO6: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực tạo lập văn bản, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về tạo lập</p>

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
		văn bản môn Ngữ văn.
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO3	Thực hành đọc văn và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc văn từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học.	PLO9: Tổ chức và quản lý các hoạt động ứng dụng các mô hình, giải pháp mới vào nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và giảng dạy môn Ngữ văn trong nhà trường đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

Ma trận tích hợp giữa CDR của học phần và CDR của chương trình đào tạo:

PLO \ CLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
1				✓	✓					
2						✓				
3									✓	

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra của học phần và CDR của CTĐT

5. Tài liệu dạy học

<i>Giáo trình/tài liệu tham khảo chính</i> (01-02 giáo trình/tài liệu)	1. IU. M. Lotman, Trần Ngọc Vương, Trịnh Bá Đĩnh, (Nguyễn Thu Thủy dịch) (2007), <i>Cấu trúc văn bản nghệ thuật</i> , NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội. 2. Phương Lưu (2005), <i>Phương pháp luận nghiên cứu văn học</i> , Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
<i>Tài liệu tham khảo</i> (không quá 04 tài liệu)	1. Phan Trọng Luận (2003), <i>Văn chương, bạn đọc sáng tạo</i> , NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội. 2. Phan Trọng Luận (2017), <i>Phương pháp luận giải mã văn bản văn học</i> , NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				30%
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3	
Thi cuối kì				50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3.	
Thang điểm				10

Rubric 1 Đánh giá chuyên cần và tiến độ

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Mức độ thực hiện kế hoạch nghiên cứu chuyên đề	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến $<$ 2.5	
		Tham dự 95 - 100% số giờ lý thuyết	Tham dự 90 - 94% số giờ lý thuyết	Tham dự 80 - 89% số giờ lý thuyết	Tham dự $<$ 80% số giờ lý thuyết	
Mức độ tích cực tham dự các hoạt	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến $<$ 2.5	
		- Chủ động tích cực thực	- Chủ động, tích cực thực	- Chủ động thực hiện đáp	- Thực hiện đáp ứng $<$	

động học tập chuyên đề	hiện đáp ứng $\geq 85\%$ nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	hiện đáp ứng $\geq 70\%$ nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	ứng $\geq 50\%$ nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	
Tổng điểm:					

Rubric 2 Đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Bám sát vấn đề thảo luận và nêu ý kiến rất xác đáng	Nêu ý kiến khá xác đáng về vấn đề thảo luận	Một vài điểm trong ý kiến về vấn đề TL chưa xác đáng	Ý kiến lan man không bám vào chủ đề thảo luận.	
	30%	3.0 đến ≥ 2.5	2.0 đến ≤ 2.5	1.5 đến ≤ 2.0	0 đến $\leq 1,25$	
		Nhận xét, đánh giá thỏa đáng về các ý kiến khác, sử dụng lí lẽ, bằng chứng phù hợp để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá thỏa đáng về các ý kiến khác, đưa ra được 1 vài căn cứ khá thuyết phục để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá hời hợt về các ý kiến khác, nhiều lí lẽ, bằng chứng chưa thỏa đáng.	Nhận xét đánh giá không thỏa đáng về các ý kiến khác, thiếu lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	

Phương tiện hỗ trợ	10%	<i>1.0 đến ≥ 0.75</i>	<i>0.5 đến ≤ 0.75</i>	<i>0.25 đến ≥ 0.5</i>	<i>0 đến ≤ 0.25</i>	
		Sử dụng động tác hình thể và phương tiện phi ngôn ngữ, điều chỉnh nội dung, giọng điệu rất phù hợp với không khí thảo luận.	Sử dụng động tác hình thể, điều chỉnh nội dung, giọng điệu tương đối phù hợp với không khí thảo luận.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, nội dung dài ít phù hợp với không khí thảo luận.	Nội dung, giọng điệu không phù hợp với không khí thảo luận, nhiều lỗi diễn đạt.	
Thái độ	20%	<i>2.0 đến ≥ 1.5</i>	<i>1.25 đến 1.5</i>	<i>1.0 đến ≤ 1.25</i>	<i>0 đến < 1.0</i>	
		Hướng vào người cùng thảo luận để trao đổi ý kiến, có tinh thần cầu thị, biết lắng nghe và phản hồi tích cực.	Tôn trọng, lắng nghe người cùng thảo luận nhưng chưa tích cực phản hồi ý kiến.	Thiếu tinh thần cầu thị khi trao đổi ý kiến với người cùng thảo luận	Không tập trung lắng nghe, không trao đổi ý kiến.	
Tổng điểm:						

Rubric 3 Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt yêu cầu 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	<i>4.0 đến ≥ 3.25</i>	<i>2.75 đến ≤ 3.25</i>	<i>2.5 đến ≥ 2.0</i>	<i>0 đến < 2.0</i>	
		Nội dung đầy đủ, ngắn gọn, logic; Nhấn mạnh những điểm quan	Nội dung tương đối đầy đủ, ngắn gọn, logic. Nêu	Nội dung tương đối đầy đủ nhưng dài và thiếu	Nội dung sơ sài, lan man không đúng trọng	

		trọng của bài thuyết trình.	được 1 vài điểm quan trọng của bài thuyết trình.	logic.	tâm.	
	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Sử dụng nhiều ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Sử dụng 1 vài ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Nêu ví dụ khá lan man không làm rõ được quan điểm của bạn.	Không sử dụng ví dụ để giải thích quan điểm của bạn.	
Phương tiện hỗ trợ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Ngôn ngữ, hình thể giọng nói truyền cảm, chuẩn mực; Sử dụng biểu, bảng/clip/ hình ảnh rất phù hợp.	Ngôn ngữ, giọng nói rõ ràng; Sử dụng biểu, bảng/clip/hình ảnh tương đối phù hợp.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, lạm dụng quá nhiều slide trình chiếu.	Nói không rõ ràng, nhiều lỗi diễn đạt, slide đơn điệu.	
Thái độ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Tạo lập được mối quan hệ thân thiện với người nghe; Tự tin, tương tác với người nghe	Tự tin, tương tác với người nghe	Thiếu tự tin, ít tương tác với người nghe	Không tự tin, không tương tác với người nghe	
Tổng điểm:						

Rubric 5 Đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 - 0	
Nội dung bài kiểm tra viết	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm khá vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết cơ bản, nắm chưa vững 1 vài nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Rất thiếu kiến thức thực tế và lý thuyết; không nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	
	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	
		Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết tất cả vấn đề một cách KH.	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 2/3 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 1/2 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; giải pháp đưa ra không giải quyết được vấn đề.	
Hình thức bài kiểm tra viết	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Bố cục hợp lí, trình bày	Bố cục khá hợp lí, trình	Bố cục khá hợp lí, trình	Bố cục không hợp lí, trình	

		rõ ràng đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	bày rõ ràng, đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	bày chưa rõ ràng; mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.	bày lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
Sáng tạo	10%	1.0 đến 0.75	0.5 đến ≤ 0.75	0.25 đến ≤ 0.5	0 đến ≤ 0.25	
		Nhiều kiến giải mới mẻ, độc đáo.	Một số kiến giải mới tạo được dấu ấn riêng.	Một vài kiến giải khác lạ không bị phụ thuộc vào cái đã có.	Kiến giải không hoàn toàn mới nhưng không bị trùng lặp với cái đã có.	
Tổng điểm:						

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1, Tuần 1: Chương 1: Khái quát chung về kí hiệu học [21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
1.1. Khái niệm kí hiệu và kí hiệu học 1.2. Nền tảng lí luận 1.2.1. Lí thuyết ngôn ngữ của Ferdinand de Saussure 1.2.2. Lí thuyết ngôn ngữ của nhóm ngôn ngữ học Prague (Praha) 1.2.3. Lí thuyết nhân chủng học về huyền	9	Lí thuyết	CLO1: Trình bày, mô tả khái quát được lịch sử, nội dung các trường phái lí thuyết kí hiệu học trên thế	GT1, GT2	- Nêu các lí thuyết ngôn ngữ - Chỉ ra điểm giống và khác nhau trong các lí thuyết ngôn ngữ

thoại của Claude Levi-Strauss 1.3. Lịch sử hình thành và phát triển 1.4. Đại diện tiêu biểu 1.5. Phạm vi nghiên cứu và ảnh hưởng			giới		
Các câu hỏi nghiên cứu căn bản của lí thuyết văn học Khái quát bức tranh lí thuyết tiếp nhận văn học	6	Thảo luận/BT	CLO3: Thực hành đọc văn và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc văn từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học		Thuyết trình Hoặc trình bày bằng bảng tổng hợp
Chỉ ra điểm giống và khác nhau của các lí thuyết văn học	6	Thực hành	CLO2: Phân tích, đánh giá, lựa chọn được các luận điểm phù hợp của lí thuyết kí hiệu học, đặc biệt là kí hiệu học văn học, kí hiệu học	GT1 GT2	Bảng so sánh

			văn hóa để vận dụng vào quá trình thực hành đọc và dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông		
Giới thiệu lịch sử phát triển của lí thuyết kí hiệu học		Tự học	CLO2: Phân tích, đánh giá, lựa chọn được các luận điểm phù hợp của lí thuyết kí hiệu học, đặc biệt là kí hiệu học văn học, kí hiệu học văn hóa để vận dụng vào quá trình thực hành đọc và dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	Internet	Thuyết trình hoặc Poster
Phân tích ảnh hưởng của	07'	KT – ĐG		GT1	Thuyết trình

lí thuyết kí hiệu học				GT2 TLTK2	
-----------------------	--	--	--	--------------	--

Nội dung 2, Tuần 2: Chương 2: Lí thuyết kí hiệu học – Tóm tắt [30 tiết (LT14,TH8,TL8)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
2.1. Trường phái kí hiệu học châu Âu và mô hình nhị phân của F. Saussure 2.1.1. Lịch sử 2.1.2. Đại diện 2.1.3. Quan điểm kí hiệu học 2.2. Trường phái kí hiệu học Mỹ và mô hình tam đoạn luận của C. Peirce 2.2.1. Lịch sử 2.2.2. Đại diện 2.2.3. Quan điểm kí hiệu học 2.3. Trường phái kí hiệu học Moskva - Tartu và mô hình “kí hiệu quyền” của I. Lotman 2.3.1. Lịch sử 2.3.2. Đại diện 2.3.3. Quan điểm kí hiệu học	14	Lí thuyết	CLO2: Phân tích, đánh giá, lựa chọn được các luận điểm phù hợp của lí thuyết kí hiệu học, đặc biệt là kí hiệu học văn học, kí hiệu học văn hóa để vận dụng vào quá trình thực hành đọc và dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông;	GT1 GT2	Chuẩn bị các thông tin cơ bản về các trường phái kí hiệu học
So sánh các quan điểm khác nhau về kí	8	Thảo luận/BT	CLO3: Thực hành đọc văn và đề xuất	GT1 GT2	Lập bảng so sánh các

hiệu học			các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc văn từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học		quan điểm khác nhau về kí hiệu học
Thực hành vận dụng lí thuyết kí hiệu trong đọc hiểu 1 văn bản văn học	8	Thực hành	CLO3: Thực hành đọc văn và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc văn từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học	GT1 GT2	Trình bày kết quả đọc bằng sơ đồ trình chiếu trên máy chiếu.
Đọc và giới thiệu về 1 VB dựa trên lí thuyết kí hiệu học		Tự học		TLTK 2	Thuyết trình
Nêu cách vận dụng lí thuyết kí hiệu học vào quá trình đọc hiểu văn bản		KT - ĐG	CLO3: Thực hành đọc văn và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc văn từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học	GT1 GT2	Thuyết trình

Nội dung 3, Tuần 3: Chương 3: Vận dụng lí thuyết kí hiệu học vào việc dạy đọc văn trong nhà trường [35 tiết (LT13,TH11,TL11)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
-----------------------	----------------	----------------------------------	------------------------	---------------------------	----------------------------

<p>3.1. Lí thuyết về các ‘mã’ (codes) của Roland Barthes và vận dụng trong dạy đọc văn</p> <p>3.2. Lí thuyết tự sự học (narratology) của Tzvetan Todorov, Gérard Genette và vận dụng trong dạy đọc văn</p> <p>3.3. Lí thuyết thi pháp học của M. Bakhtin và vận dụng trong dạy đọc văn</p> <p>3.4. Lí thuyết huyền thoại của Claude Levi-Strauss và vận dụng trong dạy đọc văn</p> <p>3.5. Lí thuyết về truyện dân gian của Vladimir Propp, A. J. Greimas và vận dụng trong dạy đọc văn</p>	13	Lí thuyết	CLO2: Phân tích, đánh giá, lựa chọn được các luận điểm phù hợp của lí thuyết kí hiệu học, đặc biệt là kí hiệu học văn học, kí hiệu học văn hóa để vận dụng vào quá trình thực hành đọc và dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	GT2 TLTK2	Đánh giá vận dụng lí thuyết phù hợp trong đọc hiểu từng thể loại văn bản
2.4. Vận dụng lí thuyết huyền thoại trong dạy học văn bản văn học có ưu	11	Thảo luận/BT	CLO3: Thực hành đọc văn và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy	GT2 TLTK2	Phân tích ưu – nhược điểm của việc Vận

và nhược điểm gì?			đọc văn từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học		dụng lí thuyết huyền thoại trong dạy học văn bản văn học
Vận dụng lí thuyết kí hiệu học để đọc hiểu 1 văn bản văn học.	11	Thực hành	CLO2: Phân tích, đánh giá, lựa chọn được các luận điểm phù hợp của lí thuyết kí hiệu học, đặc biệt là kí hiệu học văn học, kí hiệu học văn hóa để vận dụng vào quá trình thực hành đọc và dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	GT2 TLTK2	Lựa chọn văn bản phù hợp để vận dụng lí thuyết kí hiệu học trong đọc hiểu
Viết báo cáo nghiên cứu về việc vận dụng lí thuyết kí hiệu học trong đọc hiểu 1 văn bản văn học		Tự học	CLO3: Thực hành đọc văn và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc văn từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học;		Thuyết trình
Đề xuất tiêu chí đánh giá năng lực đọc VB		KT - ĐG			Thuyết trình

8. Quy định đối với học viên:

Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

Phòng học có đầy đủ các phương tiện bảng, máy chiếu projector để phục vụ các hoạt động dạy học. Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần**Cập nhật ĐCCTHP lần 1****Người cập nhật***Ngày tháng năm***Cập nhật ĐCCTHP lần 2****Người cập nhật***Ngày tháng năm**Ngày tháng 8 năm 2022***Duyệt**
*(Khoa)***Trưởng bộ môn**
*(Kí tên)***Giảng viên**
(Kí tên)

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC

18. Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông**Thông tin chung về học phần**

Tên tiếng Việt: Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông		Mã học phần 1NV2008	
Tên tiếng Anh: Methods of Researching, Teaching Foreign Literature at School			
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn			
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức chung; <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành			
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp			
Số tín chỉ: 3			
Số tiết lý thuyết: 27		Số tiết thảo luận: 18	
Số tiết thực hành: 18		Số tiết tự học: 135	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>			
Học phần tiên quyết: Các môn cơ sở ngành về ngôn ngữ, lí luận văn học và văn học			
Học phần kế tiếp:			
Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn			

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	TS. Nguyễn Thị Hạnh	Khoa KHXH, trường ĐH Hồng Đức	0904083308 Nguyenthihanh@hdu.edu.vn	Phụ trách
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Nga	Khoa KHXH, trường ĐH Hồng Đức	0983751768 Nguyenthithanhnga@hdu.edu.vn	Tham gia

7. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết cơ bản về văn học nước ngoài, phân biệt được các khái niệm: *văn học thế giới, văn học nước ngoài, văn học dịch...*; xác định được tính đặc thù của các văn bản văn học nước ngoài; nội dung văn học nước ngoài

trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn Trung học cơ sở (THCS) và Trung học phổ thông (THPT); những thuận lợi, khó khăn khi dạy - học và nghiên cứu văn bản văn học nước ngoài; một số vấn đề về dạy - học và nghiên cứu văn bản văn học nước ngoài ở trường phổ thông.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức		
CLO1	Xác định được khái niệm văn học nước ngoài và các khái niệm hữu quan; tính đặc thù của các văn bản văn học nước ngoài; những thuận lợi, khó khăn khi dạy - học văn bản văn học nước ngoài;	PLO3, PLO4, PLO5, PLO6
CLO2	Hệ thống, phân loại và nắm bắt được các văn bản văn học nước ngoài trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THCS và THPT; xác định được phương hướng, mục tiêu, cách tiếp cận, nghiên cứu và dạy học văn bản văn học nước ngoài ở trường phổ thông.	PLO3, PLO6, PLO7, PLO8
Kỹ năng		
CLO3	Vận dụng hiệu quả các biện pháp phát triển năng lực của người học và các vấn đề theo đặc trưng thể loại văn học vào thực tiễn thiết kế và tổ chức dạy học văn bản văn học nước ngoài theo định hướng phát triển năng lực và đặc trưng thể loại.	PLO3, PLO4, PLO5, PLO9
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm		
CLO4	Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề đặt	PLO9, PLO10

	ra trong nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông.	
--	---	--

***Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT**

PLO \ CLO	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
1	✓	✓	✓	✓				
2	✓			✓	✓	✓		
3	✓	✓	✓				✓	
4							✓	✓

5. Tài liệu dạy học

Giáo trình / Tài liệu tham khảo chính	[1] Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) (2020), <i>Hướng dẫn dạy học môn Ngữ văn trung học phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông 2018</i> , Nxb ĐHSP Hà Nội. [2] Phùng Văn Tửu (2003), <i>Cảm thụ và giảng dạy văn học nước ngoài</i> , Nxb Giáo dục.
Tài liệu tham khảo	[1] Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên) (2020), <i>Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THPT</i> , Nxb ĐHSP Hà Nội.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
2	Thảo luận/Thuyết trình	Rubric 2/ Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
Kiểm tra thường xuyên				30%

	Viết	Rubric 5	CLO2, CLO3	
Thi cuối kỳ				50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
Thang điểm				10

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1, Tuần 1. Khái niệm văn học nước ngoài và các khái niệm hữu quan

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
1.1. Văn học nước ngoài và văn học thế giới 1.2. Văn học dịch và dịch văn học	7	Lý thuyết	CLO1, CLO2	Đọc tài liệu số [1], [2]; tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	Nghiên cứu tài liệu
Thảo luận về ý kiến cho rằng “Dịch tức là phản” và “Dịch cũng là một hoạt động sáng tạo”.	5	Thảo luận / BT	CLO1, CLO2-3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu tài liệu - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.
Những điểm giống nhau và khác nhau của các loại văn bản văn học dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt.	4	Thực hành	CLO2, CLO3	Đọc thêm các tài liệu khác trên các trang Website	Nghiên cứu tài liệu - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.
Tìm hiểu và nghiên cứu tư liệu liên quan các khái niệm trên	30	Tự học	CLO3-4		Nghiên cứu tài liệu

		KT ĐG	-	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân
--	--	----------	---	---------------	--	------------------------------------

Nội dung 2, Tuần 2. Văn học nước ngoài trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
2.1. Nội dung văn học nước ngoài trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông 2.2. Những thuận lợi, khó khăn trong dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông	7	Lí thuyết	CLO1-2	Đọc tài liệu số [1], [2]; tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm bài tập theo yêu cầu của GV
Những điểm mới về nội dung, phương pháp dạy học các văn bản văn học nước ngoài của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo <i>Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>)	4	Thực hành	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thực hành - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.
Chỉ ra những thuận lợi, khó khăn trong dạy học	5	Thảo luận / BT	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm	Thực hiện nhiệm vụ

văn học nước ngoài ở trường phổ thông hiện nay				hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	GV yêu cầu
Tổng hợp danh mục, thời lượng các bài dạy học văn học nước ngoài trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THCS và THPT hiện nay đang sử dụng và chương trình mới (Ban hành kèm theo <i>Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>). Tìm hiểu nguyên do của những thay đổi.	35	Tự học	CLO1, CLO4	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3] và sgk hiện nay và chương trình mới	Nghiên cứu tài liệu
		KT - ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 3, Tuần 3. Vấn đề dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
3.1. Tiếp cận và dạy học các văn bản văn học nước ngoài theo đặc trưng thể loại văn học 3.2. Tiếp cận và dạy học các văn bản văn học nước ngoài theo định hướng hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh phổ thông	6	Lý thuyết	CLO1, CLO2	Đọc tài liệu số [1], [2]; tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	Nghiên cứu giáo trình

Vận dụng lí thuyết để khai thác một văn bản sử thi/thơ/tiểu thuyết/truyện ngắn cụ thể trong chương trình	5	Thực hành	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu tài liệu - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.
Những thuận lợi, khó khăn hiện nay khi GV tiếp cận và dạy học văn bản sử thi/Thơ/tiểu thuyết và truyện ngắn/kịch. Biện pháp khai thác thuận lợi, khắc phục khó khăn để dạy học văn bản văn học nước ngoài ở trường phổ thông.	4	Thảo luận / BT	CLO2, CLO3	Tự thực tế giảng dạy	Trải nghiệm bản thân và đồng nghiệp - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.
Ôn tập về dạy học VHNN theo đặc trưng thể loại và định hướng hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh phổ thông	35	Tự học	CLO4	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Nghiên cứu tài liệu
		KT – ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

Nội dung 4, Tuần 4. Vấn đề nghiên cứu văn học nước ngoài ở trường phổ thông

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu HV chuẩn bị
4.1. Mục đích của việc nghiên cứu văn	7	Lí thuyết	CLO1, CLO2	Đọc tài liệu số [1], [2];	- Chuẩn bị nội dung thảo luận

học nước ngoài ở trường phổ thông 4.2. Những vấn đề cụ thể của việc nghiên cứu văn học nước ngoài ở trường phổ thông				tìm hiểu thêm tài liệu số [3]	- Làm bài tập theo yêu cầu của GV
Những khó khăn của GV PT hiện nay trong việc nghiên cứu văn học nước ngoài ở trường phổ thông	5	Thảo luận / BT	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	- Chuẩn bị nội dung thảo luận - Làm bài tập theo yêu cầu của GV.
Đề xuất một đề tài nghiên cứu văn học nước ngoài/ văn học nước ngoài ở trường phổ thông; chỉ rõ lý do (ý nghĩa khoa học, ý nghĩa thực tiễn, tính cấp thiết, tính khả thi...) lựa chọn đề tài; xác định đối tượng, mục tiêu, khách thể và phạm vi nghiên cứu đề tài; luận giải các phương pháp nghiên cứu được vận dụng để thực hiện đề tài; giới thiệu đề cương sơ lược nội dung nghiên cứu đề tài.	5	Thực hành	CLO2, CLO3	Đọc tài liệu số [1]; tìm hiểu thêm tài liệu số [2], [3]	Thực hiện nhiệm vụ GV yêu cầu

Tập duyệt NCKH (chọn một đề tài VHNN cụ thể)	35	Tự học	CLO4		Nghiên cứu tài liệu
Lập đề cương chi tiết cho đề tài đề xuất ở trên		KT – ĐG	CLO1, CLO2		Làm BT, bài kiểm tra cá nhân

8. Quy định đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giáo viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

9. Các yêu cầu khác:

- Trước khi lên lớp, học viên phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Trên lớp chú ý nghe giảng và tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài.
- Ở nhà, học viên tích cực tự học, tự nghiên cứu tài liệu để hoàn thành tốt môn học.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1	Người cập nhật
Ngày 5 tháng 9 năm 2018	Trịnh Đình Hà
Cập nhật ĐCCTHP lần 2	Người cập nhật
Ngày 15 tháng 9 năm 2020	Trịnh Đình Hà
Cập nhật ĐCCTHP lần 3	Người cập nhật
Ngày 20 tháng 9 năm 2022	Nguyễn Thị Hạnh

Ngày 20 tháng 9 năm 2022

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Giảng viên

Mai Văn Tùng

Vũ Thanh Hà

Nguyễn Thị Hạnh

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHỤ LỤC
CÁC RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng < 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt $\geq 80\%$ nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Vào lớp học đúng giờ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Vào lớp muộn > 30% số buổi	Vào lớp muộn 20-30% số buổi	Vào lớp muộn (quá 15 phút) 10% số buổi	Luôn đi học đúng giờ

2. Rubric đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Tương đối đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận đến áp dụng căn cứ khoa học, logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng

Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
---	-----	-----------------	----------------	----------------	--------------

20. Văn bản đa phương thức và dạy học văn bản đa phương thức

Thông tin chung về học phần

Tên học phần: Văn bản đa phương thức và dạy học văn bản đa phương thức		Mã học phần 1NV225
Tên tiếng Anh: Multimodel text and Multimodel text teaching		
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng <input type="checkbox"/> Kiến thức chu <input type="checkbox"/> ; Kiến thức cơ sở ngành		
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ t <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 03		
Số tiết lý thuyết: 27		Số tiết thảo luận/bài tập: 18
Số tiết thực hành: 18		Số tiết tự học: 135 tiết
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết		Văn học nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông quốc tế thế kỉ XXI
Học phần kế tiếp:		Thực tập
Bộ môn quản lý học phần		Ngữ văn

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	PGS.TS Lê Thị Phụng	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915831971	Phụ trách
2	Phạm Thị Anh	Khoa GDMN	0914336136	CBGD2

3. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần:

Học phần cập nhật và trang bị kiến thức chuyên sâu về văn bản đa phương thức; các quan niệm về văn bản đa phương thức, đặc điểm, vai trò của văn bản đa phương thức; 1 số loại văn bản đa phương thức trong sách giáo khoa; dạy đọc hiểu và dạy tạo lập văn bản đa phương thức trong môn Ngữ văn ở trường trung học.

Năng lực đạt được:

đọc hiểu và tạo lập văn bản đa phương thức.

- Vận dụng vào dạy học sinh đọc hiểu và tạo lập văn bản đa phương thức trong SGK môn Ngữ văn ở trường trung học.

- Vận dụng các kiến thức về văn bản đa phương thức và dạy học văn bản đa phương thức vào giải quyết được các vấn đề đặt ra trong thực tiễn dạy học môn Ngữ văn trong nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CDR của học phần và CDR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
CLO1	Chỉ ra, xác định, phân tích, lí giải được những vấn đề chuyên sâu về văn bản đa phương thức (quan niệm; văn bản đa phương thức trong SGK ở một số quốc gia trên thế giới,...)	PLO4: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về giao tiếp ngôn ngữ và tích hợp trong dạy học môn Ngữ văn.
<i>Kỹ năng</i>		
CLO2	Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản đa phương thức và tạo lập văn bản đa phương thức ở trường trung học	<p>PLO5: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về đọc hiểu môn Ngữ văn theo chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.</p> <p>PLO6: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực tạo lập văn bản, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức</p>

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
		thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về tạo lập văn bản môn Ngữ văn.
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO3	Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.	PLO9: Tổ chức và quản lý các hoạt động ứng dụng các mô hình, giải pháp mới vào nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và giảng dạy môn Ngữ văn trong nhà trường đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

Ma trận tích hợp giữa CDR của học phần và CDR của chương trình đào tạo:

<i>PLO</i>	<i>PLO1</i>	<i>PLO2</i>	<i>PLO3</i>	<i>PLO4</i>	<i>PLO5</i>	<i>PLO6</i>	<i>PLO7</i>	<i>PLO8</i>	<i>PLO9</i>	<i>PLO10</i>
<i>CLO</i>										
1				✓	✓					
2						✓				
3									✓	

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra của học phần và CDR của CTĐT

5. Tài liệu dạy học

<i>Giáo trình/tài liệu tham khảo chính</i> (01-02 giáo trình/tài liệu)	1. Nguyễn Hồng Nam (Chủ biên), Dương Thị Hồng Hiếu (2017), <i>Giáo trình phương pháp dạy đọc văn bản</i> , Nxb Đại học Cần Thơ. 2. Đỗ Ngọc Thống tổng chủ biên, Bùi Minh Đức chủ biên, (2018). <i>Dạy học phát triển năng lực học sinh môn Ngữ văn THPT</i> , Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.
<i>Tài liệu tham khảo</i> (không)	1. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên), Đoàn Thị Thanh Nguyệt, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Hồng Xuân

quá 04 tài liệu)	(2017), <i>Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông</i> , Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội. 2. Bùi Minh Đức (Tổng chủ biên) và nhiều tác giả (2020), <i>Đọc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn 10</i> , Nxb Giáo dục Việt Nam
------------------	--

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				30%
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3	
Thi cuối kì				50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3.	
Thang điểm				10

Rubric 1 Đánh giá chuyên cần và tiến độ

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Mức độ thực hiện kế hoạch nghiên cứu chuyên đề	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến < 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến < 2.5	
		Tham dự 95 - 100% số giờ lý thuyết	Tham dự 90 - 94% số giờ lý thuyết	Tham dự 80 - 89% số giờ lý thuyết	Tham dự < 80% số giờ lý thuyết	

Mức độ tích cực tham dự các hoạt động học tập chuyên đề	50%	$5.0 \text{ đến } \geq 4.25$	$3.5 \text{ đến } < 4.25$	$3.5 \text{ đến } \geq 2.5$	$0 \text{ đến } < 2.5$	
		- Chủ động tích cực thực hiện đáp ứng $\geq 85\%$ nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động, tích cực thực hiện đáp ứng $\geq 70\%$ nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	- Chủ động thực hiện đáp ứng $\geq 50\%$ nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	- Thực hiện đáp ứng $< 50\%$ nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	
Tổng điểm:						

Rubric 2 Đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	
		Bám sát vấn đề thảo luận và nêu ý kiến rất xác đáng	Nêu ý kiến khá xác đáng về vấn đề thảo luận	Một vài điểm trong ý kiến về vấn đề TL chưa xác đáng	Ý kiến lan man không bám vào chủ đề thảo luận.	
	30%	$3.0 \text{ đến } \geq 2.5$	$2.0 \text{ đến } \leq 2.5$	$1.5 \text{ đến } \leq 2.0$	$0 \text{ đến } \leq 1,25$	
		Nhận xét, đánh giá thỏa đáng về các ý kiến khác, sử dụng lí lẽ, bằng	Nhận xét, đánh giá khá thỏa đáng về các ý kiến	Nhận xét, đánh giá khá hời hợt về các ý kiến khác,	Nhận xét đánh giá không thỏa đáng về các	

		chúng phù hợp để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	khác, đưa ra được 1 vài căn cứ khá thuyết phục để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	nhiều lí lẽ, bằng chứng chưa thỏa đáng.	ý kiến khác, thiếu lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	
Phương tiện hỗ trợ	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Sử dụng động tác hình thể và phương tiện phi ngôn ngữ, điều chỉnh nội dung, giọng điệu rất phù hợp với không khí thảo luận.	Sử dụng động tác hình thể, điều chỉnh nội dung, giọng điệu tương đối phù hợp với không khí thảo luận.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, nội dung dài ít phù hợp với không khí thảo luận.	Nội dung, giọng điệu không phù hợp với không khí thảo luận, nhiều lỗi diễn đạt.	
Thái độ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Hướng vào người cùng thảo luận để trao đổi ý kiến, có tinh thần cầu thị, biết lắng nghe và phản hồi tích cực.	Tôn trọng, lắng nghe người cùng thảo luận nhưng chưa tích cực phản hồi ý kiến.	Thiếu tinh thần cầu thị khi trao đổi ý kiến với người cùng thảo luận	Không tập trung lắng nghe, không trao đổi ý kiến.	
Tổng điểm:						

Rubric 3 Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				
		Tốt	Khá	Đạt yêu cầu	Không đạt	Điểm đánh
		10 – 8.5	8.4 - 7.0	6.9 – 5.0	4.9 - 0	

						giá
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Nội dung đầy đủ, ngắn gọn, logic; Nhấn mạnh những điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ, ngắn gọn, logic. Nêu được 1 vài điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ nhưng dài và thiếu logic.	Nội dung sơ sài, lan man không đúng trọng tâm.	
	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Sử dụng nhiều ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Sử dụng 1 vài ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Nêu ví dụ khá lan man không làm rõ được quan điểm của bạn.	Không sử dụng ví dụ để giải thích quan điểm của bạn.	
Phương tiện hỗ trợ	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	
		Ngôn ngữ, hình thể giọng nói truyền cảm, chuẩn mực; Sử dụng biểu, bảng/clip/ hình ảnh rất phù hợp.	Ngôn ngữ, giọng nói rõ ràng; Sử dụng biểu, bảng/clip/hình ảnh tương đối phù hợp.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, lạm dụng quá nhiều slide trình chiếu.	Nói không rõ ràng, nhiều lỗi diễn đạt, slide đơn điệu.	
Thái độ	20%	2.0 đến ≥ 1.5	1.25 đến 1.5	1.0 đến ≤ 1.25	0 đến < 1.0	

		Tạo lập được mối quan hệ thân thiện với người nghe; Tự tin, tương tác với người nghe	Tự tin, tương tác với người nghe	Thiếu tự tin, ít tương tác với người nghe	Không tự tin, không tương tác với người nghe	
Tổng điểm:						

Rubric 5 Đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 - 0	
Nội dung bài kiểm tra viết	40%	4.0 đến \geq 3.25	2.75 đến \leq 3.25	2.5 đến \geq 2.0	0 đến $<$ 2.0	
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm khá vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết cơ bản, nắm chưa vững 1 vài nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Rất thiếu kiến thức thực tế và lý thuyết; không nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	
	40%	4.0 đến \geq 3.25	2.75 đến \leq 3.25	2.5 đến \geq 2.0	0 đến $<$ 2.0	
		Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/đánh giá thông tin, dữ	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ	

		liệu; đưa ra giải pháp giải quyết tất cả vấn đề một cách KH.	liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 2/3 vấn đề đảm bảo tính KH.	liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 1/2 vấn đề đảm bảo tính KH.	liệu; giải pháp đưa ra không giải quyết được vấn đề.	
Hình thức bài kiểm tra viết	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Bố cục hợp lí, trình bày rõ ràng đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày rõ ràng, đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày chưa rõ ràng; mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.	Bố cục không hợp lí, trình bày lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
Sáng tạo	10%	$1.0 \text{ đến } 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \leq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Nhiều kiến giải mới mẻ, độc đáo.	Một số kiến giải mới tạo được dấu ấn riêng.	Một vài kiến giải khác lạ không bị phụ thuộc vào cái đã có.	Kiến giải không hoàn toàn mới nhưng không bị trùng lặp với cái đã có.	
Tổng điểm:						

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1, Tuần 1: Văn bản đa phương thức

[21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
1. Các khái niệm liên quan đến văn bản đa phương thức	9	Lí thuyết	CLO1: Chỉ ra, xác định được những vấn	GT1, GT2	- Nêu các cách phân loại VB.

<p>1.1.1. Văn bản phi hư cấu (non-fiction text)</p> <p>1.1.2. Văn bản đa phương thức (Multimodal text)</p> <p>1.1.3. Văn bản bình luận (expository text)</p> <p>1.2. Văn bản đa phương thức trong chương trình GDPT của 1 số nước trên thế giới</p>			<p>đề chuyên sâu về văn bản thông tin (Khái niệm; VB thông tin ở một số quốc gia trên thế giới)</p>		<p>- Chỉ ra điểm giống và khác nhau trong các định nghĩa về VB thông tin.</p>
<p>1.3. Văn bản đa phương thức trong chương trình GDPT Việt Nam</p> <p>1.3.1. Chương trình Ngữ văn 2006</p> <p>1.3.2. Chương trình Ngữ văn 2018</p>	6	Thảo luận/BT	<p>CLO3: Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.</p>		<p>Thuyết trình Hoặc trình bày bằng bảng tổng hợp</p>

Chỉ ra điểm giống và khác nhau của văn bản đa phương thức và VB đơn phương thức	6	Thực hành	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản đa phương thức và tạo lập văn bản đa phương thức ở trường trung học	GT1 GT2	Bảng so sánh
Giới thiệu 01 VB đa phương thức		Tự học	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản thông tin và tạo lập văn bản đa phương thức ở trường trung học	Internet	Thuyết trình hoặc Poster
Phân tích đặc trưng của VB đa phương thức	07'	KT – ĐG		GT1 GT2 TLTK2	Thuyết trình

Nội dung 2, Tuần 2: Dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức ở trường trung học

[21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>2.1. Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản đa phương thức ở Trung học phổ thông</p> <p>2.2. Các nguyên tắc dạy đọc hiểu văn bản đa phương thức</p> <p>2.3. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học hiểu văn bản đa phương thức</p>	9	Lí thuyết	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản đa phương thức và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học	GT1 GT2	Chỉ ra mức độ tích hợp và phân hóa ở yêu cầu cần đạt về đọc hiểu VB đa phương thức ở THPT.
2.4. Đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản đa phương thức của học sinh trung học	6	Thảo luận/BT	CLO3: Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường	GT1 GT2	Nêu tiêu chí đánh giá năng lực đọc hiểu VB đa phương thức

			các cấp.		
Đọc hiểu VB đa phương thức	6	Thực hành	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản đa phương thức và tạo lập văn bản đa phương thức ở trường trung học	GT1 GT2	Trình bày kết quả đọc bằng sơ đồ trình chiếu trên máy chiếu.
Đọc và giới thiệu về 1 VB thông tin tổng hợp		Tự học		TLTK2	Thuyết trình
Nêu cách đọc VB đa phương thức		KT – ĐG	CLO3: Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và	GT1 GT2	Thuyết trình

			nhà trường các cấp.		
--	--	--	------------------------	--	--

Nội dung 3, Tuần 3: Dạy học viết văn bản đa phương thức ở trường trung học

[21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>2.1. Yêu cầu cần đạt về dạy học viết văn bản đa phương thức ở trường học phổ thông</p> <p>2.2. Các nguyên tắc dạy viết văn bản đa phương thức</p> <p>2.3. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học viết văn bản đa phương thức</p>	9	Lí thuyết	<p>CLO2:</p> <p>Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản đa phương thức và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học</p>	<p>GT2</p> <p>TLTK2</p>	Chỉ ra mức độ tích hợp và phân hóa ở yêu cầu cần đạt về viết VB đa phương thức ở THPT.
<p>2.4. Đánh giá năng lực viết văn bản đa phương thức của học sinh trung học.</p>	6	Thảo luận/BT	<p>CLO3:</p> <p>Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong</p>	<p>GT2</p> <p>TLTK2</p>	Nêu tiêu chí đánh giá năng lực viết VB đa phương thức

			hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.		
Rèn kỹ năng viết 1 văn bản đa phương thức có sử dụng trích dẫn, cước chú và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.	6	Thực hành	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản thông tin và tạo lập văn bản đa phương thức ở trường trung học	GT2 TLTK2	Nêu biện pháp dạy học viết VB đa phương thức theo tiến trình, đảm bảo đặc trưng kiểu, loại VB.
Viết báo cáo nghiên cứu về 1 vấn đề có sử dụng trích dẫn, cước chú và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.		Tự học	CLO3: Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà		Thuyết trình

			trường PT.		
Đề xuất tiêu chí đánh giá năng lực viết 1 báo cáo nghiên cứu		KT – ĐG			Thuyết trình

8. Quy định đối với học viên:

Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

Phòng học có đầy đủ các phương tiện bảng, máy chiếu projector để phục vụ các hoạt động dạy học. Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật
Cập nhật ĐCCTHP lần 2 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật

Ngày tháng 8 năm 2022

Duyệt
(Khoa)

Trưởng bộ môn
(Kí tên)

Giảng viên
(Kí tên)

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC

21. Văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin

Thông tin chung về học phần

Tên học phần: Văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin		Mã học phần
Tên tiếng Anh: Informational text and informational text teaching		1NV226
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng <input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> ;		Kiến thức cơ sở ngành
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/>		Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp
Số tín chỉ: 03		
Số tiết lý thuyết: 27	Số tiết thảo luận/bài tập: 18	
Số tiết thực hành: 18	Số tiết tự học: 135 tiết	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết	Khối kiến thức cơ sở ngành	
Học phần kế tiếp:	Thực tập	
Bộ môn quản lý học phần	Ngữ văn	

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	PGS.TS Lê Thị Phượng	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915831971	Phụ trách
2	Phạm Thị Anh	Khoa GDMN	0914336136	CBGD2

3. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần:

Học phần cập nhật và trang bị kiến thức chuyên sâu về văn bản thông tin; các quan niệm về văn bản thông tin, chức năng và đặc điểm của văn bản thông tin; văn bản thông tin trong sách giáo khoa; nguyên tắc, phương pháp dạy đọc hiểu và dạy tạo lập văn bản thông tin trong môn Ngữ văn ở trường trung học.

Năng lực đạt được:

- Phân tích, phản biện, luận giải về đặc điểm, vai trò, tác dụng của các yếu tố nội dung và hình thức của các văn bản thông tin trong sách giáo khoa môn Ngữ văn..

- Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào đổi mới dạy đọc hiểu và dạy tạo lập văn bản thông tin theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Vận dụng các kiến thức về văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin vào giải quyết được các vấn đề đặt ra trong thực tiễn dạy học môn Ngữ văn trong nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức		
CLO1	Chỉ ra, xác định được những vấn đề chuyên sâu về văn bản thông tin (Khái niệm; VB thông tin ở một số quốc gia trên thế giới)	PLO4: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về giao tiếp ngôn ngữ và tích hợp trong dạy học môn Ngữ văn.
Kỹ năng		
CLO2	Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học	PLO5: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy đọc phát triển năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về đọc hiểu môn Ngữ văn theo chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.
		PLO6: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực tạo lập văn bản, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về tạo lập

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
		văn bản môn Ngữ văn.
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO3	Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp	PLO9: Tổ chức và quản lý các hoạt động ứng dụng các mô hình, giải pháp mới vào nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và giảng dạy môn Ngữ văn trong nhà trường đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

Ma trận tích hợp giữa CDR của học phần và CDR của chương trình đào tạo:

<i>PLO</i>	<i>PL01</i>	<i>PL02</i>	<i>PL03</i>	<i>PL04</i>	<i>PL05</i>	<i>PL06</i>	<i>PL07</i>	<i>PL08</i>	<i>PL09</i>	<i>PL010</i>
<i>CLO</i>										
1				✓	✓					
2						✓				
3									✓	

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra của học phần và CDR của CTĐT

5. Tài liệu dạy học

Giáo trình/tài liệu tham khảo chính (01-02 giáo trình/tài liệu)	1. Nguyễn Hồng Nam (Chủ biên), Dương Thị Hồng Hiếu (2017), <i>Giáo trình phương pháp dạy đọc văn bản</i> , Nxb Đại học Cần Thơ. 2. Đỗ Ngọc Thống tổng chủ biên, Bùi Minh Đức chủ biên, (2018). <i>Dạy học phát triển năng lực học sinh môn Ngữ văn THPT</i> , Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.
Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)	1. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên), Đoàn Thị Thanh Nguyệt, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Hồng Xuân (2017), <i>Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông</i> , Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội. 2. Bùi Minh Đức (Tổng chủ biên) và nhiều tác giả (2020), <i>Đọc hiểu</i>

mở rộng văn bản Ngữ văn 10, Nxb Giáo dục Việt Nam

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				30%
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3	
Thi cuối kì				50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3.	
Thang điểm				10

Rubric 1 Đánh giá chuyên cần và tiến độ

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Mức độ thực hiện kế hoạch nghiên cứu chuyên đề	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến < 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến < 2.5	
		Tham dự 95 - 100% số giờ lý thuyết	Tham dự 90 - 94% số giờ lý thuyết	Tham dự 80 - 89% số giờ lý thuyết	Tham dự < 80% số giờ lý thuyết	
Mức độ tích cực tham dự	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến < 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến < 2.5	
		- Chủ động	- Chủ động,	- Chủ động	- Thực hiện	

các hoạt động học tập chuyên đề	tích cực thực hiện đáp ứng $\geq 85\%$ nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	tích cực thực hiện đáp ứng $\geq 70\%$ nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi	thực hiện đáp ứng $\geq 50\%$ nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	đáp ứng $< 50\%$ nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	
Tổng điểm:					

Rubric 2 Đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	4.0 đến ≥ 3.25	2.75 đến ≤ 3.25	2.5 đến ≥ 2.0	0 đến < 2.0	
		Bám sát vấn đề thảo luận và nêu ý kiến rất xác đáng	Nêu ý kiến khá xác đáng về vấn đề thảo luận	Một vài điểm trong ý kiến về vấn đề TL chưa xác đáng	Ý kiến lan man không bám vào chủ đề thảo luận.	
	30%	3.0 đến ≥ 2.5	2.0 đến ≤ 2.5	1.5 đến ≤ 2.0	0 đến $\leq 1,25$	
		Nhận xét, đánh giá thỏa đáng về các ý kiến khác, sử dụng lí lẽ, bằng chứng phù hợp để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào	Nhận xét, đánh giá khá thỏa đáng về các ý kiến khác, đưa ra được 1 vài căn cứ khá thuyết	Nhận xét, đánh giá khá hời hợt về các ý kiến khác, nhiều lí lẽ, bằng chứng chưa thỏa	Nhận xét đánh giá không thỏa đáng về các ý kiến khác, thiếu lí lẽ, bằng chứng	

		đó.	phục để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	đáng.	để thuyết phục người nghe.	
Phương tiện hỗ trợ	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Sử dụng động tác hình thể và phương tiện phi ngôn ngữ, điều chỉnh nội dung, giọng điệu rất phù hợp với không khí thảo luận.	Sử dụng động tác hình thể, điều chỉnh nội dung, giọng điệu tương đối phù hợp với không khí thảo luận.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, nội dung dài ít phù hợp với không khí thảo luận.	Nội dung, giọng điệu không phù hợp với không khí thảo luận, nhiều lỗi diễn đạt.	
Thái độ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Hướng vào người cùng thảo luận để trao đổi ý kiến, có tinh thần cầu thị, biết lắng nghe và phản hồi tích cực.	Tôn trọng, lắng nghe người cùng thảo luận nhưng chưa tích cực phản hồi ý kiến.	Thiếu tinh thần cầu thị khi trao đổi ý kiến với người cùng thảo luận	Không tập trung lắng nghe, không trao đổi ý kiến.	
Tổng điểm:						

Rubric 3 Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt	Khá	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 - 7.0	6.9 – 5.0	4.9 - 0	
	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	

Nội dung		Nội dung đầy đủ, ngắn gọn, logic; Nhấn mạnh những điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ, ngắn gọn, logic. Nêu được 1 vài điểm quan trọng của bài thuyết trình.	Nội dung tương đối đầy đủ nhưng dài và thiếu logic.	Nội dung sơ sài, lan man không đúng trọng tâm.	
	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Sử dụng nhiều ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Sử dụng 1 vài ví dụ tiêu biểu để giải thích quan điểm của bạn	Nêu ví dụ khá lan man không làm rõ được quan điểm của bạn.	Không sử dụng ví dụ để giải thích quan điểm của bạn.	
Phương tiện hỗ trợ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Ngôn ngữ, hình thể giọng nói truyền cảm, chuẩn mực; Sử dụng biểu, bảng/clip/ hình ảnh rất phù hợp.	Ngôn ngữ, giọng nói rõ ràng; Sử dụng biểu, bảng/clip/hình ảnh tương đối phù hợp.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, lạm dụng quá nhiều slide trình chiếu.	Nói không rõ ràng, nhiều lỗi diễn đạt, slide đơn điệu.	
Thái độ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Tạo lập được mối quan hệ thân thiện với người nghe; Tự tin, tương tác với người nghe	Tự tin, tương tác với người nghe	Thiếu tự tin, ít tương tác với người nghe	Không tự tin, không tương tác với người nghe	

Tổng điểm:	
-------------------	--

Rubric 5 Đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 - 0	
Nội dung bài kiểm tra viết	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm khá vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Kiến thức thực tế và lý thuyết cơ bản, nắm chưa vững 1 vài nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	Rất thiếu kiến thức thực tế và lý thuyết; không nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm tra.	
	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	
		Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết tất cả vấn đề một cách KH.	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 2/3 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 1/2 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; giải pháp đưa ra không giải quyết được vấn đề.	
Hình	10%	$1.0 \text{ đến } \geq$	$0.5 \text{ đến } \leq$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	

thức bài kiểm tra viết		0.75	0.75		
		Bố cục hợp lí, trình bày rõ ràng đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày rõ ràng, đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày chưa rõ ràng; mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.	Bố cục không hợp lí, trình bày lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.
Sáng tạo	10%	1.0 đến 0.75	0.5 đến ≤ 0.75	0.25 đến ≤ 0.5	0 đến ≤ 0.25
		Nhiều kiến giải mới mẻ, độc đáo.	Một số kiến giải mới tạo được dấu ấn riêng.	Một vài kiến giải khác lạ không bị phụ thuộc vào cái đã có.	Kiến giải không hoàn toàn mới nhưng không bị trùng lặp với cái đã có.
Tổng điểm:					

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1, Tuần 1: Văn bản thông tin

[21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
1. Các khái niệm liên quan đến văn bản thông tin 1.1.1. Văn bản phi hư cấu (non-fiction text) 1.1.2. Văn bản thông tin (informational text/informative)	9	Lí thuyết	CLO1: Chỉ ra, xác định được những vấn đề chuyên sâu về văn bản thông tin (Khái niệm; VB thông tin ở	GT1, GT2	- Nêu các cách phân loại VB. - Chỉ ra điểm giống và khác nhau trong các định nghĩa về VB

text) 1.1.3. Văn bản bình luận (expository text) 1.2. Văn bản thông tin trong chương trình GDPT của 1 số nước trên thế giới			một số quốc gia trên thế giới)		thông tin.
1.3. Văn bản thông tin trong chương trình GDPT Việt Nam 1.3.1. Chương trình Ngữ văn 2006 1.3.2. Chương trình Ngữ văn 2018	6	Thảo luận/BT	CLO3: Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.		Thuyết trình Hoặc trình bày bằng bảng tổng hợp
Chỉ ra điểm giống và khác nhau của văn bản thông tin và VB thông tin tổng hợp	6	Thực hành	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản	GT1 GT2	Bảng so sánh

			thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học		
Giới thiệu 01 VB thông tin hoặc VB thông tin tổng hợp		Tự học	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học	Internet	Thuyết trình hoặc Poster
Phân tích đặc trưng của VB thông tin và VB thông tin tổng hợp.	07'	KT – ĐG		GT1 GT2 TLTK2	Thuyết trình

Nội dung 2, Tuần 2: Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin ở trường trung học

[21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
2.1. Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản thông tin ở Trung học phổ	9	Lí thuyết	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản	GT1 GT2	Chỉ ra mức độ tích hợp và phân hóa ở yêu cầu

thông 2.2. Các nguyên tắc dạy đọc hiểu văn bản thông tin 2.3. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học hiểu văn bản thông tin			thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học		cần đạt về đọc hiểu VB thông tin ở THPT.
2.4. Đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản thông tin của học sinh trung học	6	Thảo luận/BT	CLO3: Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.	GT1 GT2	Nêu tiêu chí đánh giá năng lực đọc hiểu VB thông tin
Đọc hiểu VB thông tin và VB thông tin tổng hợp	6	Thực hành	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học	GT1 GT2	Trình bày kết quả đọc bằng sơ đồ trình chiếu trên máy chiếu.
Đọc và giới thiệu về 1 VB thông		Tự học		TLTK2	Thuyết trình

tin tổng hợp					
Nêu cách đọc VB thông tin và VB thông tin tổng hợp		KT – ĐG	CLO3: Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.	GT1 GT2	Thuyết trình

Nội dung 3, Tuần 3: Dạy học viết văn bản thông tin ở trường trung học

[21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
2.1. Yêu cầu cần đạt về dạy học viết văn bản thông tin ở trường học phổ thông 2.2. Các nguyên tắc dạy viết văn bản thông tin 2.3. Các phương pháp, kĩ thuật dạy	9	Lí thuyết	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học	GT2 TLTK2	Chỉ ra mức độ tích hợp và phân hóa ở yêu cầu cần đạt về viết VB thông tin ở THPT.

học viết văn bản thông tin					
2.4. Đánh giá năng lực viết văn bản thông tin của học sinh trung học.	6	Thảo luận/BT	CLO3: Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.	GT2 TLTK2	Nêu tiêu chí đánh giá năng lực viết VB thông tin
Rèn kĩ năng viết 1 văn bản thông tin tổng hợp có sử dụng trích dẫn, cước chú và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.	6	Thực hành	CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học	GT2 TLTK2	Nêu biện pháp dạy học viết VB thông tin theo tiến trình, đảm bảo đặc trưng kiểu, loại VB.
Viết báo cáo nghiên cứu về 1 vấn đề có sử dụng trích dẫn, cước chú và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.		Tự học	CLO3: Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường PT.		Thuyết trình
Đề xuất tiêu chí đánh giá năng lực viết 1 báo cáo nghiên cứu		KT – ĐG			Thuyết trình

8. Quy định đối với học viên:

Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

Phòng học có đầy đủ các phương tiện bảng, máy chiếu projector để phục vụ các hoạt động dạy học. Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1

Người cập nhật

Ngày tháng năm

Cập nhật ĐCCTHP lần 2

Người cập nhật

Ngày tháng năm

Ngày tháng 8 năm 2022

Duyệt
(Khoa)

Trưởng bộ môn
(Kí tên)

Giảng viên
(Kí tên)

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC

THỰC TẬP

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: Thực tập		Mã học phần 1NVT11
Tên tiếng Anh: Practice		
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng <input type="checkbox"/> Kiến thức chu <input type="checkbox"/> ; Kiến thức cơ sở ngành		
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ t <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 06		
Số tiết lý thuyết:	Số tiết thảo luận/bài tập:	
Số tiết thực hành: 180	Số tiết tự học: 270 tiết	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết	Hoàn thành và đạt yêu cầu ít nhất 50% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.	
Học phần kế tiếp: Thực tập	Đề án tốt nghiệp	
Bộ môn quản lý học phần	Ngữ văn	

2. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần: Dưới sự hướng dẫn của GV chuyên ngành, học viên lựa chọn vấn đề, đề tài thực tập, xây dựng đề cương thực tập và thực hiện các nội dung vận dụng kiến thức lý thuyết của các học phần đã học vào việc tìm hiểu, khảo sát, đánh giá thực trạng của cơ sở thực tập, thực trạng của lĩnh vực, vấn đề của ngành, chuyên ngành đào tạo và viết báo cáo khoa học về kết quả của kì thực tập. Kết quả thực tập có thể là tiền đề, nền tảng, cơ sở thực tiễn, định hướng, một phần nội dung của Đề án tốt nghiệp.

3. Mục tiêu học phần:

- CO1: Rèn luyện kỹ năng khảo sát, đánh giá thực trạng tổ chức dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.

- CO2: Phát triển năng lực phát hiện, đề xuất các đề tài nghiên cứu ứng dụng các nguyên lí, lí thuyết dạy học tiên tiến nhằm giải quyết, khắc phục những khó khăn thách thức trong thực tiễn nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực người học.

- CO3: Phát triển năng lực viết báo cáo thực tập dưới dạng một báo cáo khoa học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CDR của học phần và CDR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức		
CLO1	Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục để khảo sát, đánh giá thực trạng tổ chức dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.	PLO3
CLO2	Viết báo cáo thực tập dưới dạng một báo cáo khoa học	PLO7
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO3	Tích cực phát hiện, đề xuất các đề tài nghiên cứu ứng dụng các nguyên lí, lí thuyết dạy học tiên tiến nhằm giải quyết, khắc phục những khó khăn thách thức trong thực tiễn nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực người học.	PLO9

Ma trận tích hợp giữa CDR của học phần và CDR của chương trình đào tạo:

PLO \ CLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
1			✓							
2							✓			
3									✓	

5. Tài liệu dạy học

Giáo trình/tài liệu tham khảo chính	1. Giselle O. Martin – Kniep (2013), Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi, Nxb Giáo dục VN 2. Bùi Minh Hiền, Nguyễn Vũ Bích Hiền (2020), (đồng chủ biên) và nhiều tác giả, <i>Quản lí và lãnh đạo nhà trường</i> , Nxb ĐH sư phạm
--	---

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)	<p>1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Việt Bỉ (2010), <i>Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học</i>. Nxb ĐH sư phạm.</p> <p>2. Trường đại học Hồng Đức (2022), Các biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng ban hành quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và các biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 978/QĐ-ĐHHD ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng quy định về xây dựng, rà soát, bổ sung, cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đối với đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại trường Đại học Hồng Đức.</p>
---	---

6. Đánh giá kết quả thực tập:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Thi cuối kì				50%
	Viết báo cáo thực tập	Rubric 5	CLO3, CLO7, CL09.	
Thang điểm				10

Sử dụng rubric đánh giá học phần thực tập

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.0	Khá 7.9 – 6.5	Trung bình 5.0 - 6.4	Yếu 4.9 -0.0	
Nội dung báo cáo	80%	8.0 đến ≥ 6.5	6.9 đến ≤ 6.5	5.0 đến ≤ 5.9	≤ 4.9	
		Báo cáo thể hiện đầy đủ, khoa học các kết quả thực tập;	Báo cáo thể hiện tương đối đầy đủ, khoa học các kết quả thực tập;	Báo cáo chưa thể hiện đủ các kết quả thực tập;	Báo cáo sơ sài chưa thể hiện được các nội dung yêu cầu và kết quả thực tập	

		Giải pháp, mô hình, công nghệ mới rất thiết thực, hiệu quả	Giải pháp, mô hình, công nghệ mới tương đối phù hợp, hiệu quả	Giải pháp, mô hình, công nghệ mới phù hợp nhưng thực hiện chưa hiệu quả	Giải pháp, mô hình, công nghệ mới không phù hợp	
		Đáp ứng được từ 80% đến 100% yêu cầu thực tập.	Đáp ứng được từ 65% đến 79% yêu cầu thực tập.	Đáp ứng được từ 50% đến 64% yêu cầu thực tập.	Đáp ứng được dưới 50% yêu cầu thực tập.	
Hình thức báo cáo	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	0.5	0.25	0.0	
		Bố cục rất hợp lí, thể thức đúng quy định; trình bày rõ ràng, không sai chính tả, ngữ pháp; hình ảnh/sơ đồ/ biểu/bảng khoa học.	Bố cục tương đối hợp lí, thể thức đúng quy định; trình bày rõ ràng, ít lỗi chính tả; 1 vài hình ảnh/sơ đồ/ biểu/bảng chưa khoa học.	Một số phần, mục trong bố cục báo cáo cần điều chỉnh; ít lỗi về thể thức và chính tả; 1 số hình ảnh/sơ đồ/ biểu/ bảng chưa KH.	Thể thức, bố cục, trình bày báo cáo không đáp ứng được yêu cầu của một báo cáo khoa học.	
Thái độ, chuyên cần, tiến độ	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	0.5	0.25	0.0	
		- Rất tích cực, chủ động; - Nhiệt tình, trách nhiệm cao; - Luôn đáp ứng tốt tiến độ.	- Tích cực, chủ động, nhiệt tình; - Đảm bảo tiến độ.	- Chưa tích cực, chủ động trong một số hoạt động thực tập; - Đảm bảo tiến độ.	- Thụ động, thiếu tinh thần, trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ thực tập; - Không đảm bảo tiến độ.	
Tổng điểm:						

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1, Tuần 1: Tìm hiểu về đơn vị thực tập [20 tiết (TH15, TL05)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>1. Thông tin về đơn vị thực tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ lược về sự hình thành và phát triển của đơn vị. - Tổ chức và các lĩnh vực hoạt động của đơn vị. - Tổ chức quản lý sử dụng các nguồn lực của đơn vị. <p>2. Thông tin về nội dung học viên tham gia thực tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về nội dung thực tập - Đặc điểm - Cơ cấu tổ chức đơn vị, nhiệm vụ các bên liên quan. - Trang thiết bị phục vụ,... - Các yêu cầu khác 	20	Thực hành	<p>CLO1: Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục để khảo sát, đánh giá thực trạng tổ chức dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông bằng các PP NCKH GD</p>	GT1, TLTK2	Thông tin về cơ sở thực tập và thông tin về nội dung thực tập của học viên.

Môi trường dạy học và môi trường giáo dục của đơn vị thực tập có gì khác biệt?	05	Thảo luận	CLO2	GT2	Ý kiến nhận xét, trao đổi với đơn vị thực tập và GV HD thực tập
Ý thức, thái độ và khả năng vận dụng lí thuyết vào giải quyết vấn đề thực tiễn của học viên.		Đánh giá chuyên cần		GT1	Tích cực thực hiện các nội dung thực tập

Nội dung 2, Tuần 2: Nghiên cứu tài liệu liên quan đến nội dung thực tập [30 tiết]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
Học viên tiến hành thu thập tài liệu và nghiên cứu các nội dung sau: - Nghiên cứu về lý thuyết đã học hoặc thu thập thông qua các văn bản pháp lý, hồ sơ ... - Tìm hiểu thực trạng về sử dụng các lý thuyết gắn với các vấn đề trong thực tiễn, việc giải quyết	30	Thực hành	CLO1	GT1, GT2 TLTK2	- Thông tin tài liệu liên quan đến vấn đề, đề tài thực tập; nêu rõ nguồn tài liệu trích dẫn. - Những thông tin, số liệu về thực trạng sử dụng lí thuyết, mô hình dạy học gắn với các

vấn đề nảy sinh trong thực tế khi đang thực tập					vấn đề trong thực tiễn.
---	--	--	--	--	-------------------------

Nội dung 3, Tuần 3: Khảo sát đánh giá thực trạng vấn đề của đề tài thực tập tại đơn vị thực tập [130 tiết]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>1. Tìm hiểu thực tế dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông, phòng giáo dục, sở GD</p> <p>2. Làm việc với các đơn vị, cá nhân về mục tiêu, nội dung, phương pháp khảo sát, đánh giá thực trạng nội dung thực tập.</p> <p>3. Xây dựng các phiếu điều tra, bảng hỏi và các công cụ điều tra khảo sát thực trạng nội dung thực tập.</p> <p>4. Thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, xử lý thông tin, số</p>	130	Thực hành	CLO2	GT1,2 TLTK1,2	Bộ công cụ khảo sát và kế hoạch khảo sát đơn vị thực tập

liệu về thực trạng và phát hiện, đề xuất những vấn đề cần được n/c, giải quyết. 5. Phân tích, đánh giá khảo sát thực trạng.					
Xin ý kiến GV hướng dẫn về bộ công cụ khảo sát đánh giá thực trạng.		Thảo luận	CLO3	GT1	Bộ công cụ khảo sát được đưa ra xin ý kiến GVHD.
Ý thức, thái độ và khả năng vận dụng kiến thức lí thuyết vào thực hiện các nội dung thực tập		KTĐG		GT1 TLTK2	Nội dung thực tập được thực hiện đảm bảo tiến độ thời gian thực tập.

Nội dung 4, Tuần 4: Viết báo cáo thực tập [150 tiết]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
1. Xây dựng đề cương báo cáo khoa học về kết quả thực tập 1.1. Mục đích yêu cầu 1.2. Nội dung thực tập 1.3. Tổ chức thực	150	Thực hành	CLO1,2,3	GT1,2 TLTK1,2	- Đề cương thực tập - Thông tin, số liệu thu thập được về thực trạng - Form mẫu

hiện 1.4. Kết quả thực tập 2. Viết báo cáo khoa học về kết quả thực tập 3. Những ý kiến đề xuất					viết báo cáo thực tập
Xin ý kiến GVHD về sản phẩm viết từng phần của báo cáo thực tập theo đề cương		Thảo luận	CLO1,2,3	GT1,2 TLTK1,2	Các vấn đề khó khăn, vướng mắc cần trao đổi xin ý kiến GVHD.

8. Quy định đối với học viên:

Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

Phòng học có đầy đủ các phương tiện bảng, máy chiếu projector để phục vụ các hoạt động dạy học. Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật
Cập nhật ĐCCTHP lần 2 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật

Ngày tháng 8 năm 2022

Duyệt
(Khoa)

Trưởng bộ môn
(Kí tên)

Giảng viên
(Kí tên)

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

Thông tin chung về học phần

Tên học phần: Đề án tốt nghiệp Thạc sĩ		Mã học phần
Tên tiếng Anh: Master's Graduation Project		1NVDA1
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng <input type="checkbox"/> Kiến thức chu <input type="checkbox"/> ; Kiến thức cơ sở ngành		
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ t <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 09		
Số tiết lý thuyết:	Số tiết thảo luận/bài tập:	
Số tiết thực hành: 270	Số tiết tự học: 405 tiết	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết	Hoàn thành và đạt yêu cầu ít nhất 70% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.	
Học phần kế tiếp: Đề án tốt nghiệp	Không	
Bộ môn quản lý học phần	Ngữ văn	

2. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần: Dưới sự hướng dẫn của GV chuyên ngành, Đề án tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Văn – Tiếng Việt là một nghiên cứu ứng dụng các lí thuyết dạy học hiện đại, các thành tựu khoa học ngôn ngữ, văn học mang lại giá trị phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thực tế dạy học môn Ngữ văn ở trường. Đề án tốt nghiệp có tên đề tài và đề cương do người học đề xuất được người hướng dẫn và Trưởng môn đồng ý. Báo cáo đề án là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án. Đề xuất, kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những khó khăn, thách thức trong thực tiễn giáo dục, dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Đề án tốt nghiệp có cấu trúc 3 phần theo quy định. Đề án được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng.

2						✓	✓	✓		
3									✓	✓

5. Tài liệu dạy học

Giáo trình/tài liệu tham khảo chính	1. Giselle O.Martin – Kniep (2013), Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi, Nxb Giáo dục VN 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học</i> . Nxb ĐH sư phạm.
Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)	1. Bùi Minh Hiền, Nguyễn Vũ Bích Hiền (đồng chủ biên) và nhiều tác giả (2020), <i>Quản lý và lãnh đạo nhà trường</i> 2. Trường Đại học Hồng Đức (2022), Các biểu mẫu quy định ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

6. Đánh giá Đề án tốt nghiệp:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Cuối kì				
1	Báo cáo Đề án tốt nghiệp	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3	50%
2	Tóm tắt Đề án tốt nghiệp			
Thang điểm				10

Sử dụng rubric đánh giá Đề án tốt nghiệp thạc sĩ

UBND TỈNH THANH HÓA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

1. Tên đề tài:

2. Chuyên ngành: Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt, mã số: 8140111

3. Họ và tên học viên:

4. Họ và tên cán bộ đánh giá:.....

5. Đơn vị công tác:

6. Ngày bảo vệ: Ngày tháng năm 20

7. Địa điểm:

8. Quyết định thành lập Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp Thạc sĩ số: /QĐ..... ngày/ /20 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức

9. Đánh giá Đề án tốt nghiệp:

TT	CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của GV
I. Nội dung Đề án		(7.0 điểm)	
1.1	Tính cấp thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài Đề án	0.5	
1.2	Độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp nghiên cứu	0.5	
1.3	Sự phù hợp giữa tên đề tài của Đề án với nội dung nghiên cứu và với mã số chuyên ngành đào tạo.	0.5	
1.4	Tổng quan nghiên cứu phong phú và phù hợp với vấn đề nghiên cứu của Đề án	0.5	
1.5	Thu thập và xử lý, phân tích thông tin, số liệu đúng kỹ thuật, đảm bảo độ tin cậy.	0.5	
1.6	Giá trị của kết quả nghiên cứu về lý luận và thực tiễn	4.0	
1.7	Bản tóm tắt Đề án trung thành với bản chính văn	0.5	
II. Thành tích nghiên cứu		(1.0 điểm)	
2	Văn bản xác nhận chuyển giao kết quả nghiên cứu; hoặc có bài báo khoa học liên quan đến nội dung Đề án đã được công bố trên tạp chí khoa học Nhà trường hoặc các tạp chí khoa học chuyên ngành, kỉ yếu khoa học quốc gia, quốc tế được HĐCD giáo sư tính điểm công trình.	1.0	

III. Hình thức Đề án			
(1.0 điểm)			
3.1	Bố cục hợp lý, tổ chức các chương mục rõ ràng, logic.	0.5	
3.2	Trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng đúng quy định. Ngôn ngữ chuẩn mực không có sai sót về chính tả, ngữ pháp.	0.5	
IV. Bảo vệ Đề án			(1.0 điểm)
4.1	Trình bày báo cáo rõ ràng, đúng trọng tâm của đề tài, đảm bảo thời gian quy định. Có minh họa, có sử dụng các phương tiện nghe nhìn	0.5	
4.2	Trả lời các câu hỏi của Hội đồng đầy đủ, chính xác, thể hiện tốt năng lực bảo vệ Đề án	0.5	
Tổng cộng		10	

Điểm bằng chữ:.....

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20

Thành viên Hội đồng đánh giá Đề án tốt nghiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1, Tuần 1: Đăng kí đề án và xây dựng đề cương nghiên cứu đề án thạc sĩ [60 tiết [40TH; TL20]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
1.1. Học viên đăng ký đề án và người hướng dẫn 1.2. Học viên trao đổi và thống nhất người hướng dẫn về đề tài đề án và hướng thực hiện	40	Thực hành	CLO1	GT1, GT2 TLTK1	Đề cương Đề án ThS

<p>đề án.</p> <p>1.3. Học viên xây dựng đề cương nghiên cứu đề án.</p> <p>1.4. Bộ môn tổ chức góp ý đề cương nghiên cứu đề án</p> <p>1.5. Học viên hoàn thiện đề cương, có xác nhận của người hướng dẫn và Trưởng bộ môn.</p> <p>1.6. Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt tên đề án và người hướng dẫn cho học viên trước khi tổ chức đánh giá đề án ít nhất 3 tháng.</p> <p>1.7. Học viên khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu, phân tích, xử lý thông tin, dữ liệu đánh giá thực trạng chất lượng dạy học chương trình, sách giáo khoa GDPT môn Ngữ văn theo</p>					
--	--	--	--	--	--

yêu cầu đổi mới.					
Xin ý kiến GVHD về Đề cương Đề án ThS	20	Thảo luận	CLO2	GT1,GT2	Ghi chép các ý kiến trao đổi của GVHD và hoàn thiện Đề cương đề án
Ý thức, thái độ và năng lực thực hiện đề cương đề án ThS		KTĐG	CLO1, CLO2		Tích cực xây dựng và hoàn thiện đề cương

Nội dung 2, Tuần 2: Viết báo cáo đề án tốt nghiệp và tóm tắt đề án [160 tiết (TH140; TL20)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
<p>2.1. Viết báo cáo đề án tốt nghiệp</p> <p>2.1.2. Căn cứ vào đề cương để viết báo cáo đề án thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu 	130	Thực hành	CLO1, CLO2, CLO3	GT1,GT2, TLTK1,2	Sản phẩm thực hành viết từng phần theo Đề cương đề án

<p>quả những thách thức trong thực tiễn.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề liên quan đến chuyên ngành học của học viên;- Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;- Tuân thủ quy định của Nhà trường về liên chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.- Đề án có cấu trúc 3 phần không kể mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục theo quy định tại mẫu 3 theo Quyết định số					
---	--	--	--	--	--

<p>297/QĐ-ĐHHD ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hong Đức.</p> <p>2.2. Viết tóm tắt đề án</p> <p>2.2.1. Tóm tắt đề án có kích thước 148.5 x 210 mm (khổ A4 chia đôi), trình bày rõ ràng, không tẩy xoá. Số thứ tự của các hình vẽ, bảng biểu phù hợp như trong đề án.</p> <p>2.2.2. Tóm tắt nhiều nhất trong 24 trang trên hai mặt giấy, phong chữ Times New Roman, cỡ chữ 11.</p> <p>2.2.3. Tóm tắt phải phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của đề án.</p> <p>2.3. Viết thông</p>	10	Thực hành	CLO2	Chính văn đề án và biểu mẫu theo QĐ 297.	Bản tóm tắt Đề án
--	----	-----------	------	--	----------------------

tin về đề án bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo mẫu 9 theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng HDU.					
Xin ý kiến GVHD về bản thảo Đề án	20	Thảo luận	CLO1, CLO2, CLO3	Bảo thảo Đề án và Tóm tắt ĐA	Thu thập các ý kiến góp ý, hướng dẫn của GVHD

Nội dung 3, Tuần 3: Hoàn thiện báo cáo Đề án và đánh giá đề án tốt nghiệp và sửa hoàn thiện báo cáo đề án nộp lưu trữ đề án tại thư viện trường
[50 tiết]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
3.1. Đánh giá đề án tốt nghiệp 3.1.1. Đề án được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. 3.1.2. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh	50	Thực hành	CLO, CLO2, CLO3	Bản thảo Đề án và Tóm tắt ĐA	- Phương án chỉnh sửa Đề án theo yd kiến góp ý của GVHD. - Đề án đã hoàn thiện theo biểu mẫu quy định gửi các thành viên

<p>vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.</p> <p>3.1.3. Toàn bộ diễn biến của buổi bảo vệ được ghi âm, ghi hình và lưu trữ tại Nhà trường.</p> <p>3.1.4. Hội đồng đánh giá ưu điểm, khuyết điểm tồn tại của đề án về nội dung, bố cục và hình thức của đề án. Tập trung chủ yếu đánh giá các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính cấp thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài đề án. - Sự không trùng lặp của đề tài nghiên cứu so với các công trình khoa học, đề án đã công bố ở trong và ngoài nước; tính trung 					<p>trong Hội đồng đánh giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị Powerpoint tóm tắt nội dung chính của Đề án tốt nghiệp ThS.
---	--	--	--	--	--

<p>thực rõ ràng và đầy đủ trong trích dẫn tài liệu tham khảo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự phù hợp giữa tên đề tài với nội dung nghiên cứu, cũng như với chuyên ngành và mã số đào tạo. - Độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp nghiên cứu đã sử dụng trong đề tài đề án. - Kết quả nghiên cứu mới của đề tài: khả năng vận dụng kết quả việc giải quyết các vấn đề thực tiễn (ứng dụng vào sản xuất, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và đời sống). Ý nghĩa khoa học, giá trị và độ tin cậy của những kết quả nghiên cứu. 					
--	--	--	--	--	--

<p>3.1.5. Trường hợp khi Hội đồng đánh giá đề án cho học viên, nếu nội dung chưa đạt so với yêu cầu đề ra, Hội đồng yêu cầu học viên bổ sung nội dung để đạt mục tiêu ban đầu mới cho phép bảo vệ. Nếu không kịp thời gian, học viên gia hạn thời gian thực hiện theo quy định tại khoản 05 điều 26 Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022, không được thay đổi tên đề tài đề án khi học viên đã bảo vệ trước Hội đồng đánh giá.</p> <p>3.2. Nộp lưu trữ đề án tại thư viện</p> <p>3.2.1. Sau khi bảo vệ thành công, toàn văn</p>								
---	--	--	--	--	--	--	--	--

<p>báo cáo đề án (đã được tác giả đề án chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của hội đồng nếu có) được nộp và lưu trữ tại thư viện của Nhà trường;</p> <p>3.2.2. Toàn văn báo cáo đề án được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.</p> <p>3.2.3. Thời gian nộp đề án tại thư viện trường trong thời gian ít nhất 30 ngày sau khi bảo vệ đề án.</p>								
--	--	--	--	--	--	--	--	--

8. Quy định đối với học viên:

Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

Phòng học có đầy đủ các phương tiện bảng, máy chiếu projector để phục vụ các hoạt động dạy học. Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1

Người cập nhật

Ngày tháng năm

Cập nhật ĐCCTHP lần 2

Người cập nhật

Ngày tháng năm

Ngày tháng 8 năm 2022

Duyệt

(Khoa)

Trưởng bộ môn

(Kí tên)

Giảng viên

(Kí tên)

**TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC**